



Phước huệ tập 1

福慧集 (一)

Thích Hậu Quán
釋厚觀 著述

Việt dịch: Thích Vạn Lợi, Thích nữ Lệ Trúc, Thích nữ Hạnh Quang,
Thích nữ Vạn Nghĩa, Thích nữ Hạnh Tín

越南文翻譯：釋萬利，釋麗竺，釋行光，釋萬義，釋行信



Printed and donated by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.

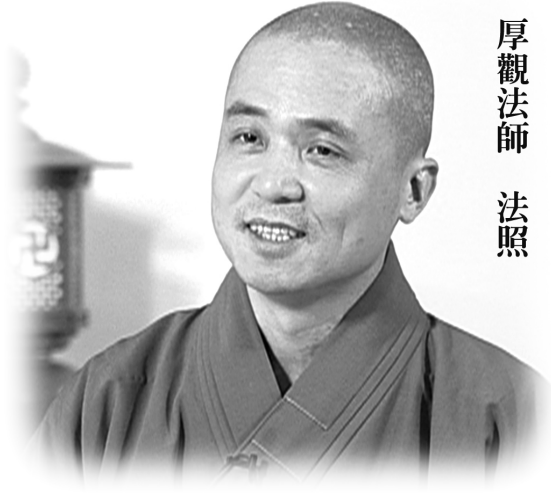
KINH ẨM TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

LỜI TỰA

THÍCH HẬU QUÁN

Từ năm 1996
bút giả du học
Nhật Bản trở về
nước giảng dạy
đến nay, trong
chóp mắt đã trải
qua 15 năm.
Những tháng năm
đó, từ tháng 6 năm
1999 đến tháng 6
năm 2006 đảm

nhiệm qua trụ trì tịnh xá Phước Nghiêm nhiệm kỳ 12 và 13, kiêm viện trưởng Phật học viện Phước Nghiêm; kế tiếp từ tháng 7 năm 2006 đến tháng 6 năm 2010 đảm nhiệm chức trụ trì giảng đường Huệ Nhật ở Đài Bắc nhiệm kỳ thứ 13. Tháng 6 năm nay (năm 2010), bút giả trụ trì giảng đường Huệ Nhật nhiệm kỳ bốn năm đã mãn, lại được Tăng đoàn Phước Huệ đề cử làm trụ trì tịnh xá Phước Nghiêm nhiệm kỳ thứ 15, kiêm viện trưởng Phật học viện này. Ngày nhận trụ trì ở tịnh xá Phước Nghiêm, bút giả suy nghĩ nên có “lễ vật” gì để mang tặng mọi



厚
觀
法
師
法
照

người. Do đó, nghĩ đến trước đây khi bút giả ở hai đạo tràng “Phước Nghiêm và Huệ Nhật” đã giảng dạy qua hoặc tuyển chọn những bài văn ngắn kết tập thành sách, một mặt chia sẻ cùng với đại chúng, mặt khác là để hướng dẫn mọi người.

Cuốn sách “PHƯỚC HUỆ TẬP” này, chủ yếu có hai mục đích:

1. Trong khoảng thời gian trước, bút giả thường dạy học, hoằng pháp ở tịnh xá Phước Nghiêm và giảng đường Huệ Nhật, hoặc được mời đến diễn giảng ở những tự viện, hay các đoàn thể học Phật, cuốn sách này gồm những bài văn tuyển chọn phần nhiều dạy ở hai đạo tràng “Phước Nghiêm và Huệ Nhật”, bao hàm những lời khuyến khích các vị Sa di trong mỗi nửa tháng tụng giới tại tịnh xá Phước Nghiêm, hoặc trong khi nghiên cứu thảo luận lúc lên lớp Phật học viện, và khi giảng dạy cho tín chúng ở giảng đường Huệ Nhật, vì thế đặt tên “PHƯỚC HUỆ TẬP”.

2. Hiện tại lấy tên “PHƯỚC HUỆ TẬP”, còn có một ý nghĩa khác, đó là hi vọng khích lệ cùng đại chúng, nguyện cho mọi người đều có khả năng “quảng tập phước đức, trí huệ tư lương”. Và trong “Đại Trí Độ Luận” dạy: “Muốn thành tựu Phật đạo, phải đủ hai

phương diện: Một là phước đức, hai là trí huệ”¹. Và Cổ Đức cũng khuyên: “Vào đạo phải lấy trí tuệ làm căn bản, trí tuệ phải lấy phước đức làm cơ sở. Giống như con chim có đôi cánh bay vun vút trên bầu trời, chiếc xe có hai bánh chạy xa ngàn dặm”². Đức Phật có lòng từ bi trí tuệ song toàn, phước huệ viên mãn, nên chúng ta học Phật, cũng phải phát tâm từ bi, lấy ba thiện căn không tham, không sân và không si tu tập tất cả thiện pháp, đem đến lợi ích cho chúng sanh, nhằm tu tập phước đức tư lương; và lấy văn, tư, tu huệ để quảng tập trí huệ tư lương, cứu cánh Phật quả cuối cùng viên thành “phước đức trang nghiêm, trí huệ viên mãn”.

Từ hai lý do trên, nhân đây mới lấy tên cuốn sách là “PHƯỚC HUỆ TẬP”.

Còn những bài giảng dạy và ghi chép khác, vì chưa có thời gian chỉnh lý, nên trước tiên phát hành “PHƯỚC HUỆ TẬP 1”, hi vọng ngày sau, khi nhân duyên đầy đủ, có thể xuất bản các tập tiếp theo.

Giảng đường Huệ Nhật, ngày 12 tháng 6 năm 2010

1 “Đại Trí Độ Luận”, quyển 15, Đại Chánh tập 1, trang 72b.11~12.

2 Đồi Lương, Huệ Hiệu soạn, “Cao Tăng truyện” quyển 13, Đại Chánh tập 50, trang 413b11~13.

Mục lục

| | |
|--|-------|
| LỜI TỰA..... | 3 |
| THIỆN THỨ NHẤT: NHƯ THUYẾT TU HÀNH | 7 |
| ỨNG NIỆM TAM BẢO | 9 |
| ĐEM ĐẠO TÂM ĐỂ HỌC | 1 3 |
| LUÔN LUÔN THỨC TỈNH TRƯỞNG DƯỠNG HUỆ MẠNG | 2 2 |
| ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO | 2 4 |
| TÙY HỖ SÁM HỐI CÓ TẠO TÁC CÓ TÍCH TẬP | 2 6 |
| PHƯỚC ĐỨC CÙNG PHƯỚC BÁO | 2 9 |
| QUÝ VỊ LÀ THIỆN NAM TỬ THIỆN NỮ NHON PHẢI KHÔNG?... .. | 3 5 |
| LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỌI VIỆC ĐỀU NHƯ Ý | 4 2 |
| PHÁP MÔN KHÔNG HAI | 4 5 |
| TU HÀNH NHƯ ĐỐI DIỆN TRƯỚC VỰC THẨM, NHƯ ĐI TRÊN BĂNG MỎNG | 4 8 |
| TÂM NIỆM CÙNG NGHIỆP BÁO | 7 2 |
| THIỆN THỨ HAI BỒ-TÁT CHÁNH HẠNH | 1 3 0 |
| BỒ-TÁT ĐỒNG HỌC..... | 1 3 1 |
| PHƯƠNG PHÁP TU NHẪN NHỤC | 1 3 7 |
| BỒ-TÁT KHÔNG KHỞI TÂM KHINH MẠN..... | 1 9 2 |
| TỰ LỢI LỢI THA | 2 0 0 |
| VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA | 2 1 5 |
| THANH VĂN VÀ BÍCH CHI PHẬT CÓ KHÁC PHẬT KHÔNG? .. | 2 2 4 |
| KHI NÀO MỚI ĐƯỢC GIẢI THOÁT THÀNH PHẬT..... | 2 3 4 |

**THIÊN THỨ
NHẤT: NHƯ
THUYẾT TU
HÀNH**

ỨC NIỆM TAM BẢO

Một năm nữa trôi qua, về phương diện tốt, thì kinh nghiệm của chúng ta tăng trưởng theo ngày tháng; còn đứng từ góc độ khác, thì *“thời gian tồn tại của mạng sống giảm dần, như cá trong hồ nước càng lúc khô đi”*. Nên Đại sư Ấn Thuận trong bài văn “Năm Mới Cần Có Quan Niệm Mới” nhắc nhở: “Khi chúng ta còn chưa đạt được địa vị cứu cánh, thì mọi người giống như nhau, đều ở trong quá trình tạo nghiệp nhân rồi thọ nhận quả báo”¹. Nhân như thế nào thì quả như thế đó. Nếu ai phóng dật, lười biếng, một khi thân người mất đi, khó gặp được Phật nghe chánh pháp. Vì vậy muốn đời đời kiếp kiếp được thuận duyên này, thì ngay bây giờ chúng ta cần phải gieo duyên thâm sâu với Tam bảo!

I. Đối với Đức Phật

Có ai mong muốn đời sau sanh ra nơi không có Phật pháp đâu? Vì thế hiện tại chúng ta phải tinh cần kính lễ, tán thán, nhớ nghĩ về chư Phật! Còn nếu chúng ta không tu học, ngược lại giả dối chư Phật, thì việc thấy Phật nghe pháp sẽ rất khó khăn.

Nên Bồ-tát Long Thọ trong “Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa”

1 Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Phật Pháp Ánh Sáng Của Thế Gian” bài ‘Năm Mới Cần Có Quan Niệm Mới’, trang 250.

dạy: “Giả dối chúng sanh là giả dối chư Phật”². Chúng ta thận trọng ghi nhớ lời khuyên này. Bởi vì chư Phật không có gì chẳng biết, nên dù muốn dối cũng đâu dễ. Và chúng sanh khác là đối tượng hóa độ của chư Phật, tương lai họ sẽ thành Phật, nên chúng ta lừa dối chúng sanh, thì chư Phật đâu hoan hỷ. Một khi đã gieo duyên xấu với chúng sanh, thì tương lai chúng ta muốn hóa độ họ sợ không đơn giản.

II. Đối với giáo pháp

Ở trong “Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa” nêu ra bốn nguyên nhân làm mất trí tuệ: “1. Không kính trọng giáo pháp và người giảng dạy giáo pháp. 2. Đối với giáo pháp quan trọng nuối tiếc cất giấu không truyền đạt. 3. Đối với người ham thích giáo pháp, lại gây trở ngại làm mất tâm mong cầu của họ. 4. Mang lòng kiêu ngạo tự cao chê bai người khác”³. Nếu như không muốn bị thôi thất trí huệ, đối với vấn đề quan trọng trước nhất là “kính trọng giáo pháp”, phải phản tỉnh lại, chúng ta có “kính trọng, lắng nghe, học hỏi và nương theo đó thực hành” hay chưa? Vì thế chúng ta mong muốn không xảy ra “nạn tiêu diệt giáo pháp”, thì cùng nhau tích cực “hộ trì giáo pháp, hoằng

² “Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa” quyển 2, ‘phẩm thứ 4 Tịnh Địa’, Đại Chánh tập 26, trang 30a5.

³ Đại Chánh tập 26, trang 65c.29~66a.

dương chánh pháp”!

III. Đối với chúng Tăng

“Tăng” có nghĩa là chúng hòa hợp. Ai đâu mong muốn đi một mình trên hành trình tu học? Hay thích xung quanh đều là người mang tâm tánh hơn thua? Còn nếu hy vọng có người thiện tri thức cùng chí hướng hạnh nguyện đồng hành, thì chúng ta hiện tại phải quảng kết thiện duyên.

Nên trong “Đại Trí Độ Luận” dạy: “Chúng ta xem vị thầy như chính Đức Phật; nếu không gặp được thiện tri thức, thì chỉ trách chính mình nhân duyên phước đức chưa vẹn toàn, chứ đừng trách người khác!”⁴ Chúng ta học tập ưu điểm của thiện tri thức, không phải vì mục đích tìm kiếm điều sai lầm của họ. Nếu làm được như vậy, đến nơi đâu cũng có vị thầy để thân cận, đến nơi đâu cũng đạt được lợi ích. Nên hy vọng các vị đều “kính trọng Tăng”, “hộ trì Tăng”, “tán thán Tăng”, đồng lòng gieo duyên thiện pháp!

Cuối cùng, “Đức Phật như y vương, giáo pháp là thuốc tốt, Tăng là người chăm sóc bệnh nhân”⁵. Chúng ta quảng kết thiện duyên thâm sâu với Tam bảo bao nhiêu,

4 “Đại Trí Độ Luận” quyển 96, ‘phẩm 87 Niết Bàn Như Hóa’ Đại Chánh tập 25, trang 733b-c.

5 “Đại Trí Độ Luận” quyển 22, ‘phẩm Tự’ Đại Chánh tập 25, trang 224a22.

thì cơ duyên được gặp Phật nghe pháp thân cận thiện tri thức càng lớn, điều này không những hỗ trợ cho đạo nghiệp được tăng trưởng, mà còn làm cho chánh pháp cửu trụ ở thế gian.

Hy vọng mọi người cùng nhau sách tấn tăng tiến.

ĐEM ĐẠO TÂM ĐỂ HỌC

Ngày 15 tháng 12 năm 1987

1. Lời căn dặn của sư trưởng

Trước khi đến Nhật Bản, thầy Ấn Thuận có căn dặn ba điều : “1. *Cần phải vì Phật pháp mà học, 2. Không được quên bổn phận của người xuất gia, 3. Phải biết sử dụng học vấn, không để cho học vấn sử dụng, nên chú trọng sức khỏe ...*” Và thầy Thánh Nghiêm sở trưởng sở nghiên cứu Phật học Trung Hoa cũng khuyên: “Thứ nhất đạo tâm, thứ hai sức khỏe, thứ ba học vấn”. Nghĩ lại ba năm sinh hoạt ở sở nghiên cứu Phật học, suy tư và hy vọng về nền giáo dục Phật giáo trong tương lai, không làm sao ngăn được những dòng cảm xúc và lúc đó lại được cư sĩ Trần Tú Lan (bạn học ở sở nghiên cứu Phật học) hiện làm chủ biên tờ báo “Nhân Sanh” muốn tôi viết bài, từ các nhân duyên này nên tôi trình bày những điều suy tư dưới đây để cùng sách tấn với các vị nghiên cứu Phật học.

2. Tu hành và nghiên cứu giáo lý

“Phật pháp vốn xuất phát từ sự chánh giác của Đức Phật. Ngài vì thích ứng thời cơ giảng dạy giáo pháp, tùy nghi thiết lập quy chế, nên điều đó không thể đồng đẳng với sự chánh giác của Đức Phật ... Mà còn thích hợp với

*thời gian, không gian và con người”*¹. Đức Phật khi còn tại thế, tùy thời gian, không gian và đối tượng mà giảng dạy thiết lập quy chế, hơn nữa chúng ta chưa tận tai nghe Đức Phật thuyết pháp, về thời gian thì cách Đức Phật tại thế đã hơn hai ngàn năm, về không gian Phật pháp truyền từ Ấn Độ đến Trung Quốc, mà hai nền văn hóa đó không giống nhau; còn về phương diện nhân vật, trải qua biết bao đời các vị Tổ sư trao truyền, do vì các yếu tố đó, nên tùy theo thời gian, không gian và con người mà có sự thay đổi, có sự phát triển. Tuy đệ tử đức Phật tu tập lấy mục đích đạt đến chánh giác làm chính, song đối diện với ngoại đạo tà giáo, nội đạo dị thuyết hỗn tạp, nên tu hành như thế nào, và phương pháp tu tập đó có chính xác hay không, muốn không bị các yếu tố đó chi phối thì phải nương vào “giáo lý” để tu hành và phá tà hiển chánh. Chúng ta căn cứ vào giáo lý để tu hành, lấy việc tu hành thể nghiệm chứng minh lời dạy trong giáo lý, hai điều đó hỗ tương nhau thành tựu.

Vì vậy trong “Trung Quán Luận” ‘Phẩm Quán Tứ Đế’ ghi: *“Chư Phật nương vào hai đế, mà vì chúng sanh thuyết pháp, một là lấy thế tục đế, hai là đệ nhất nghĩa đế. Nếu ai không thể biết được, phân biệt hai loại*

¹ Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Vi Chủ Đích Luận Thư Dữ Luận Sư Chi Nghiên Cứu” (Lời Tựa), trang 2.

đế này, tức ở trong Phật pháp thâm sâu, không biết được ý nghĩa chơn thật. Nếu không nương thế tục đế, không đạt được đệ nhất nghĩa, tức không đạt được Niết-bàn.”²

III. Phật giáo học và Phật giáo

Trăm năm gần đây, Nhật Bản dựa trên cơ sở Phật giáo Trung Quốc, kết hợp phương pháp nghiên cứu hiện đại, nên việc nghiên cứu Phật học có rất nhiều thành tựu. Như thông qua phương pháp nghiên cứu lịch sử Phật giáo “Kinh A Hàm” được đánh giá cao. Nhưng trong lúc mọi người tích cực nghiên cứu văn bản, cũng có người chú ý đến nguy cơ tiềm tàng trong vấn đề này. Nên giáo sư Bình Xuyên Chương (Akira Hirakawa) trong tác phẩm “Phật Giáo Nghiên Cứu Nhập Môn” (trang 28~29) chỉ ra vấn đề:

Muốn khách quan tìm hiểu tư tưởng Phật giáo, thì không thể thiếu việc nghiên cứu văn bản tư liệu, song nghiên cứu văn bản tư liệu với mục đích hỗ trợ cho việc tìm hiểu tư tưởng Phật giáo, nếu chỉ lấy việc nghiên cứu văn bản tư liệu chỉ để phục vụ nghiên cứu văn bản tư liệu, đối với nhân loại không có một chút công hiến nào, thì “Phật giáo học” không có cách duy trì lâu dài, sớm

² “Trung Luận” quyển 4, “24 Phẩm Quán Tứ Đế”, Đại Chánh tập 30, trang 32c.16~33a3.

muộn cũng bị mai một. Bởi vì tuy “Phật giáo học” được hưng thịnh, nhưng “Phật giáo” bị suy vi, giả sử “Phật giáo” không còn tồn tại, thì có thể mong đợi “Phật giáo học” phát triển để làm gì?

Những năm gần đây, không ít người chân chính nghiên cứu Phật học, không kể trong nước hay ngoài nước. Nếu mọi người đều xem trọng việc hiểu rõ “phương pháp tu hành”, và sự diễn biến lịch sử, qua đó ghi nhớ bài học thịnh suy của Phật giáo, để ôn cố tri tân, rút ra bài học của quá khứ áp dụng cho tương lai, nghiên cứu như vậy còn có ý nghĩa hơn.

Do phát hiện nguyên gốc bản văn bản tiếng Phạn, một số học giả chuyên hướng chú ý đến đó, quên đi giá trị của bản dịch chữ Hán. Kỳ thật bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập và những bản dịch trước đó, đã căn cứ vào bản tiếng Phạn, sớm hơn so với bản hiện còn của thế kỷ thứ VII, điểm khác nhau của hai bản này rất đáng để được nghiên cứu. Thầy Ấn Thuận nói: “Phật giáo Trung Quốc (ở đây không bao hàm Thiên Thai, Thiền v.v...) vẫn còn nhiều điều cần nghiên cứu, điều đó chính là việc nghiên cứu đối chiếu các bản dịch này”. Ngoài ra, sự tồn tại của Phật giáo, không chỉ người tu chứng thôi, như khi xem chur Phật thời xưa, vì không y vào giới luật để thống

niếp Tăng đoàn, do đó chánh pháp tồn tại không lâu dài. Nghiêm túc mà nói, hiện tại Tăng đoàn của Trung Quốc sinh hoạt chưa căn cứ vào giới luật, như vậy “chúng ta người xuất gia cần phải phát tâm nghiên cứu về ý nghĩa chân chánh của giới luật.”³

IV. Dạy học, nghiên cứu và giáo hóa

Giáo dục đại học có ba chức năng: dạy học, nghiên cứu và phục vụ xã hội. Đem việc nghiên cứu của đại học Y dược Đông Kinh Nhật Bản làm ví dụ. Giáo sư và sinh viên phải làm thực nghiệm nghiên cứu, học trên lớp tương đối ít, việc “dạy học” là thực thi việc nghiên cứu, nếu xã hội có liên quan đến vấn đề sức khỏe và điều trị, thường thì phỏng vấn các giáo sư đại học, và ứng dụng truyền thông công cộng như báo chí truyền hình v.v... để đăng tải cho mọi người được tiếp cận thông tin, nhằm mục đích “phục vụ xã hội”; mà vấn đề vừa phát sinh, cũng chính là đề tài nghiên cứu mới. Hay nói cách khác: nghiên cứu là vì mục đích giải quyết các vấn đề cần thiết của xã hội con người. Giáo dục Phật giáo cũng như vậy, ngoài thời gian lên lớp ra, chúng ta cần nghiên cứu các vấn đề về lĩnh vực giáo lý, tu chứng và Tăng

³ Pháp sư Ấn Thuận trước, “Hoa Vũ Tập” quyển thứ 5, ‘Phương Pháp và Lập Trường Nghiên Cứu Phật pháp’, trang 71.

đoàn v.v...

Nếu chỉ có một thiếu số tu chứng hay nghiên cứu mà thiếu đi người làm công tác “giáo hóa” phục vụ xã hội, thì cũng khó mà đem Phật pháp phổ cập trong nhân quần. Khiếm khuyết mạch nước ngầm này, thì Phật pháp có nguy cơ bị đứt đoạn. Vì vậy những nhà nghiên cứu Phật học, nên xem trọng các người làm việc giáo hóa, từ thiện. Bởi vì họ đem lý luận và tu chứng biểu hiện cụ thể trong cách làm người và xử lý công việc, thực tiễn hoằng hóa Phật pháp?

Giáo hóa chúng sanh, phải có phương tiện, nhưng điều đáng để chúng ta chú ý là: người sử dụng phương tiện nếu chỉ lấy thể tục, mà quên đi mục đích “giải thoát, thành Phật” của Phật pháp làm nét đặt trung, thì không trở thành “Phật giáo”. Ngoài ra, người nghiên cứu nếu chỉ cao đàm khoát luận, quên đi việc giáo hóa chúng sanh, thì cũng dễ đạp trên vết xe đổ của Phật giáo thời A-tỳ-đàm.

Vốn các luận sư A-tỳ-đàm tích cực nghiên cứu về “pháp” đây là điều thích đáng; bởi vì Đức Phật đã diệt độ, đệ tử Ngài không thể trực tiếp thừa hỏi các vấn đề lên quan đến tu tập và chứng ngộ, song họ phát hiện, căn cứ vào “pháp” do Đức Phật dạy để tu hành, cũng đạt

đến giải thoát. Họ cho rằng: đối với “pháp” có nhận thức càng thấu triệt, càng hiểu được chơn lý, càng tiếp cận đến giải thoát. Do vậy họ hết sức tích cực chỉnh lý quy nạp, tổ chức hóa, thứ tự hóa những lời dạy thích ứng của Đức Phật. Nghiên cứu thảo luận đưa ra các vấn đề quan trọng, thật là công lao không thể kể hết của họ. Nhưng càng về sau, vì để tranh luận với các bộ phái khác, nên các chuyện như tại sao con người có hai con mắt, mà một cái miệng cũng đem ra thảo luận. Từ đó, Phật pháp trở thành công cụ tư duy biện luận của thiểu số, ngược lại mất đi công năng làm lợi ích cho chúng sanh.

Vì thế, giáo dục Phật giáo cần phải đào tạo giảng dạy: người làm công tác giảng dạy; thực hiện các việc “giáo hóa”; và người “nghiên cứu” các vấn đề liên quan đến phương pháp tu chứng và vấn đề của Tăng đoàn, ba mục đích đó liên quan rất mật thiết. Nền giáo dục Phật giáo như thế mới có sự cống hiến cho Phật giáo và đem đến lợi ích cho chính mình.

V. Vì “Phật pháp” mà học

Có lần thưa thầy Ân Thuận về quan điểm giáo dục của Tăng đoàn, Ngài dạy: *“Đã là giáo dục Tăng đoàn, chính là giáo dục người xuất gia, nhất định phải*

‘nghiêm khắc’. Tuy các lớp sơ cấp, cao cấp hay nghiên cứu sinh khác nhau, nhưng vấn đề cơ bản *‘bồi dưỡng kiện toàn Tăng cách’ không có khác*”. Trước đây tôi có hướng dẫn một số sinh viên đại học đến tham dự lớp sơ cấp của Phật học viện Phước Nghiêm, ban đầu họ cảm thấy kỳ lạ, nhưng sau đó dần hiểu, bồi dưỡng kiện toàn Tăng cách (bao hàm người tại gia kiện toàn phẩm cách), càng quan trọng hơn là giáo dục đào tạo ra các nhà học giả có tâm cao ngạo. Muốn trở thành người chánh nhân quân tử trong đời đã khó, huống gì trở thành một vị Thánh hiền xuất thế! Bởi vậy nền giáo dục Phật giáo, chẳng luận là “giảng dạy”, “nghiên cứu”, “giáo hóa”, đều lấy vấn đề đó làm trọng tâm.

Cách đây không lâu thầy Ấn Thuận có tặng tấm hình, và ghi trên đó vài lời nhắc nhở:

“Vì lợi ích cứu giúp nhân quần mà học, vì thanh tịnh tâm mình mà học.

Vì tìm cầu Phật pháp thâm sâu mà xuất ngoại du học, chớ suy nghĩ vì học vấn thế gian.”

Thầy Huệ Không bạn cùng lớp ở sở nghiên cứu Phật học Trung Hoa từng nói: *“Học vấn trong đời so sánh, thua người một chút có gì đâu”*. Chính xác như vậy, vì mục đích hơn thua học vấn bên ngoài, mà quên mất ý

nghĩa chơn thật của Phật pháp, chẳng những vô ích đối với nhân quần, ngược lại tăng thêm phiền não ngã mạn, gây tổn thất rất lớn.

Có người gọi tám vị nghiên cứu sinh khóa thứ II của sở nghiên cứu là “bát tiên quá hải”, biển học của khóa đã vượt qua, hiện tại phải vượt qua biển để đến Nhật cầu học, song chơn chánh của cái “khô hải kiếp nhân sanh” còn đợi việc tinh tấn tu hành khắc phục nó!

Sự nghiệp của Phật giáo cần chúng ta cùng nhau thực hiện, bởi vì cá nhân tài hèn phước mỏng, nên các vấn đề đưa ra chưa thể thực hiện được, song hy vọng nhân cơ hội này mà cùng nhau khích lệ, nếu có gì chưa thích đáng, xin các vị chỉ giáo.

LUÔN LUÔN THỨC TỈNH TRƯỞNG DƯỠNG HUỆ MẠNG

Trong tuần trước, cùng nhau tham dự ngôi thiền ba ngày, đại chúng cảm thấy trong tâm có an ổn thanh tịnh không? Hay tâm viên ý mã, vọng tưởng tạp loạn, tà niệm xuất hiện không ngừng? Nên chúng ta tự nhìn lại chính mình, tâm chưa có biện pháp điều phục khiến nó thanh tịnh, thì cuối cùng nguyên nhân đó nằm ở đâu?

Có phải từ quá khứ đến nay, tập khí của chúng ta tích lũy nặng, hay trong hiện tại huân tập nhiễm ô nhiều, khiến cho tâm chúng ta bị ảnh hưởng, khó áp dụng phương pháp điều phục? Hay chúng ta đối với phương pháp tu tập chưa thông hiểu thấu đáo? Hay chúng ta đã am tường rồi, mà chưa đem toàn tâm toàn lực thực tập, hay cả ba vấn đề này đều tồn tại? Nếu tập khí tạp nhiễm nặng nề, phương pháp tu tập chưa tinh thông và không đem toàn tâm toàn lực áp dụng, thì kết quả đương nhiên đã biết.

Đã như vậy, chúng ta làm sao đối trị? Tôi nghĩ, chỉ có cách chính mình phải tự nỗ lực, người khác không thể giúp đỡ được việc này. Như một người muốn hấp thu dinh dưỡng, thì phải ăn uống những đồ vật có ích, mới duy trì nuôi dưỡng được thân thể. Ngược lại nếu ăn vào

toàn độc tố, tiếp xúc với hoàn cảnh không lành mạnh sẽ làm cho thân tâm bị tổn thương, thì chúng ta sẽ biết mạng sống của người đó đâu có lâu dài!

Cũng vậy, chúng ta nên duy trì huệ mạng bằng “giới, định, tuệ”, làm cho ngày càng tăng trưởng. Còn nếu tiếp xúc những việc liên quan với sanh tử tạp nhiễm, hấp thụ toàn những thứ như vậy, thế thì, chúng ta biết được huệ mạng của người đó không dài rồi!

Hiện tại, chúng ta đã hiểu được cần phải xuất gia học Phật, những việc khó làm như vậy rất đáng trân quý, hy vọng mọi người phải nỗ lực thành công.

ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

Sách tấn các vị Sa di

Phiền não có rất nhiều tên gọi, trong đó có tên là “lậu” (roi rớt, mai một). Khi chúng đắ A-la-hán lậu tận là những vị tham, sân, si v.v... đã hoàn toàn đoạn sạch. Nên chúng ta phát hiện phiền não, cần tức khắc đoạn trừ, nếu không công đức sẽ mai một, như thế đến lúc nào mới được viên mãn?

Con người ai đâu muốn khổ đau, nhưng thật kỳ lạ, họ lại rất thích tích tập các nguyên nhân gây đau khổ. Nguyên nhân đó chính là phiền não và nghiệp. Ba loại hoặc, nghiệp và khổ này không ngừng chuyển động luân phiên tuần hoàn. Vì vậy chúng ta phải làm chủ từng hành động, từng cử chỉ. Mỗi khi khởi tâm động niệm, chúng ta cần có tính cảnh giác cao; mới biết được rõ ràng phiền não gì đang hiện hành, hoặc hiểu được đang tạo nghiệp gì tương lai sẽ chịu quả báo ra sao.

Khi thấy được phiền não sanh khởi, cần phải đoạn trừ, nếu buông lơi không sửa đổi, thì theo “Du Già Sư Địa Luận”¹ nói, có một số nghiệp lực tiềm ẩn sẽ phát khởi

¹ “Du Già Sư Địa Luận” quyển 95: “Thực hành như thế là không tốt, vì ở trong đời này các phiền não chưa sanh khởi sẽ phát sanh; phiền não đã phát sanh còn nhỏ, thì sẽ phát triển lớn, phiền não lớn, thì phát triển lớn hơn, do điều đó làm nhân, sinh khởi tất cả các loại khổ lão bệnh tử. Như

hiện hành, phiền não nhỏ sẽ trở thành phiền não lớn; tiếp tục buông lơi không sửa đổi, thì phiền não lớn này sẽ trở thành phiền não lớn hơn, tiếp tục sẽ dẫn đến cuộc đời này của chúng ta chịu muôn ngàn khổ đau, và còn đem lại khổ đau cho đời sau nữa.

Do đó, hy vọng mọi người bất cứ lúc nào bất kỳ chỗ nào nên lưu ý thân, khẩu, ý của mình và luôn cố gắng diệt trừ tham, sân và si.

TÙY HỖ SÁM HỐI CÓ TẠO TÁC CÓ TÍCH TẬP

Sách tấn Sa di (28/03/2006)

Trong “Đại Trí Độ Luận” có nhiều đoạn văn mang nhiều giá trị đáng để suy nghĩ, nên hôm nay tôi trích ra, nhằm sách tấn các vị sinh viên. Còn nghiên cứu sinh và các sinh viên năm cuối nên ôn lại, ký ức sẽ càng khắc sâu hơn.

Trong “Đại Trí Độ Luận” nói “nghiệp” của chúng ta ngoài “tạo tác” còn có “tích tập”, và “Thành Thật Luận” cũng đề cập đến bốn loại nghiệp.¹

Loại thứ nhất “có tạo tác, có tích tập”, là tự tạo tác lại sanh tâm hoan hỷ. Ví dụ như khi không có người đến nhà bếp nấu ăn, lúc đó nếu có ai tự mình phát tâm đi làm việc; đây là có tạo tác; trong lòng lại cảm thấy rất hoan hỷ. Người này đem tâm hoan hỷ để phục vụ đại chúng, chính

1 “Thành Thật Luận” quyển 7: “Nghiệp có bốn loại: có tạo tác không có tích tập, có tích tập không có tạo tác, có tạo tác và có tích tập, không có tạo tác không có tích tập. Có tạo tác không có tích tập là như sau khi tạo nghiệp sát v.v... sinh tâm hối hận, hay làm các việc bổ thí sau đó tâm cũng hối hận, hay làm các việc xong tâm không nhớ nghĩ, thì đó gọi là có tạo tác không có tích tập. Có tích tập không có tạo tác là nếu có người khác tạo nghiệp sát v.v... sinh lòng vui mừng, hay người khác bổ thí v.v... sinh lòng vui mừng. Có tạo tác có tích tập là làm các việc sát hại v.v... hoặc các việc bổ thí v.v... sinh lòng vui mừng. Không tạo tác không tích tập là không tạo tác cũng không sinh lòng vui mừng. Ở trong đó, có tạo tác có tích tập tất thọ báo. Như trong Kinh dạy: ‘Nếu nghiệp do tạo tác và tích tập, thì nghiệp này tất thọ quả báo.’ Cho nên nghiệp báo có tạo tác có tích tập, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc về sau thọ báo, hoặc đời sau thọ báo.” Đại Chánh tập 32, trang 290c8~18.

là “có tạo tác có tích tập”.

Loại thứ hai “có tạo tác, không có tích tập” tuy đã làm rồi, nhưng trong lòng không vui hoặc sau lại hối hận, đây chính là “có tạo tác không có tích tập”.

Loại thứ ba “không có tạo tác, có tích tập”. Tự mình không thể làm, thấy người khác làm, anh ta rất vui, còn khen ngợi họ, không nói lời soi mói bóng bẩy: “Rất may là có bạn làm việc này”, mà trong lòng thâm nghĩ, “nếu có năng lực, có thời gian, tôi cũng muốn phát tâm như thế”. Bằng tấm lòng chân thật tán thán, hoan hỷ, tuy anh ta không trực tiếp làm, nhưng sự tùy hỷ đó cũng có công đức vô lượng.

Loại thứ tư “không tạo tác, không tích tập” .

Do đó có thể biết, tuy tạo tác là “nghiệp”, nhưng “tích tập” cũng khiến cho phước đức của chúng ta tăng trưởng. Giả như chúng ta thấy người khác làm, trong tâm chẳng những không tán thán tùy hỷ, mà ngược lại còn nói lời soi mói bóng bẩy, làm cho người kia thối thất đạo tâm, chướng ngại việc phát tâm tu hành, theo “Đại Trí Độ Luận” thì hôm nay chúng ta làm cho người khác gặp chướng ngại, tương lai trên phương diện tu học Phật pháp chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, càng nghiêm trọng hơn, thậm chí sẽ sanh vào nơi “bát nạn”, chướng ngại chúng ta

nghe học Phật pháp. Đây là điều khiến chúng ta càng thận trọng. Giới pháp cũng như vậy, tự mình thực hiện không tốt, đáng lẽ nên sanh tâm hổ thẹn, nếu ngược lại còn xem thường, hủy báng giới pháp, tội càng thêm nặng. Do đó, hy vọng mọi người ngày ngày nên phản tỉnh, nhìn lại chính mình. Nói đến “tùy hỷ” thì nghe rất đơn giản, nhưng khi thực hiện không dễ dàng, phải hết sức cố gắng mới được.

PHƯỚC ĐỨC CÙNG PHƯỚC BÁO

Phước đức trang nghiêm huệ nhật phổ chiếu

Đức Phật có phước đức trí huệ viên mãn, vì vậy chúng ta muốn thành Phật, thì phước đức và trí huệ phải đầy đủ mới được. Nên khi thầy Ấn Thuận xây dựng tịnh xá Phước Nghiêm và giảng đường Huệ Nhật, hy vọng mọi người được “phước đức trang nghiêm, huệ nhật phổ chiếu”, phước huệ song tu. Nhưng thế nào là phước đức? Thế nào là phước báo? Phước đức và phước báo có gì khác nhau? “Đại Trí Độ Luận” có một vài đoạn văn đáng để chúng ta suy nghĩ về vấn đề này.

II. Phước đức là tất cả những thiện pháp, tương ưng với không tham, không sân, không si

Liên quan đến định nghĩa “phước đức”, “Đại Trí Độ Luận” có đoạn văn rất đáng chú ý:

Từ khi mới phát tâm lập nguyện: “Ta sẽ độ hết thảy chúng sanh”. Tâm ấy tương ưng với ba thiện căn: không tham, không sân, không si; thiện căn tương ưng các thiện pháp, và thiện căn khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp, hòa hợp pháp ấy gọi là phước đức.¹

Chư Bồ-tát phát tâm độ hết tất cả chúng sanh, phát tâm

1 “Đại Trí Độ Luận” quyển 61 Đại Chánh tập 25, trang 488b18~21.

như vậy ba thiện căn tương ưng với không tham, không sân, không si mới được. Chỗ căn của thiện căn chính là căn bản gốc rễ, không phải cành lá. Nếu chúng ta chú trọng tu tập ở hình thức thân nghiệp khẩu nghiệp thuộc bên ngoài, mà không có triệt để tịnh hóa nội tâm, như thế chẳng qua là nhánh ngọn cành lá. Trên phương diện khác, nếu chỉ là trong tâm phát nguyện làm thiện, như thế vẫn chưa đủ, mà cần phải dùng hành động thực tế phát khởi từ thiện căn của thân nghiệp, khẩu nghiệp mang lợi ích cho chúng sanh. Như trong tâm không tham, nhưng chỉ trong tâm không tham vẫn chưa đủ, mà trên thực tiễn chúng ta cần mong muốn thực hành bố thí. Do đó “Đại Trí Độ Luận” định nghĩa hoàn chỉnh về phước đức là: phát tâm độ hết tất cả chúng sanh, phát tâm này tương ưng với ba thiện căn không tham không si và tương ưng với rất nhiều thiện pháp khác, như thế tâm thanh tịnh không ô nhiễm hòa hợp với thiện căn của thân nghiệp và khẩu nghiệp tạo ra.

Tương phản với “ba thiện căn” là ba “bất thiện căn”, tức ba độc tham, sân và si, tất cả bất thiện pháp cũng từ đây mà ra. Nếu trong hành vi xen lẫn tham, sân, si, thì “căn” bản này sẽ khiến cho việc làm bố thí v.v... cũng trở thành tạp nhiễm.

III. Bồ thí chẳng phải là phước, như kim dẫn chỉ may áo, kim chẳng phải là đường may

“Đại Trí Độ Luận” nói:

Bồ thí chẳng phải là phước, nhưng bồ thí phá bỏ xan tham, mở cửa thiện pháp; thiện căn mới gọi là phước; như kim dẫn chỉ may áo, kim chẳng phải là đường may thành áo.²

Có người cho rằng bồ thí nhiều sẽ được phước báo lớn, nhưng “Đại Trí Độ Luận” nói, không phải bồ thí là phước, mà do nương vào bồ thí để phá trừ loại phiền não tham lam, mở bày cánh cửa thiện pháp khép lại cánh cửa bất thiện, thiện căn hòa hợp với không tham không sân không si, như thế mới là phước đức. Giống như đem kim xỏ chỉ may đồ, cây kim là một loại dụng cụ, có kim mà không có chỉ thì chẳng thể may được áo; cũng như vậy, bồ thí cũng là một loại phương pháp mà thôi, dựa vào đó để trừ bỏ các loại phiền não tham lam, lại trồng thiện căn sâu dày là phước! Nếu chúng ta bồ thí mà mong cầu báo đáp, hoặc là muốn có tiếng tăm, như vậy không xứng đáng gọi là phước đức.

Bồ-tát thực hành bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, ba việc

2 “Đại Trí Độ Luận” quyển 30 Đại Chánh tập 25, trang 282a29~b2.

*này gọi là cửa ngõ phước đức.*³

Thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, các điều này chỉ là “cửa ngõ phước đức” mà thôi, chưa thể trực tiếp vào trong căn nhà, nếu chưa trừ bỏ các loại phiền não tham lam, sân nhuế v.v.. chưa tương ưng cùng ba thiện căn, thì không thể gọi là “phước đức”.

IV. Phước đức và phước báo

Có người cho rằng, ai mà được đồ ăn mặc, của tiền đầy đủ, thật là có “phước báo”. “Phước báo” như thế là “phước đức” phải không? Trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 61, có một đoạn văn nói rất rõ sự khác nhau giữa “phước đức” và “phước báo” nói:

*Ấy là quả báo có thể đem cho hết thảy chúng sanh, là do trong quả nói nhân, nên nói phước đức với chúng sanh cùng hưởng. Nếu phước đức có thể đem cho người, thì chư Phật từ khi mới phát tâm tích tập phước đức, đem cho người hết, về sau tạo lại. Thế thiện pháp không thể đem cho người, nay chính dùng sức vô úy không nào hại cho chúng sanh.*⁴

Đoạn này có liên quan đến vấn đề “hồi hướng”. Có

3 “Đại Trí Độ Luận” quyển 17 Đại Chánh tập 25, trang 180b26~27.

4 Đại Chánh tập 25, trang 488a9~13.

người nói: “Bạn tinh tấn tu hành, rồi đem công đức tu tập của bạn hồi hướng cho tôi, sau đó bạn lại tiếp tục tu tập”. Thử hỏi như vậy có được không? Trong “Luận Đại Trí Độ” đề cập đến một quan niệm rất quan trọng, “*chung với hết thảy chúng sanh, là phước đức ấy không thể đem cho hết thảy chúng sanh, mà có thể cho quả báo*”⁵ là “phước đức” không thể chia sẻ cho chúng sanh, song “quả báo” đạt được từ phước đức lại có thể chia sẻ cùng chúng sanh.

“Phước đức” là một loại “thể thiện pháp”, loại thiện pháp này, không phải là quả báo. Như trên đã nói, nó cùng ba thiện căn tương ưng quảng hành hết thảy thiện pháp của thân, khẩu và ý nghiệp, “thể thiện pháp” như vậy cũng không phải là công cụ vật chất, thì làm sao có thể chuyển cho người khác được? Nếu có thể cho người khác, đó là do thể thiện pháp cảm hóa ra quả báo, loại quả báo này gọi là “phước báo”

Ví dụ Bồ-tát đem tâm không tham, không sân, không si, để làm việc bố thí, thì “thể thiện pháp” này sẽ cảm hóa được vật chất, có thể đem những vật chất đó làm lợi ích chúng sanh; hoặc Bồ-tát dùng ba thiện căn này để trì giới,

5 “Đại Trí Độ Luận” quyển 61, ‘phẩm 39 Tùy Hỷ Hồi Hướng’ Đại Chánh tập 25, trang 487c28-488a1.

nhẫn nhục, Bát-nhã v.v... Chiêu cảm tướng mạo trang nghiêm, đạt được trí huệ sáng suốt, biện tài vô ngại. Nếu Bồ-tát có nói pháp, chúng sanh hoan hỷ tin tưởng thọ trì. Do đó kinh dạy “phước đức với chúng sanh cùng hưởng”, đây là từ trong nhân mà nói quả; còn một cách nghiêm túc, thì Bồ-tát thông qua thể thiện pháp của phước đức như vậy mới cảm hóa được quả báo (phước báo) cùng chia sẻ mang đến lợi ích cho chúng sanh.

Muốn có phước báo lớn, phải không ngừng tích lũy “phước đức”, ngược lại nếu không tiếp tục tích lũy phước đức, thì phước báo dù lớn như thế nào đi nữa thì cũng có ngày sử dụng hết.

QUÝ VỊ LÀ THIỆN NAM TỬ THIỆN NỮ NHƠN PHẢI KHÔNG?

Bài nói chuyện tại Giảng đường Huệ Nhật
nhân ngày pháp hội Dược Sư, 14/11/ 2009

Trong kinh Phật giáo thường gọi “Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam tử, thiện nữ nhơn”, song đệ tử của Đức Phật, có phải tất cả người nam đều là thiện nam tử, còn tất cả người nữ đều là thiện nữ nhơn chăng? Kỳ thật không nhất định. Đã gọi là “thiện”, thì phải có đủ đặc tính của thiện. Trong “Đại Trí Độ Luận”¹ có đưa ra một số đặc tính của thiện, qua đó chúng ta xem lại: mình có phải là chơn chánh thiện nam, chơn chánh thiện nữ không?

“Đại Trí Độ Luận” quyển 35 ‘Phẩm 2 Báo Ứng’ nói:

*“Đặc trưng của người thiện là có tâm từ bi, nhẫn chịu la mắng. Như trong (Kinh Pháp Cú phẩm La Mắng) nói: “Ai nhẫn được người khác la mắng, đó là người hơn người khác! Ví như con ngựa tốt, nhà vua dùng cỡi nó”.*²

Trước hết “đặc trưng của người thiện là có tâm từ bi, nhẫn chịu la mắng”. Chúng ta có thể nhẫn được sự la mắng không, hay người khác nói nặng một chút, hoặc chỉ

1 “Đại Trí Độ Luận” quyển 35, ‘Phẩm 2 Báo Ứng’ Đại Chánh tập 25, trang 316a11~23.

2 Đại Chánh tập 25, trang 316 a11~14.

có cái nhìn thiếu thiện cảm, thì trong tâm đã cảm thấy vô cùng khó chịu. Như “Kinh Pháp Cú phẩm La Mãng” có dạy “ai nhẫn được người khác chửi mắng, đó là người hơn người khác!” Người như thế mới gọi là người hơn người khác. Vì vậy, chúng ta tôn xưng họ là “mỗ mỗ thượng nhân”, điều này có ý nghĩa họ có đức tính phẩm hạnh cao hơn chúng ta. “Ví như con ngựa tốt, nhà vua dùng cỡi nó” là loại ngựa đặc biệt tốt mới có thể đủ khả năng cho vua cỡi.

“Đại Độ Trí Luận” quyển 35 nói: *“Lại nữa, cho dù bị năm loại tà ngữ và đánh đập, bức hại, trói cột, cũng không làm hủy hoại được tâm họ, đó gọi là đặc tính của người thiện”*³.

Và người thiên nam tử người thiên nữ nhơn cần có đầy đủ những đặc trưng của thiện: thì dù bị người khác đem năm loại tà ngữ nói lỗi lầm của chúng ta, hoặc mang dây trói cột, cho đến dùng cây gậy đánh đập, chúng ta vẫn không thay đổi chí hướng tu học Phật pháp, cũng không thay đổi quan điểm và hành động đúng đắn của chính mình, nếu được đầy đủ đức tính như vậy, mới xứng đáng là người thiên nam tử thiên nữ nhơn.

Năm loại tà ngữ là những gì? Thứ nhất là vọng ngữ nói

³ Đại Chánh tập 25, trang 316 a11~14.

lỗi của người khác, hai là ác khẩu nói điếm sai của người, ba là không thích hợp thời cơ để nói lỗi người mà đi nói lỗi của người, bốn là ác tâm nói lỗi, năm là nói lỗi không vì lợi ích.⁴

Chúng ta một mặt không vì năm loại tà ngữ của đối phương mà thối chí, mặt khác khi chúng ta chỉ ra lỗi lầm, hoặc khuyên dạy người khác, nên cần có đủ năm điều kiện quan trọng dưới đây⁵:

Thứ nhất, người đó thực sự có phạm lỗi, chẳng phải do mình ác ý muốn hủy báng họ. Chúng ta cần xác nhận đối tượng phạm tội, điều đó là sự thật, nếu chưa rõ ràng đừng nên thêm tội danh, càng không tự ý hủy báng.

Thứ hai, cần phải lựa chọn thời cơ thích hợp, nếu chưa phải lúc thì không nên nói. Vì như nói trong cơ hội chưa đúng, thì không những hiệu quả khó đạt được, mà còn có tác dụng ngược lại.

Thứ ba, có ý nghĩa lợi ích, đích thật vì lợi ích của người khác mà đến nhắc nhở, hy vọng người đó bỏ điều

⁴ Cưu-ma-la-thập dịch “Thiền Pháp Yếu Giải” quyển thượng: “Năm loại tà ngữ không thể tổn hoại đến tâm. Năm loại đó là: 1. Nói lỗi bằng cách dối trá, 2. Nói lỗi bằng lời thô ác, 3. Nói lỗi không đúng lúc, 4. Nói lỗi với ác tâm, 5. Nói lỗi không có lợi ích.” Đại Chánh tập 15, trang 290c19~21.

⁵ “Kinh Tạp A-hàm” quyển 18, Kinh số 497, Đại Chánh tập 2, trang 129b28~c3. Đức Phật dạy Xá-lợi-phất: “Nếu Tỳ-kheo nào khiến tâm an trụ, có đủ năm pháp được cử tội người khác. Năm pháp đó là: Thật, chứ không phải không thật. Đúng thời, chứ không phải phi thời. Ích lợi, chứ chẳng phải không ích lợi. Nhu nhuyễn, chứ không thô bạo. Từ tâm, chứ không sân hận.” Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào muốn cử tội thì phải đủ năm pháp này mới được cử tội người khác.”

xấu làm việc thiện. Nhưng có khi chúng ta khuyên người khác, không phải vì lợi ích cho họ, mà tại mình cảm thấy vô cùng khó chịu, mượn cơ hội này trút giận cho bỏ ghét. Điều này tự mình nên phản tỉnh, đem tâm thái như vậy khuyên người khác có mang lại lợi ích chăng, hay chỉ đưa đến tác dụng phụ tạo thêm phiền não.

Thứ tư, thái độ ôn hòa, lời nói nhẹ nhàng, không nên chửi bới hay đem lời khắc khe mỉa mai mắng người. Chúng ta nói lỗi người khác, chủ yếu vì mục đích hy vọng họ thay đổi, chứ không phải để cho chúng ta trút giận. Nếu chúng ta thấy người khác sai phạm, mà tự mình rất bực bội, lại dùng lời mỉa mai làm tổn thương họ, như vậy càng không tốt.

Thứ năm, đem thiện tâm từ bi xuất phát trong lòng, không nên khởi ác tâm. Chúng ta nên tự phản tỉnh lúc chỉ bảo sai lầm cho người khác, có khởi thiện niệm không hay chỉ khởi ác niệm?

Chúng ta nghĩ lại mình có được đầy đủ các điều kiện như vậy không? Trong đạo tràng có người trả lời có, thật đáng mừng! Hy vọng, mọi người đạt được như thế.

Ngoài ra, “Đại Trí Độ Luận” quyển 35 lại dạy:

Lại nữa, ba nghiệp không có lỗi lầm, thích làm việc thiện, không hủy báng người khác làm thiện, không phô

trương đức mình; tùy thuận mọi người, không nói lỗi người; không đả trước cái vui thế gian, không cầu danh dự, tin tưởng vui thích niềm vui đạo đức; nghiệp mình thanh tịnh, không nã hại chúng sanh; tâm quý trọng pháp chơn thật, xem nhẹ các việc thế sự, chỉ thích lời thẳng thắn, không theo người gian dối, vì niềm vui của tất cả chúng sanh, mà hy sinh niềm vui của mình, vì muốn tất cả chúng sanh được là khổ, dù cho đem thân mình thay thế.

“Ba nghiệp không có lỗi lầm”, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp đều không có lỗi lầm. Chúng ta có lúc khởi tâm động niệm, muốn không có lỗi lầm, thật là việc không đơn giản. “Thích làm việc thiện”, chúng ta còn thích giúp đỡ hỗ trợ người khác. “Không hủy báng người khác làm thiện”, khi chúng ta thấy người khác làm việc thiện, phải tùy hỷ xưng dương tán thán, chứ chẳng cố ý đê bẹp họ, hoặc nói lời chê trách bóng bẩy v.v... “Không phô trương đức mình”, khi chính mình có sự tu dưỡng đức hạnh tốt, cũng không nên đặc biệt phô trương cao ngạo; “tùy thuận mọi người, không nói lỗi người”, không nên tùy tiện chê trách người khác; “không đả trước cái vui thế gian, không cầu danh dự, tin tưởng vui thích niềm vui đạo đức”, không đả trước niềm vui thế tục và ham cầu danh dự, chỉ mong thích niềm vui đạo đức; “nghiệp

mình thanh tịnh”, nghiệp của chính mình (hành vi) thanh tịnh. “Không nã hại chúng sanh”, phải phản tỉnh chính mình, khi tâm trong trạng thái không tốt, làm phiền phức người khác. Do đó, chúng ta tự mình có phiền nã thì điều phục dần dần, không nên gây phiền hà chúng sanh; “tâm quý trọng pháp chơn thật, xem nhẹ các việc thế sự”, trong tâm của chúng ta tôn trọng thật tướng của các pháp, còn đối với việc thế sự thì xem nhẹ hơn; “chỉ thích lời thẳng thắn, không theo người gian dối”, chúng ta phải phân biệt chánh trực, làm người đáng tin cậy, không bị lời nói ngon ngọt hoa mỹ của người khác lừa dối, tự mình có trí huệ phán đoán; “vì niềm vui của tất cả chúng sanh, mà hy sinh niềm vui của mình, vì cho tất cả chúng sanh được lìa khổ, dù đem thân mình thay thế”, chính là xả kỷ vị tha, hy vọng tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, thì chúng ta dù có chịu khổ thay thế cũng cam lòng. Như thế, đầy đủ rất nhiều điểm tốt này, “mới gọi là đặc trưng của người thiện”.

Phải có tâm từ bi, nhẫn chịu lời nói tà vọng, đánh đập của người khác; và ba nghiệp phải thanh tịnh, vui thích hỗ trợ người khác; kính trọng tôn sùng Phật pháp, không cần danh vọng hảo huyền v.v...; không nã loạn chúng sanh; khiến chúng sanh lìa khổ được vui, không chỉ vì một mình mong cầu an lạc. Nếu ai có các đặc điểm này

chính người đó là thiện nam tử, thiện nữ nhân.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỌI VIỆC ĐỀU NHƯ Ý

Sách tân Sa-di (01/11/2005)

Tục ngữ có câu: “Việc không như ý trong đời, mười đã có tám chín”. Điều này có nghĩa: trong cuộc thường mười việc đã có chín việc không như ý. Việc không như ý của chúng ta rất nhiều, đơn cử như: muốn vật chất, thì không có vật chất, muốn tư lương, thì không có tư lương, muốn trí huệ, thì không có trí huệ, muốn có người thiện tri thức, thì không có người thiện tri thức. Thế thì các việc không như ý đó làm sao để trở thành như ý? Đối với vấn đề này, trong “Đại Trí Độ Luận”¹ có đưa ra một số phương pháp, rất đáng để chúng ta học hỏi.

Thứ nhất, gieo trồng nhân duyên thiện căn phước đức. “Thiện căn” là ba loại thiện căn: không tham, không sân, không si. Do vậy, chúng ta phải cố gắng không chấp trước tất cả pháp; vì không chấp trước tất cả pháp, thì phiền não ít, thân tâm sẽ được nhẹ nhàng. Và phiền não càng ít, thì tự nhiên thiện căn dần thâm sâu.

Thứ hai, bồi dưỡng từ bi, phước đức và trí huệ liên tục trong thời gian dài, mới có khả năng khắc phục chướng

¹ “Đại Trí Độ Luận” quyển 37, ‘Phẩm 3 Tập Tương Ứng’ Đại Chánh tập 25, 332b-333a1.

ngại, tránh khỏi phát sanh các sự việc không như ý.

Thứ ba, thiện tâm không ngừng huân tu tiến triển, thì được chư Phật hộ niệm. Nếu như chúng ta phù hợp với “đạo”, thì chẳng những chư Phật Bồ-tát hoan hỷ hộ niệm, mà còn thiên thân, cũng kính ái hộ trì. Ngược lại, nếu phiền não của chúng ta nặng nề, ma sẽ đến làm nhiễu loạn, thì việc không như ý sẽ theo đó mà đến (Ma có rất nhiều loại, như: tử ma, ngũ ấm ma, phiền não ma, thiên ma v.v...) Một khi phiền não của chúng ta sanh khởi, thì phát sanh sự chấp trước đối với nhiều việc; hơn thế nữa, các ác niệm khác cũng theo đó sanh khởi, hoặc là phạm giới v.v... Một khi Đức Phật không hộ niệm, ma thừa cơ hội xâm nhập, rất nhiều sự tình sẽ không như ý. Bởi vậy, chúng ta cần phải có thiện căn thâm hậu, hy vọng mọi việc đều như ý, thì phải thường chú ý các nguyên nhân trên.

Nhưng có một số sự việc không hoàn toàn là do ma bên ngoài làm rối loạn, mà ma của chính mình. Tự mình suy nghĩ mộng tưởng: chấp trước hư vọng, rồi gây ra nhiều việc cực đoan, đây cũng chính là nhân tố tạo thành sự việc không như ý.

Do đó, những phương pháp trong “Đại Trí Độ Luận” đưa ra để khiến chúng ta đạt mọi việc như ý là: chúng ta

không nên chấp trước tất cả pháp, cố gắng tương ưng với tánh Không, thì phiền não sẽ tự nhiên giảm thiểu; phiền não giảm thiểu, thì thiện căn tự nhiên thâm sâu; thiện căn thâm sâu, thì phước đức tự nhiên tăng trưởng. Vả lại, cần có thời gian dài bồi dưỡng trí huệ, từ bi, phước đức, quảng kết thiện duyên. Không còn bị sự nhiễu loạn của chính mình, luôn luôn giữ gìn tâm thanh tịnh mới có khả năng tương ưng với Phật pháp, sẽ được chư Phật hộ niệm, quý thân tương trợ.

Hôm nay nói về các điều trên để khích lệ quý vị.

PHÁP MÔN KHÔNG HAI

Sách tấn Sa di (03/12/2002)

Trong Phật giáo thường đề cập đến “pháp môn không hai”, chính là muốn tiêu trừ sự đối lập giữa các cặp mâu thuẫn khác nhau, giữa chủ thể và đối tượng. “Pháp môn không hai” này cũng có thể ứng dụng trong việc hành trì giới luật, căn cứ vào trong các vấn đề liên quan đến “con người, sự việc, thời gian, không gian, đồ vật”, tự mình quán chiếu “hành động, lời nói” của mình có trước sau như một hay không.

Thí dụ trên phương diện “con người”: trước mặt mọi người chúng ta biểu hiện như một vị chánh nhân quân tử, thể nhưng khi ở một mình thì thân tâm phóng dật, đầy những ý nghĩ bất chánh, hoặc ở trước Sư trưởng cung kính, nhưng sau lưng lại phê bình, hay là thái độ đối với Sư trưởng thì như thế này, nhưng với bạn bè lại thế kia, giữa người này và người kia có một sự phân biệt theo chủ quan tốt xấu của cá nhân rất lớn, hoặc với người có uy quyền và người bình dân, người già và trẻ em, nam và nữ v.v..., ý nghĩ của mình trước sau có giữ “chánh niệm, chánh trí” không?

Trên phương diện “sự việc”, trong cá nhân khi nghe tiếng khen lòng cảm thấy nhẹ nhàng vui thích, nhưng khi

nghe chê bai thì tỏ thái độ phần hận bất bình.

Trên phương diện “thời gian”: không kể ngày hay đêm, tự mình có siêng năng tinh tấn hay không, hoặc ban đêm lại trì trệ ? So sánh lúc xuất gia rồi với khi còn tại gia, sự phát tâm hộ trì Phật pháp có còn giống nhau không? Hoặc thọ giới lâu năm so với khi mới thọ giới, đối với giới luật còn cung kính thọ trì không, hay càng ngày càng xem nhẹ, cho rằng không nhất thiết phải gìn giữ?

Về phương diện “không gian”: khi ở trên chánh điện hai thời tụng kinh, trước Phật Bồ-tát biểu hiện hết sức kiền thành cung kính, nhưng lúc về phòng nghỉ lại phóng dật giải đãi, không duy trì việc tu dưỡng “người quân tử càng thận trọng khi sống đơn độc”?

Về phương diện “đồ vật”, đối với đồ vật mình thích, trong tâm nảy sinh tham ái chấp trước, còn đồ vật không phù hợp với mình, lại cảm thấy chán ngán, bất cần.

Hy vọng mọi người lấy các việc trên để xét lại chính mình, xem “lời nói và việc làm” hợp nhất không? Trong tâm nghĩ với việc làm có “nhất như” không? Hỏi đạo tâm của chính mình có “chân thành không hai”? Đem các điều đó tự phản tỉnh, và tự thân quý vị sách tấn.

Hy vọng mọi người đều đạt được “pháp môn không hai”, để lời nói nhất trí với việc làm của mình, trở thành

một người tu hành oai nghi hợp với giới luật.

TU HÀNH NHƯ ĐỐI DIỆN TRƯỚC VỰC THẨM, NHƯ ĐI TRÊN BĂNG MỎNG

I. Mang tâm cảm ơn và phản tỉnh, cùng nhau tinh tấn trưởng thành

Ba ngày nay, rất cảm ơn phòng học vụ đã sắp xếp kế hoạch và các vị đánh pháp khí hết lòng phục vụ, mặc dù bận rộn nhiều việc, thân tâm dẫn đến không nhẹ nhàng thoải mái, nhưng quý vị đã hy sinh việc cá nhân để góp phần thành tựu đạo nghiệp cho mọi người. Các ban hương đăng, ban vệ sinh cũng vậy, đều dốc hết tâm lực làm việc, vô cùng vất vả. Một lần nữa cảm ơn tất cả các vị tham dự và các vị nội đàn ngoại hộ.

Để một nhân duyên được thành tựu, ngoài tự mình phát tâm ra, thiện tri thức đóng vai trò rất quan trọng, kể cả người thầy hướng dẫn, cho đến thiện tri thức hộ trì bên ngoài, cần phải có rất nhiều nhân duyên hội tụ đầy đủ mới thành. Do đó chúng ta nên giữ gìn và trân quý nhân duyên này, chúng ta nên suy nghĩ, nếu một mình tự tu tập như thế có thể thường xuyên tinh tấn và đạt được thành tích tốt không? Nếu như làm được, thì kính chúc quý vị đã có năng lực tự chủ. Ngược lại, cần dựa vào năng lượng của đại chúng. Nếu chúng ta uể oải, biếng nhác, thì nên

suy nghĩ hai tâm niệm: thứ nhất là tâm biết ơn, cảm ơn chúng sanh đã giúp cho đạo nghiệp chúng ta được thành tựu. Cho dù cùng mọi người tu tập có thể có một vài việc bất như ý, nhưng xét ra đó là tăng thượng duyên rất tốt, nên cần phải trân quý. Thứ hai là phải có tâm cảnh giác, tự mình nên cảnh giác và phải sớm bồi dưỡng mình khả năng độc lập tu tập mới được. Nếu chúng ta không bồi dưỡng khả năng tự lập cho chính mình, để rồi khi vô thường đến, lúc xả bỏ thân mạng sẽ quá muộn màng. Do đó, khi chúng ta tu hành một mình, nên luôn luôn phản tỉnh tự thân hoàn thiện những điều chưa đủ. Khi cùng nhau tu hành, chúng ta cần đem tâm cảm ơn để học tập.

Lúc chúng ta cùng nhau tu hành, mình và người đều hướng thượng, đồng trưởng thành, chung đi trên con thuyền sanh tử, nên sách tấn và giúp đỡ lẫn nhau. Nếu chúng ta làm tổn thương, hay xách nhiễu người khác, như thế cũng như tự mình làm cho mình khổ đau. Chúng ta nên xem như anh em một nhà, khi có người bị thương hay bị bệnh nặng, những người khác đều chịu ảnh hưởng. Vì vậy, hy vọng mọi người giúp đỡ lẫn nhau, trên tinh thần hoà hợp, an lạc, thanh tịnh, cùng tinh tấn.

Thời gian vô cùng quý báu, nên dù bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không oán trách, để cho tâm được an trụ, không

cần để ý vị làm chủ lễ, người đánh mõ thế nào, những việc đó có ban tổ chức lo hướng dẫn. Quan trọng chính là chúng ta nắm bắt được hiện tại.

Tâm của chúng ta là “tâm viên ý mã” khó điều phục, thân thể thì nặng nề, không được nhẹ nhàng. Do đó trong quá trình niệm Phật, nếu cảm thấy tự mình chưa được viên mãn, nên sanh lòng hổ thẹn, ngày ngày tinh tấn, khi ngồi thiền cố gắng ngồi kiết già, nhiếp tâm luyện tập.

Có khi chúng ta cảm thấy ngoại cảnh quá nhiều tiếng ồn, nhưng nếu để ý bên ngoài, cứ tìm kiếm tiếng ồn ở chỗ này chỗ nọ, khởi niệm muốn ngăn chặn nó, nhưng trên thực tế không làm được, chỉ làm cho tâm càng thêm rối loạn. Chúng ta muốn ngoại cảnh được như ý, thích mọi người thuận theo với mình, sự thật đó rất khó toại nguyện. Nếu cứ vọng tưởng muốn thay đổi hoàn cảnh bên ngoài, chẳng bằng tự mình thay đổi tâm cá nhân.

II. Niệm Phật như bắn cung

Athens (thủ đô Hi Lạp) cử hành Olympic, vừa mới bế mạc, tuyển thủ Đài Loan lần này giành được huy chương bạc trong môn bắn cung. Mượn hình ảnh này, tôi lấy công phu rèn luyện thành một người bắn cung, để bàn luận cách tu hành tinh tấn trong ba ngày niệm Phật.

Một tuyển thủ bắn cung muốn đạt được thành tích tốt,

tâm cần phải lưu ý 3 điều quan trọng: Thứ 1. Mỗi ngày đều không ngừng tập luyện, tập nhuần nhuyễn trở thành điều luyện. Thứ 2: Lúc ra thi đấu cần phải ổn định, bình tĩnh, bỏ qua áp lực thắng thua. Thứ 3: Thường xuyên tinh cần rèn luyện với mục đích chân chánh, để áp dụng đúng thời cơ!

Trước hết, việc luyện tập hằng ngày chỉ là ôn tập lại những động tác cũ, nhưng tại sao tuyển thủ cần thường xuyên rèn luyện chẳng lẽ không biết nhàm chán hay sao? Từ cái nhìn theo quan điểm Phật pháp nếu có phát sanh nhàm chán, cảm giác nhạt nhẽo, thì đó là do tâm niệm của chúng ta quá thô thiển. Sự thật, nhân duyên thay đổi biến hoá từng sát-na đều có sự khác nhau của nó, các cầu thủ không ngừng rèn luyện tập trung, khiến cho thân tâm tương tận những thay đổi đó, mới có thể khoan thai đối diện với hoàn cảnh trong mỗi trường hợp khác nhau. Kỳ thật tu hành cũng vậy, có lẽ vài vị cảm thấy ba ngày, đều chỉ đọc cùng một câu niệm Phật, sanh tâm chán nản! Kỳ thật, khi thành thực sẽ hoàn toàn nhất tâm, vì một câu niệm Phật của mỗi người dụng tâm không giống nhau, nên kết quả có sự khác nhau!

Lại nữa, khi lâm trận tâm cảnh không loạn, chính là có công phu thiền định, trong tâm chuyên chú nơi phương

pháp và kỹ xảo, đem sự thắng thua tạm thời gác qua một bên. Tuyên thủ bản cung mục đích cuối cùng là bản trúng đích.

Như thế chúng ta thấy niệm Phật và bản cung có liên quan gì. Đạo sư Ấn Thuận từng nhắc nhở: *“Phàm chưa đạt đến cứu cánh, tất cả mọi người đều trong quá trình tạo nhân và nhận kết quả, tạo nghiệp thọ báo như nhau. Nếu không nỗ lực hướng thượng, thì ai cũng bị thối lui, nếu nỗ lực hướng thượng, thì ai cũng được tiến bộ”*¹. Tu học Phật pháp nếu không đạt được cứu cánh (ít nhất là không còn thối lui), thì mọi người đều trong quá trình tạo nhân thọ quả báo, bởi vậy, càng phải hiểu và tìm cách làm sao để nhân duyên tốt của chúng ta luôn tiếp tục phát triển.

Lấy ví dụ bản cung này để bàn luận, giống như chúng ta mỗi ngày cần không ngừng luyện tập để thiện pháp sanh khởi, bỏ đi tâm đờm mất, chuyên một lòng niệm Phật, thâm tín thiện pháp càng sâu, có thể làm cho chính mình đối diện với giờ phút lâm trận, sanh tử không tán loạn. Mỗi niệm, mỗi niệm duy trì thiện niệm, như thế mới ngăn được nghiệp lực từ vô thỉ làm chướng ngại, đạt tự

¹ Pháp sư Ấn Thuận trước, “Phật Pháp Ánh Sáng Của Thế Gian”, bài ‘Năm Mới Cần Có Quan Niệm Mới’, trang 250.

tại giải thoát.

Chúng ta là phàm phu trong dục giới, có ba loại phiền não đặc biệt hùng hực cháy: thứ 1. Tham dục, thứ 2. Tán loạn, thứ 3. Sân nhuế. Đối diện với vô số cảnh giới, bởi vì thường hay tư duy không chân chánh, theo đó sanh khởi phiền não thô trọng. Đối với phàm phu nếu không luyện tập thì sẽ tương ưng với phiền não. Ngược lại, nếu duy trì thiện niệm chân chánh, giữ tâm thanh tịnh, tương ưng với thiên định, không ngừng luyện tập, ra sức công phu mới có thể thành tựu được. Như Khổng Tử tán thán Nhan Hồi: *“Nhan Hồi, tâm của ông ấy trường kỳ không có trái ngược với nhân đức. Còn người khác chỉ có trong thời gian ngắn thôi”*. Có Tăng sinh lớp trước, đã tham gia qua nhiều lần pháp hội niệm Phật, nhưng tham gia niệm Phật càng nhiều lần thì công phu càng thuần thực phải không? Không nhất định, nếu không dụng tâm niệm Phật, không nắm bắt được phương pháp, hoặc là không giữ được tâm thanh tịnh, đều có thể như người mới khởi đầu. Chúng ta suy nghĩ lại xem mình đã tiến bộ chưa? Nếu có thì tiếp tục nỗ lực tinh tấn, giả như thối lui, phải lập tức quay trở lại điểm xuất phát, từng bước từng bước cố gắng giữ.

III. Cả ngày tịnh niệm liên tục – phát triển chất và lượng của việc tu hành

Học Phật chính là hy vọng ở trên “chất” và “lượng” có thể đạt được thế giới thanh tịnh và viên mãn của chư Phật. Ở phương diện “chất” có đầy đủ từ bi, trí tuệ, thiền định của chư Phật v.v... nâng cao thân, khẩu, ý thanh tịnh cùng với chư Phật không khác. Trên phương diện “lượng” chính là hy vọng chánh niệm tương tục, để cho tự thân ở mỗi sát-na, hoặc một giây, một phút ... thậm chí trong cả ngày đều có thể giữ được chánh niệm, chánh tri. Chúng ta lúc cùng nhau tu niệm Phật, lạy Phật, đi kinh hành dù nhanh hay chậm, trong tâm nên vắng lặng, hay khi làm việc, dùng cơm hay đi ngủ cần phải thường giữ gìn chánh niệm, chánh tri.

Có một vị cư sĩ nói với tôi rằng, lúc tham gia thiền trong bảy ngày, người bạn bên cạnh hình dáng như thế nào cũng không nhớ, chỉ luôn luôn vận dụng phương pháp để quán chiếu tự tâm. Đại chúng ở trong thời gian niệm Phật cũng như vậy, không cần suy nghĩ tiếng tụng kinh của vị chủ lễ, hoặc tiếng mõ như thế nào và cũng không cần ghét tiếng ồn ở bên ngoài, chỉ cần thu nhiếp thân tâm, miệng niệm Phật tâm tưởng Phật.

Nhân như vậy, quả như vậy. Người phàm và Thánh nhân có sự khác nhau, chính là ở chỗ có chấp ngã hay không. Chúng ta nếu khởi tâm động niệm vì tự ngã cái tôi

cá nhân, như vậy đương nhiên là phạm phu. Giả như chúng ta phát tâm có sự chấp trước, liền xuất hiện sự so sánh có dài ngắn, cao thấp, thắng thua. Nếu chúng ta đi đâu cũng nghĩ về bản thân, nên “chỉ làm những việc mình thích” mà không nghĩ đến “còn nhiều việc cần phải làm” nhưng chưa có người làm. Có ngã chấp sẽ phát sanh so sánh thế này thế nọ, dẫn đến sự đấu tranh biểu hiện bên ngoài, hoặc đấu tranh ngầm ngấm bên trong. Chúng ta tốt nhất cần phải tự mình phản tỉnh, nếu hành vi như thế, người khác còn không thích, thì Đức Phật có thể hoan hỷ sao? Lúc gặp nghịch cảnh, nên suy nghĩ, nếu là Đức Phật ngài sẽ xử lý ra sao?

IV. Trân trọng yêu quý giữ gìn thân tâm kiện toàn, chuyên chú trong hiện tại, toàn tâm hết lòng tu hành

Mọi người đều không thích khổ đau, nhưng tại sao cứ một mực gom góp những nguyên nhân gây khổ đau? Quả báo không thể cùng nhân duyên mâu thuẫn với nhau, chúng ta không tin nhân quả điều này cũng chẳng sao, nhưng nhân quả luôn tin chúng ta.

Khi khởi niệm giải đãi, tán loạn, cần phải lập tức phát khởi tâm tinh tấn, tự nghĩ mình muốn tiến lên hay thích thối lui? Muốn thanh tịnh an lạc hay muốn nhiễm ô. Vận

động viên nhiều lần tập đi tập lại một động tác, còn chưa nắm chắc đạt thành tích tốt, Thiền tông Cổ đức tham thiền cho tới ngày cuối cùng, cũng chưa chắc đã khai ngộ, lúc còn có thời gian, nếu không biết trân quý, đem toàn tâm tu hành, đến việc khai ngộ còn chưa đạt được, thì đừng nói gì đến tịnh hóa thân tâm!

Nhớ lúc du học ở Nhật Bản, nghe có một vị Thiền sư tĩnh tọa trên cành cây, tôi liền cùng thầy Huệ Mẫn đến thăm nơi đó. Song vị trụ trì địa phương đó nói cây đã không còn, nhưng chúng tôi cảm thấy, dù cho thân cây đã khô mục, đến tưởng nhớ nơi ở cũ ngày trước của vị Thiền sư đã tinh tấn tu tập cũng tốt. Sau đó, chúng tôi đã tận mắt nhìn thấy gốc cây đó còn sót lại thân cây ở dưới vách núi hiểm yếu sâu thăm thẳm, mới hiểu được cổ đức đã hoàn toàn đem sanh tử gạt qua bên, một lòng tu hành mong cầu khai ngộ, như đứng trước vực thẩm, như đi trên băng mỏng. Do đó nhìn lại, tu hành muốn có thành quả, cần phải chuyên tâm nhất ý, dốc hết tâm lực!

“Chín loại trụ tâm” là quá trình tu học thiền định, thứ 1 là trụ bên trong, điểm chính là nắm được phương hướng chính xác, không hướng bên ngoài thân nhiếp bên trong, thứ 2 là tiếp tục trụ, đối với người mới tu học, tâm tán loạn đến đến đi đi cần phải có thời gian dài mới kéo giữ

lại được, còn tiếp tục trụ không những thâm nhiếp bên trong tâm mà còn để cho nó tiếp tục an trụ; thứ 3 là an trụ, trong tâm an trú, có tán loạn lập tức cảnh giác, sức cảnh giác này hơn phần trước; thứ 4 cận trụ, tiến bộ hơn, nâng cao năng lực, cảnh giác vọng niệm sắp khởi không cho khởi, đề phòng không để xảy ra.

Khi chúng ta ngồi thiền hay niệm Phật, có khi cảm thấy hoàn cảnh xung quanh ồn ào. Kỳ thật, sự ồn ào của chúng ta là từ trong tâm mình! Chúng ta thường tự nói, cái này đáng ghét, cái kia không thích, lời nói trong tâm rất ồn! Tất cả chẳng qua là tự mình làm ồn mà thôi. Do đó chúng ta tu hành cần chuyên tâm chú ý, muốn đạt được nhất tâm bất loạn, thì cần không ngừng luyện tập mới có thể đạt được, chuyên tâm chú ý giống như hơi nước vậy, nếu tập trung sức lực thì năng lượng có thể kéo chiếc tàu hoả chuyển động, tâm niệm của chúng ta cũng như vậy, tập trung tâm lực lại, tự nhiên liền có sức mạnh, tán loạn không đến được.

Chúng ta niệm Phật khi hồi hướng “nguyện đem công đức này, trang nghiêm cõi Tịnh Độ, trên báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường”. Nếu tâm chúng ta tán loạn, miệng nói lời không đúng pháp, như thế chúng ta lấy đâu ra công đức để báo bốn trọng ân? Lại làm sao có công

đức để cứu khổ ba đường? “Kinh A Di Đà” dạy: “*Người thiện căn ít, phước đức mỏng không thể sanh về cõi Tịnh Độ*”². Chúng ta có đầy đủ tư lương phước đức và trí tuệ rồi không? Thiện căn đã sâu dày chưa? Chỉ vì quá khứ không trồng thiện căn mà cứ buồn rầu hối hận, nên bây giờ cần phải trồng xuống những hạt giống thiện cho mai sau còn thực tế hơn.

Bất kỳ làm việc gì, đặc biệt lúc cùng nhau tu tập, cần chuyên tâm nhất ý, chú ý là vô cùng căn bản, trong Kinh điển Tịnh Độ cũng có giảng, chúng ta muốn nhất tâm bất loạn, muốn tâm không điên đảo, đặc biệt lúc lâm chung cần phải khởi phát chánh niệm. Có những Tăng sinh mới và có vị nhiều lần tham gia hoạt động cùng nhau tu tập như vậy, có lẽ cảm thấy “đau lưng mỏi cổ”, “thời khóa rất chặt chẽ”. Lúc chúng ta đang niệm Phật, lại sanh ra một ý nghĩ “chân rất đau, rất nhức”, “thời gian sao lâu hết vậy?”, “Vị chủ lễ tại sao còn chưa đánh chuông kết thúc”, như vậy đã ba tâm hai ý, làm sao có thể đạt được nhất tâm bất loạn?

Trước đây, lúc tôi tham gia tu thiền bảy ngày của Hoà thượng Thánh Nghiêm hướng dẫn, có một thiền sinh hỏi “ngồi thiền bảy ngày chân rất đau nhức, tê mỏi thì làm

² “Kinh Phật Thuyết A Di Đà” quyển 1, Đại Chánh tập 12, trang 347b9~10.

sao?” Thiên Sư liền trả lời: “Không chỉ con biết đau nhức tê mõi, Thầy cũng biết vậy! Bỏ qua tất cả, không cần quan tâm!” Các loại cảm thọ như thế, thì một số người cho rằng đây là loại “thọ khổ”, muốn chống cự né tránh. Có lần, tôi gặp người công tác trong bệnh viện Từ Tế, anh ta kể về một bệnh án, bệnh nhân bị tai nạn xe, xương cột sống bị thương nặng, tê liệt bán thân, bị mũi nhọn của đồ vật đâm trúng, hoặc va phải nước nóng phùn phụt, nhưng chân mất cảm giác, gặp nguy hiểm không thể kịp thời xử lý, nên thương tích trên tay chân đầy đầy, có một vài chỗ lở loét trầm trọng. Do đó suy nghĩ lại, chúng ta còn cảm giác đau, cảm giác tê nhức cũng tốt. Vì chúng mình là hệ thần kinh của chúng ta vẫn còn phản ứng chính xác. Đại chúng cần phải trân quý, thân thể chúng ta vẫn còn khoẻ mạnh, không cần phải suy nghĩ lung tung “làm sao cho thân thể tôi càng khỏe ..., đợi tôi khỏe rồi, lại tiếp tục tinh tấn, sẽ tu tập tốt hơn.”

Kỳ thật, chúng ta suy nghĩ kỹ càng, dù bảo dưỡng và giữ gìn như thế nào cuối cùng cũng không trốn khỏi luật vô thường. Nếu cứ nghĩ khi khỏe mạnh mới tu hành, tại sao lại không nắm lấy hiện tại? Do đó khi ngồi thiền niệm Phật cần phải chuyên chú lúc này, không cần phải đi tìm quá khứ. Bất luận nó có tốt đẹp cách mấy đi nữa, hoặc là có đau buồn cỡ nào đi nữa thì tất cả những thứ này đã đi

qua rồi, không cần phải nhớ lại. Nghĩ đến tương lai, chỉ nghĩ suông thôi không mang lợi ích gì. Chúng ta có thể làm được gì, nên cần bắt tay vào làm, bởi vì nhân quả là do nhân duyên tương tục mà có. Nếu chúng ta có thể nắm bắt được hiện tại, gieo xuống một hạt giống thiện, tự nhiên khi nhân duyên đầy đủ, tương lai sẽ thu hoạch được quả tốt đẹp. Chúng ta bây giờ trồng nhân ác, nhất định tương lai sẽ nhận quả báo xấu.

V. Vận dụng thân, tai, miệng, ý niệm Phật, không nên lấy phương tiện làm mục đích

Học tập các loại kỹ năng, nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý có thể cùng nhau phối hợp được, kết quả sẽ tốt hơn. Như muốn học thuộc từ vựng tiếng Anh, không chỉ trong tâm đọc thầm, nếu phát âm ra tai nghe được, tay viết chữ, như vậy làm cho ấn tượng càng sâu. Đối với việc học tập có một lợi ích rất lớn, niệm Phật cũng như vậy!

Lúc chúng ta cùng nhau tham gia tu tập, kỳ thật mọi người trong tâm đã nắm chắc, chân chánh niệm Phật, nên tự mình niệm ra tiếng (miệng), tự mình nghe tiếng mình đang niệm Phật (tai), cung kính lễ Phật (thân), mà còn nhiếp tâm (tâm), giữ cho tâm nhẹ nhàng, vững vàng mới từ từ tiến vào tịnh niệm tương tục. Nhưng có một số vị, tự mình không niệm ra tiếng, nghe tiếng niệm của đại chúng,

có khi xảy ra sự hiểu lầm, cho rằng mình niệm cũng không quá tệ! Sự thật nếu chỉ có một mình, thì có được đủ sức mạnh như vậy không?

Cũng có những người chỉ dùng miệng niệm, không kết hợp với tâm, có người trong tâm dần dần tương ứng, nhưng gián đoạn không liên tục, có người cung kính hết mực, đầy đủ tín nguyện, tự trong tâm thành khẩn niệm ra, sự khác nhau này rất rõ ràng.

Không kể là phương pháp niệm Phật, pháp môn Thiên, hoặc là bái sám, tụng kinh v.v... vô số pháp môn không giống nhau, nhưng mục đích chủ yếu là để cho chúng ta thanh lọc thân tâm, đạt được giới, định, tuệ. Phương pháp quan trọng nhất cần phải “thành thực trở thành thiện xảo” mới có thể thành tựu được, cần phải không ngừng luyện tập, mới có thể thường xuyên giữ vững phong độ.

Bất cứ học pháp môn nào cũng tốt cả, cuối cùng pháp môn chỉ là phương tiện, chúng ta không nên lấy phương tiện làm mục đích, không phải chúng ta lái trên một chiếc xe đất tiền, thì nhất định được đến nơi bình an, cần xem các yếu tố của mình như: có quen đường, đường có dễ đi, tay lái, nếu đi đường xa cần có đủ sức khoẻ để điều khiển xe, tình trạng tâm lý, ý chí có vững chắc không? Trên đường gặp những chướng ngại, có thể tùy thời khắc phục,

để đẹp bỏ những chướng ngại. Có đủ những yếu tố như vậy, mới có thể đến nơi bình an. Dù làm bất cứ việc gì, nếu không kiên trì cho đến phút cuối, thì không thể thọ nhận được kết quả mỹ mãn. Do đó, không cần nói “tôi tham thiền sẽ tuyệt vời hơn bạn niệm Phật”. Trên sự thật, pháp môn nào, nếu không học đến “chỗ cuối cùng” của nó, mà chỉ hơn thua tranh chấp, thì đều là bàn luận cho vui!

Cách đây vài ngày, tôi giảng dạy cho Tăng sinh mới vô trường, cùng họ bàn đến trạng thái tâm lý khác nhau giữa “tinh tấn” và “cạnh tranh”. Nếu chúng ta tu hành theo kiểu so sánh, “việc của tôi làm thì tốt hơn họ, bất cứ phương diện nào tôi cũng đều tốt hơn người khác cả”, đây chính là “cạnh tranh” không phải là “tinh tấn” chỉ là “chấp ngã” làm hại, rồi sanh ra “ngã mạn, ngã si”. Chân thật “tinh tấn”, không phải ở chỗ “người so với người”, mà là phản tỉnh chúng ta, phiền não của chúng ta có giảm đi được chút nào chưa, thiện pháp có tăng trưởng từng ngày không. Ý nghĩa thật của tinh tấn không ngoài “bỏ ác, làm lành”. Nếu là một người suốt ngày không ngừng niệm Phật, mà trong tâm phiền não cũng không giảm, thì những điều này chẳng qua là một loại hình thức, đích thật của tinh tấn là quyết định chúng ta đã bỏ bao nhiêu việc ác, tu được bao nhiêu việc lành, nếu không đạt được mục

tiêu, thì không xứng đáng với tiêu chuẩn tinh tấn của Phật giáo. Có một số người học Phật, lấy việc “một ngày lạy Phật bao nhiêu lạy, ngồi thiền hết vài cây hương” để nhận định là tu hành. Đương nhiên siêng năng như vậy cũng tốt, so với làm biếng thì tốt hơn nhiều, nhưng nếu chúng ta đem “phương thức tu hành” này, cho rằng tự mình đã “thành tựu của tu hành” như thế sẽ bị lạc vào cạm bẫy “ngộ nhận phương tiện làm mục đích” chúng ta phải đặc biệt cẩn thận.

VI. Niệm Phật có thể tương ứng với giới, định, tuệ tam vô lậu học

Niệm Phật là pháp môn mà người thâm sâu sẽ hiểu thâm sâu, người cạn cợt sẽ hiểu cạn cợt. Bởi vì niệm Phật có thể cùng sám hối và giới học tương ứng; thông qua niệm Phật sám hối những nghiệp ác trong quá khứ, nhất tâm nhiếp niệm giữ gìn giới pháp thanh tịnh, không phạm giới trọng. Lại nữa niệm Phật cũng có thể cùng định học tương ứng, giống như “Kinh A Di Đà” có nói nhất tâm bất loạn, tức là giúp tương tục thanh tịnh niệm Phật, tâm đạt đến chuyên chú một cảnh. Hơn nữa, niệm Phật cũng có thể cùng huệ học tương ứng. Như trong Kinh Luận nói: *“nếu thấy duyên khởi tức thấy pháp tánh, nếu thấy pháp*

tánh tức thấy chư Phật”³. Nếu thay đổi góc độ, thì niệm duyên khởi tức niệm Phật, từ “xung danh niệm Phật” dần vào “thật tướng niệm Phật”, trong quá trình này cần phải bồi dưỡng năng lực quán chiếu duyên khởi, chỉ cần một niệm tương ưng với trí tuệ tánh Không, tức tự thân có thể đạt được giải thoát .

VII. Muốn trở thành Long Tượng của Phật pháp, trước hết phải phục vụ chúng sanh

Chúng ta nếu không biết khéo dùng đời này tích lũy phước đức trí tuệ, thì đời sau chẳng có gì! Nhân lúc mọi người còn trẻ, biết học Phật rồi, có sao không nắm bắt cơ hội này tự mình tăng cường thêm tư lương phước đức trí huệ. “Muốn trở thành Long Tượng của Phật pháp, trước hết phải phục vụ chúng sanh”, chúng ta khi phục vụ, hoặc là làm một vài công việc của học viện không sợ cực nhọc, hoặc bị chỉ trích và thất bại, trên thực tế chúng ta tận tâm tận lực phải dũng cảm đảm nhận, trong tiềm thức chúng ta đã rèn luyện ý chí, vun bồi nhiều năng lực khác nhau, cũng có thể tùy thời ứng biến, thích hợp với nhiều việc đổi thay. Những việc làm nhỏ đó, đều là cơ hội hiếm có để chúng ta trưởng thành hơn, chúng ta tại sao né tránh bỏ qua? Thường ngày nói tu hành có nhiều công lực rất

³ “Phật Địa Kinh Luận” quyển 5, Đại Chánh tập 26, trang 314a21~22.

tốt, nó biểu hiện qua tiếp đãi người và vật, xử lý công việc, nên thông qua đó kiểm tra lại năng lực của chính mình. Khổng Tử nói: *“khi tôi còn nhỏ gia cảnh khó khăn, nên việc khó nhọc gì cũng làm được”*⁴. Chính muốn nói Khổng Tử cũng xuất thân nhà khó khăn, làm qua nhiều việc nhỏ nhặt, mà người khác không thích làm. Và sau này Khổng Tử đã trở thành thánh nhân, có rất nhiều học trò hiền triết kiệt xuất. Trên thực tế những công việc không thích mấy, nhưng chỉ cần chúng ta dùng tâm thể nghiệm, kỳ thật đó đang mài luyện chí, kiểm tra năng lực tu hành của chúng ta.

Có người khi mới phát tâm “không từ khó nhọc, chấp nhận oán hờn” dù lao tâm lao lực, hay có người oán trách vẫn cứ bình thản. Nhưng từ từ, trở thành “không từ khó nhọc, nhưng không chấp nhận oán hờn”, làm thì làm, nhưng có ai oán hờn, thì họ không vui! Cuối cùng tâm nguội lạnh, biến thành “không chịu khó nhọc, không chấp nhận oán hờn”! Đây chính là dấu hiệu của sự thoái lui.

Giống như vậy, chúng ta muốn đạt đến giải thoát, thành Phật, mục tiêu này vô cùng cao thượng, chúng ta không thể chỉ tưởng tượng, mà cần có sự chuẩn bị rất lớn.

⁴ “Luận Ngữ” ‘Tứ Hãn’

Ví dụ lập định mục tiêu là muốn giải thoát. Cuối cùng cần phải có tư lương gì, điều kiện gì mới được giải thoát? Nếu thân tâm chúng ta không hoàn toàn tịnh hóa, thì không thể giải thoát được, cho dù bất kỳ hình thức nào hay hoàn cảnh thay đổi đều đâu có ý nghĩa gì, giống như một người đang ở trong nhà lao, không ngừng thay đổi vị trí, thì cũng đâu có ý nghĩa.

Chúng ta lập chí muốn thành Phật, mà Phật có đủ những tư lương, công đức gì? Chúng ta đọc trong tác phẩm “Con Đường Thành Phật” sẽ thấy rõ, Đức Phật có “đoạn đức” đoạn hết tất cả phiền não, ngã chấp, kiến hoặc, vô minh, tập khí v.v... Chúng ta không nên quá chủ quan, vì phiền não không kể số lượng nhiều hay ít, chỉ cần còn, đang tiềm ẩn thì có thể dẫn đến sanh tử luân hồi vô tận. Và Đức Phật có đủ “trí đức” trí tuệ thâm sâu, thấu hiểu cộng tướng và biệt tướng. Biết được tự mình cần làm gì để được thanh tịnh, giải thoát, cũng tùy căn tánh của chúng sanh, mà chỉ bày pháp môn khế lý khế cơ. Ngoài ra, Đức Phật có đủ “ân đức” từ bi và nguyện lực sâu dày, hóa độ bình đẳng tất cả chúng sanh. Chúng ta cần phải cảm niệm lòng từ bi của Đức Phật, ân Tam Bảo và ân của chúng sanh. Ngoài ba đức này, công đức của Ngài không có ngần mé, tất cả chúng ta cần nên học tập tinh thần “muốn trở thành Long Tượng của Phật pháp,

trước hết phải phục vụ chúng sanh”, chúng ta muốn thành rừng cột, thì phải lớn từ cành cây non, chịu sự khắc nghiệt của gió mưa, phải tích lũy tháng ngày mới thành được trụ cột vững chắc, muốn thành Long Tượng, chúng ta không phải bắt đầu điều khiển mọi người, chinh phục người khác! Mà trước hết tinh cần phục vụ mọi người, thay họ chịu khổ. Do đó chúng ta bất cứ làm việc gì, ở học viện phục vụ đại chúng, không sanh một tí oán trách hoặc bất mãn, tính toán hơn thua. Kỳ thật chúng ta làm việc như thế không phải là việc của cá nhân mình hay sao? Làm việc chính là làm cho mình, để có phước đức, người khác muốn lấy cũng không được. Chúng ta cần phải học tập trong lúc phục vụ đại chúng, phối hợp tương ưng với trí tuệ tánh Không. Đồng thời tu phước đức, trí tuệ thì dần dần điều phục được phiền não tham, sân, si.

VIII. Bởi vì tu hành mà chịu khổ, điều đó là giá trị

Tu hành, khổ tránh phải chịu cực khổ, bởi vì tu hành nên chịu khổ, đây chính là giá trị! Nếu chúng ta phóng dật, ham thích hưởng thụ ngũ dục, rồi chịu cái khổ địa ngục, luân hồi, khổ như đây không đáng giá! Một người làm việc gì, nếu vì sợ khổ không thể tinh tấn tu hành, thì phải trở về lại, chịu vô số lần sanh tử. Nói cách khác, nếu tu hành sợ khổ, tự nhiên không có tìm phương pháp vượt

qua chướng ngại. Đã không có phương pháp vượt qua chướng ngại, thì chỉ còn cách tiếp tục trở lại thế gian, trải qua vô tận sanh tử, lập lại luân hồi không ý nghĩa này. Chúng ta tịnh tâm nghĩ lại một chút. Nếu chúng ta chết rồi sau đó sẽ như thế nào? Kỳ thật câu trả lời rất rõ ràng, cũng chính là trong hiện tại tâm chúng ta đang tồn tại như thế nào, thì sau khi chết nó sẽ như thế đó!

Đạo Phật giảng pháp nhân duyên. Quả báo nhất định phù hợp với nhân duyên. Chúng ta đã không muốn thọ nhiều quả báo khổ, tại sao cứ một mực đi gieo nhân khổ đau? Đức Phật đã chỉ bày cho chúng ta “hoặc, nghiệp và khổ”. Chúng ta cảm thọ đến khổ, chúng ta cần phải hiểu rõ nguyên nhân của khổ đó, vì đã tạo rất nhiều ác nghiệp. Nguồn gốc của ác nghiệp, chính là ở vô số phiền não. Do không suy nghĩ đúng đắn, mới dẫn thân khẩu ý tạo ác nghiệp, có ác nghiệp, tự nhiên sẽ thọ nhận quả báo khổ. Do đó, chúng ta nếu không muốn thọ khổ, chúng ta đã biết rất rõ ràng, thì phải đoạn trừ xa lìa các nhân xấu ác này.

IX. Như lý tư duy, mục tiêu cần rộng lớn, tu hành phải chân thật, đây là điều dụng tâm của Bồ-tát

Người thường ngày biết dụng tâm, bất kể nhất cử nhất động đều khởi tâm quán tưởng, như “Kinh Hoa Nghiêm-

phẩm Tịnh Hành”, nói khi chúng ta tiểu tiện, cần phải quán tưởng bỏ đi những cấu uế; khi chúng ta thấy đường không bằng phẳng, cần phải quán tưởng trừ đi tâm tà vạy; sinh hoạt trong ngày như đánh răng rửa mặt, tất cả lời nói việc làm, nhìn người và sự vật, đối với người có dụng tâm, thì qua đó phát khởi tâm từ bi. Nếu không dụng tâm, đâu đâu cũng thích lợi dụng, thường lừa dối người khác, thậm chí lừa dối chư Phật, nhưng cuối cùng chính mình lừa không nổi với mình .

Thầy Ấn Thuận dạy: *“lấy việc niệm tụng, sám hối v.v... để bồi dưỡng niềm tin tôn giáo, tự mình được ở trong Tăng đoàn, cần học tập tư duy giáo pháp bồi dưỡng trí huệ, không cầu mau thành, chỉ đợi nhân duyên đầy đủ”*⁵. Rất nhiều Tăng sinh lớp trước “nghe” không ít giáo pháp, nhưng có “như lý tư duy” không? Phải cố gắng nhiều hơn nữa. Còn niềm tin tôn giáo, chúng ta còn có tâm kiên định như khi mới phát tâm, cao quý thanh khiết như vậy không? Nếu không như vậy, thì lời dạy trên của Ngài lại một lần nữa phản tỉnh chúng ta.

Tôi trước khi đến Nhật Bản học tập, thầy Ấn Thuận dạy: “cần phải vì Phật pháp mà học, không được quên đi

⁵ Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Giáo Chế Giáo Điển Và Giáo Học” bài ‘Luận Về Bồi Dưỡng Tăng Tài’, trang 153.

bổn phận của người xuất gia!” Chúng ta đã xuất gia cần phải bỏ sự ham muốn của thế tục, không nên tranh danh đoạt lợi. Có người nhìn danh lợi của người thế tục một cách nhạt nhẽo, nhưng khi đến cửa Phật, cũng tranh lợi ích cùng danh vị trong Phật giáo, như thế đâu phải người chân thật xuất gia? Các vị cổ đức sau khi xuất gia mỗi ngày sờ đầu ba lần, để không quên đi trách nhiệm của bản thân!

Ngày hai thời tụng Kinh, lúc niệm Phật, nên đem hết tâm tụng niệm, chúng ta niệm danh hiệu Phật Bồ-tát, nên tùy hỷ cung kính mới phải! Giống như chúng ta đang đối diện một vị mà mình vô cùng ngưỡng mộ cung kính, như vậy thì chúng ta có hoan hỷ, cung kính không? Cũng như vậy chúng ta niệm danh hiệu Phật Bồ-tát là đối diện với các vị Thánh, như thế tại sao không có tâm hoan hỷ? Chúng ta tại sao lại dùng tâm sân hận, tạp nhiễm, hôn trầm để niệm?

Thành quả của sự tu hành không thể đem thời gian ra so sánh, thời gian dài không nhất định là đạt được thành tựu. Đối với thành tựu Phật đạo, trọng điểm chính là hết lòng trong từng giây phút vun bồi tâm xuất ly và tâm Bồ-đề.

Nên thầy Ấn Thuận dạy: “tu học Phật pháp lập chí

muốn thành Phật, mục tiêu cần phải cao, phải xa, nhưng thật thế tu hành cần phải bước từng bước vững chắc, cần mẫn chất phác”. Niệm Phật cũng vậy, không thể chỉ cầu hạ phẩm hạ sanh, bởi vì mong cầu thượng phẩm có khi đạt được trung phẩm, mong cầu trung phẩm có khi đạt được hạ phẩm, do đó mục tiêu cần phải cao, phải xa.

Hy vọng chúng ta nắm bắt cơ hội của cuộc đời này. Nghĩ lại, nếu mạng sống chỉ còn lại một ngày, như thế chúng ta sẽ làm gì trong ngày đó. Cổ đức Trung Quốc nói: “Sáng nghe đạo lý, chiều mất đi cũng an lòng!” Nếu chúng ta mỗi ngày làm việc hợp chân lý tâm an ổn, đến khi vãng sanh được thân nhiên tự tại. Trái lại, tâm lo lắng vì từng làm chuyện trái lương tâm, khi vô thường đến, sẽ tạo thành nỗi hoang mang sợ hãi.

Lời cuối tôi kính chúc quý vị hòa hợp, thanh tịnh và an lạc.

TÂM NIỆM CÙNG NGHIỆP BÁO

I. Lời nói đầu

Giữa tâm niệm và nghiệp báo có mối liên quan rất mật thiết, có sức ảnh hưởng quan trọng đối với tương lai của chúng ta, vì vậy, đáng để tư duy nghiên cứu, về những nhân tố chính nhân tố phụ nào ảnh hưởng đến nghiệp báo?

Ví dụ: cùng là tội “sát hại” nhưng sát hại Phật, A-la-hán, cha mẹ hoặc súc sanh, do đối tượng sát hại không đồng, nên quả báo nhận lấy cũng khác. Ngoài ra, do động cơ, hành vi thủ đoạn phương pháp v.v... khác nhau nên tạo thành nghiệp báo cũng không giống nhau.

Cùng làm một việc, nhưng thế nào để năng lực bỏ ra ít mà thành tích hiệu quả cao, tăng thêm lợi ích cho chúng sanh, và tiêu trừ phiền não của chính mình, người hiểu thì hiểu sâu, còn người chưa hiểu thì nhìn nhận cạn cợt hơn. Chúng ta vốn đều vui vẻ phát tâm làm việc thiện nguyện, nhưng ngày đó trải qua lâu rồi, có người bắt đầu khởi phiền não, đối với công việc được phân chia thì kén chọn, có lúc đang làm thì trong tâm lại khởi lên rất nhiều tạp niệm, như là tâm tham, tâm kiêu mạn, khiến cho chính mình càng làm càng không vui. Nếu như chúng ta học tập trong công việc, rèn luyện ý chí

của chính mình, mọi lúc mọi nơi đều quán sát tâm niệm, phát hiện khuyết điểm, đoạn trừ các loại phiền não tâm tham lam, kiêu mạn. Với chí hướng làm việc như vậy thì mới thật là lợi mình lợi người.

II. Như thế nào là nghiệp và báo?

Muốn hiểu được sự quan hệ giữa “tâm niệm và nghiệp báo” thì trước tiên chúng ta phải hiểu thế nào là nghiệp, thế nào là báo?

1. Nghiệp: hành vi, tạo tác.

Do hoạt động của thân, khẩu, ý mà chiêu cảm năng lực tiềm ẩn đưa đến quả báo.

“Nghiệp” là động tác hành vi. Cái gì do lực ý chí phát động đều là nghiệp. Ở đây nói “nghiệp” chủ yếu chỉ về ý niệm khởi lên trong tâm chúng ta, miệng phát ngôn, thân hành động, dẫn đến phát sinh ra một động lực; mà động lực này tương lai có thể chiêu cảm một loại quả báo nào đó. Ví dụ như: có người nổi giận, la mắng, thậm chí còn đánh người. Động tác như vậy, nó chiêu cảm đến quả báo ác nào đó. Hơn nữa, không phải là nói thành lời ra động tác mới tính, ngay cả nội tại của hoạt động ý niệm “nổi giận” này cũng chiêu cảm quả báo! Phạm hoạt động của thân, khẩu, ý có một loại chiêu cảm năng lực tiềm ẩn của quả báo trong tương lai; đó gọi là “nghiệp”

2. “ Báo”: quả báo, dị thực

“Quả báo” do nghiệp lực chiêu cảm, lại gọi là “dị thực quả”, tức “dị loại nhi thực”. Tại sao gọi là “dị loại nhi thực”? Có nghĩa là chúng ta làm việc thiện thì chiêu cảm quả báo thiện, tạo nghiệp ác thì chiêu cảm quả báo ác. Mọi người thường nghe “thiện có thiện báo, ác có ác báo”, thật ra đây là cách nhận định thông thường, chính xác thì “thiện có quả báo an vui, ác có quả báo khổ đau”. Trước khi nghiệp chưa chiêu cảm báo, nếu không tu tập chúng đắc giải thoát, thì năng lực tiềm ẩn của nghiệp vẫn tồn tại, dù trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp lực vẫn không mất. Chỉ cần nhân duyên hội đủ, thì nghiệp lực sẽ chiêu cảm quả báo.

Tuy nhiên, không phải vừa tạo nghiệp lập tức cảm quả. Từ lúc tạo nghiệp đến cảm quả cần thời gian, thời gian này dài ngắn khác nhau, có người đời này tạo nghiệp thì liền cảm quả “hiện báo nghiệp”, có người đời này tạo nghiệp đời sau mới thọ báo “sanh báo nghiệp” có người đời này tạo nghiệp, cách một đời hoặc nhiều đời mới thọ báo “hậu báo nghiệp”. Chúng ta có thể đưa ra ví dụ, nghiệp giống như hạt giống, có loại khi trồng xuống nửa năm ra hoa kết quả, có loại trồng một năm, có loại trồng hơn một năm mới trở quả.

Hạt giống sau khi trồng thì nhất định có kết quả hay sao? Điều này cũng không nhất định, vì trong thời gian trở quả cần nhiều điều kiện, như ánh sáng, nước, đất, chất dinh dưỡng v.v... Chúng ta gieo xuống hạt giống xấu, nếu cắt hết tất cả trợ duyên thì nó sẽ hư hoại mầm mống. Cũng như, chúng ta tạo ác nghiệp cũng cần các loại trợ duyên mới kết quả, trợ duyên này là gì? Đó là phiền não. Nếu chúng ta đoạn tận phiền não, nhân duyên thiếu, quả ác không thành thực. Cho nên, điều cốt yếu của việc tu hành chẳng phải tiêu diệt báo khổ trong thân, mà không tạo ác nghiệp, quan trọng nhất là đoạn trừ phiền não.

III. Các loại nghiệp

Sau khi tìm hiểu sơ lược tính chất của nghiệp, tiếp đến chúng ta phân loại nghiệp.

1. Thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp

Trước tiên, từ đối tượng để nghiệp căn cứ, thì chia thành ba loại nghiệp “thân, ngữ và ý”. Hoặc có người nghĩ: “nghiệp biểu hiện ra bên ngoài từ thân và ngữ mới nặng, còn nếu chỉ là trong tâm suy nghĩ linh tinh chắc không có gì đáng lo ngại”. Kỳ thật không như thế, ý niệm mới là chủ yếu nhất, bởi vì ý nghĩ từ nội tâm sẽ quyết định nghiệp đó tạo ra thiện hay ác; nhẹ hoặc nặng. Như trong “Thành Thật Luận” quyển 9 ‘Phẩm Ba Nghiệp

Nặng Nhẹ thứ 119’:

Trong ba nghiệp, nghiệp nào nặng hơn? Thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp? ... Đáp: ... Trong Kinh Đức Phật dạy: “tâm là gốc các pháp, tâm cao tốt, tâm dẫn đường, tâm nghĩ thiện ác, tức nói tức làm”. Cho nên biết ý nghiệp là nặng ...

Lại nghiệp của ý hơn nghiệp của thân và khẩu, như trong “Kinh Hòa Lợi” dạy: “Ngoại đạo thân tiên, một khi nổi giận lên liền tiêu diệt nước Na-la-vu-đà”.¹

“Kinh Hòa Lợi” dẫn chứng trên tương hợp với “Trung A Hàm” quyển 32 (Kinh số 133) “Kinh Ưu Ba Ly”².

¹ Đại Chánh tập 32, trang 307a5-b24.

² “Kinh Trung A-hàm” quyển 32, (kinh 133) Đại Chánh tập 1, trang 628b24-630a1 :

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: “Thưa Cù-đàm, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?”

Thế Tôn lại đáp: “Này Khổ Hạnh, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không phải vậy.”

Cư sĩ, ông nghĩ sao, giả sử có người cầm dao bén tới đây, người ấy nói rằng: ‘Trong một ngày tôi chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-nan-đà này chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt’. Cư sĩ, ông nghĩ sao, người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-nan-đà này chất thành đồng thịt, làm thành một khối thịt không?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp: “Không thể. Vì sao như vậy? Xứ Na-nan-đà này quá giàu có an vui, nhân dân đông đúc, cho nên người ấy chắc chắn không thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt được. Thưa Cù-đàm, người ấy chỉ gây phiền nhọc vô ích.”

Đức Thế Tôn bảo: “Cư sĩ, ông nghĩ sao, nếu có Sa-môn, Phạm chí đến, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, người ấy nói như vậy: ‘Ta chỉ khởi một niệm sân, làm cho cả xứ Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro’. Này Cư sĩ, ông nghĩ sao? Sa-môn, Phạm chí ấy có thể làm cho cả Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro không?”

Trong Kinh nói: giả sử có người cầm dao thật bén giết chúng sanh trong nước Na-nan-đà từ tối đến sáng, dù cho giết cả ngày cũng không hết; nhưng có người tu thiền định, phát khởi tâm sân họ sử dụng lực thần thông làm cho chúng sanh trong nước ấy có thể thành tro bụi! Vậy trong ba nghiệp thân, khẩu và ý, thì ý nghiệp là nặng nhất.

2. Thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp

Trên nguyên tắc, thiện bao hàm hai tầng ý nghĩa: một là chúng ta phát tâm hành thiện, hai là làm cho người khác được lợi ích. Nếu như chu toàn đến hai ý nghĩa này thì đương nhiên tốt nhất. Như ở trước đã nói: “thiện nghiệp chiêu cảm quả báo an vui, ác nghiệp chiêu cảm quả báo khổ đau”. Ngoài thiện nghiệp, ác nghiệp ra, còn có một loại không thiện không ác, đó là “vô ký nghiệp”.

Ngoài ra, còn có “bất động nghiệp” loại nghiệp này tương ứng với thiền định, cõi sắc giới định hoặc vô sắc giới định, nên đây là thiện. Do đặc trưng của thiền định là bất động nên nghiệp tạo thành cũng “bất động nghiệp”.

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp: “Thưa Cù-đàm, đâu phải chỉ một Na-nan-đà, đâu phải chỉ hai hoặc ba, hoặc bốn; mà thưa Cù-đàm, Sa-môn Phạm chí kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, nếu khởi lên niệm sân thì có thể làm cho hết thủy các nước, hết thủy nhân dân thiêu rụi thành tro, sá gì một Na-nan-đà?”

Mà loại này có thể chiêu cảm đến sanh tử của cõi sắc giới, vô sắc giới; còn nghiệp thiện nghiệp ác là nghiệp lực cảm quả sanh tử ở cõi dục giới.

3. Định nghiệp, bất định nghiệp

Như thế nào gọi là định nghiệp? Là sức mạnh cố ý tạo tác của nghiệp nhất định dẫn đến loại quả báo nào đó. Trong “Kinh Trung A hàm, Kinh Tư”³ ghi chép, nếu cố ý tạo nghiệp, Đức Phật nói nhất định thọ báo; nếu không cố ý tạo tác, thì không nhất định thọ báo.

Trên sự thật, nhất định thọ báo và không nhất định thọ báo của nghiệp, có khi xem chúng ta có đủ thời gian hồi cải hay không, như “Kinh Trung A Hàm”⁴ nói: ví có một bao muối nặng 1 kg và một bao 20 kg, nếu như đem 1 kg muối bỏ vào ly nước, 20 kg muối đổ xuống sông lớn thì nước ở đâu mặn hơn? Đương nhiên là nước trong ly mặn hơn, nhưng muối ở đâu nhiều hơn? Muối bỏ trong sông lớn nhiều hơn. Đây muốn nói, dù cho nghiệp ác nặng, có đủ thời gian hồi cải, như là thọ mạng dài, lại gặp được thiện tri thức, tinh tấn học tập Phật pháp, chuyên cần tu giới định huệ, thì nghiệp nặng thành nhẹ hoặc trở thành

³ “Kinh Trung A-hàm” quyển 3, (kinh thứ 15) ‘Kinh Tư’: “Nếu ai cố ý tạo nghiệp, ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo, hoặc thọ trong đời hiện tại, hoặc thọ ở đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ báo”. Đại Chánh tập 1, trang 437b.

⁴ “Kinh Trung A-hàm” quyển 3, (kinh thứ 11) “Kinh Diêm Dụ” Đại Chánh tập 1, trang 433a~434a.

bất định nghiệp. Ngược lại, cố ý tạo ác lại không hối cải, hoặc là hoàn toàn không biết ăn năn, như vậy nhất định thọ quả báo khổ.

Trong “Kinh Kim Cang” có đoạn: *“Nếu có người thiện nam thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khác khinh chê, nên biết người này do tội nghiệp đời trước, lẽ ra phải đọa trong đường ác, cho nên đời này bị người khác khinh chê, khi nào tội nghiệp đời trước được tiêu trừ, người ấy sẽ thành tựu quả vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”*⁵

Có người sau khi tụng trì “Kinh Kim Cang”, ngược lại bị người khác khinh dễ si nhục. Người ấy nghĩ: “Mình không tụng Kinh vẫn tốt, đã tụng mà lại bị khinh dễ, si nhục, dứt khoát không cần trì tụng nữa!” Thật ra, nếu ai cũng suy nghĩ như vậy là không đúng. Ý của “Kinh Kim Cang” là do cá nhân đời trước tạo nghiệp ác, lẽ ra đọa vào đường xấu trong cõi địa ngục, súc sanh, ác quỷ, nhưng do công đức đọc tụng “Kinh Kim Cang” làm cho quả báo nhẹ, hiện tại chỉ bị người khác coi thường, nhưng đời sau khỏi bị chiêu cảm quả báo của ba đường ác đạo!

4. Cộng nghiệp, bất cộng nghiệp

Bất cộng nghiệp là nghiệp mà tự bản thân mình chịu

⁵ Đại Chánh tập 8, trang 750c24-27.

ảnh hưởng, cũng gọi là biệt nghiệp; cùng một lúc mà mình và người khác ảnh hưởng thì gọi là cộng nghiệp. Ví dụ như, một nhà có ba người con gái, hoàn cảnh trưởng thành trước khi lập gia đình đều giống nhau. Nhưng sau khi lớn lên thì mỗi người được gả vào một gia đình khác, mỗi người có sự nghiệp phát triển không đồng, đây gọi là bất cộng nghiệp của mỗi người.

Cộng nghiệp của mọi người, ảnh hưởng qua lại, tác động lẫn nhau, hình thành mối quan hệ rất phức tạp. Giống như chúng ta đối với mọi người luôn nở nụ cười tươi, thì họ sẽ có ấn tượng tốt với chúng ta; còn ngược lại lúc nào mặt mày nhăn nhó khó chịu, thì người khác không vui, mọi trường hợp đều có mối quan hệ lẫn nhau.

Nếu có thể hiểu biết sâu sắc giáo lý cộng nghiệp của Phật giáo, thì tìm ra nguyên nhân để đối phó, tùy bệnh cho thuốc điều trị, sẽ kịp thời xoay chuyển cộng nghiệp của mọi người. Như môi trường sinh sống ô nhiễm, rác chất thành đống khắp nơi, vi trùng sinh sôi nảy nở, tạo nguyên nhân gây bệnh sốt rét. Muốn giải quyết triệt để loại bệnh này, đâu chỉ làm sạch sẽ đồ chứa nước của mỗi nhà mà có thể được, cần toàn thể xã hội, cho đến thôn xóm làng xã huyện thị cùng giữ gìn môi trường trong sạch, thì mới có thể tiêu diệt các mầm bệnh lây lan này.

Theo nguyên tắc “cùng làm cùng chịu”, cộng nghiệp của mọi người, thì phải đồng tâm hiệp lực thay đổi, nếu không, cho dù Thánh nhân cũng đành bất lực. Bồ-tát muốn thiết lập tịnh độ trong nhân gian, song tịnh độ chân chánh, không chỉ tịnh hoá thân tâm chính mình thôi, mà cần làm trong sạch nội tâm của chúng sanh, thì cõi Phật mới chân chánh thanh tịnh.

5. Dẫn nghiệp, mãn nghiệp

Dẫn nghiệp là một loại nghiệp lực đặc biệt mạnh, dẫn dắt chúng sanh đến thọ một quả báo tổng thể, trở thành trời, người, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục một trong năm cõi, nghiệp này đặc biệt mạnh nên gọi là “dẫn nghiệp”. Ví dụ: Đền-bà-đạt-đa chuyên tâm trì giới, tu tập khổ hạnh, cũng đắc thiên định đủ thần thông, nhưng vì ác tâm làm thân Phật chảy máu, ác nghiệp như vậy rất nặng nên dẫn đến đọa địa ngục.

Ngoài ra còn có mãn nghiệp. Nghiệp này không mạnh bằng dẫn nghiệp, tuy không dẫn dắt chúng sanh chiêu cảm quả báo tổng thể, nhưng ảnh hưởng báo thân của chúng ta viên mãn hay không. Ví dụ, sáu căn đầy đủ, tướng mạo trang nghiêm, âm thanh dịu dàng hay không, ảnh hưởng đến điều này là mãn nghiệp.

Trong “Câu Xá Luận”⁶ đưa ra ví dụ, có nhà họa sĩ, trước tiên dùng một màu vẽ ra hình tượng, sau khi hoàn thành việc này, thì điểm tô thêm nhiều màu sắc. “Dẫn nghiệp” là đồng một màu vẽ ra một hình người hoặc một con vật; “mãn nghiệp” như bức hình tô điểm nhiều màu sắc. Chúng ta cùng là con người, nhưng tướng mạo, tư chất, âm thanh cho đến tri thức của mỗi người không giống nhau. Đây gọi là mãn nghiệp.

IV. Sự khác biệt giữa người và người là do nghiệp nào tạo thành

Chúng ta đều là con người nhưng giữa con người có những loại khác biệt, điều này do những nhân tố nào hình thành? Quy nạp các yếu tố đó thì có ba loại chính:

- (1) Mãn nghiệp từ đời quá khứ
- (2) Biệt nghiệp của đời hiện tại
- (3) Cộng nghiệp trong hiện tại

1. Mãn nghiệp từ đời quá khứ

Chúng ta là người, đời quá khứ tạo qua những dẫn nghiệp đưa đến làm người, bất luận là người da đen, người da trắng nhưng một đôi mắt, một lỗ mũi, đều giống nhau. Nhưng kiểu dáng đẹp xấu không đồng, tức là do

⁶ “A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận” quyển 17, Đại Chánh tập 29, trang 92b.

ảnh hưởng của mẫn nghiệp ở quá khứ.

Từ “dẫn nghiệp” mà nói: đầu thai vào làm người tốt hơn đờng súc sanh, nhưng làm người nhất định có phước báo hơn súc sanh không? Điều này không nhất định, có người sanh nơi chiến tranh loạn lạc, cuộc sống khó khăn đói khát, thân người gầy ốm còn da bọc xương; còn có người nuôi chiều súc vật, tuy súc sanh nhưng hưởng thụ cuộc sống rất tốt, chủ nhân không chỉ chuẩn bị rất nhiều món ăn ngon mà còn tắm rửa, dẫn dắt đi chơi. Vì vậy, động vật được nuôi dưỡng này dẫn nghiệp trong đời quá khứ tuy không tốt giống người, nhưng đối với mẫn nghiệp ngược lại rất có phước báo nhận được sự quan tâm của chủ nhân.

Ví như mọi người cùng bố thí, thực hành bố thí được quả báo nhân thiên, đại thể giống nhau, nhưng mẫn nghiệp khác nhau rất lớn. Có người lúc bố thí khởi tâm kiêu mạn tự cao gây khó chịu cho người nhận, có người cung kính tận tay bố thí; có người đợi giàu có mới bố thí, có người nghèo khó có thể bố thí. Mẫn nghiệp này có các loại không đồng, quả báo tự nhiên cảm được cũng có khác biệt! Cùng là người giàu, có người rất nhân nhả, nguồn thu nhập của cải không ngừng, mọi người đối xử rất tốt, còn người cũng giàu có nhưng bận rộn âu lo, cạnh

tranh quyết liệt, mọi người khắp nơi oán trách, luôn sợ bị người khác cướp bóc, hay bỏ thuốc độc ám hại. Vì vậy, chúng ta nên lưu ý: cùng làm một việc, song tâm niệm phát sanh bên trong và hành vi của thân khẩu, khác biệt từng li từng tí, tất cả đều đưa đến chiêu cảm quả báo không đồng!

2. Biệt nghiệp của đời hiện tại

Mục thứ hai này đặc biệt quan trọng “biệt nghiệp của đời hiện tại (bất cộng nghiệp)”. Vì mãn nghiệp trong đời quá khứ, tuy nghiệp ở quá khứ quyết định một phần của đời sống, nhưng nếu đời hiện tại hoàn cảnh không giống nhau, hoặc là nỗ lực của mỗi người không giống nhau, nhân duyên vẫn thay đổi được! Như anh em sinh đôi, tướng mạo thể hình đều tương tự, nhưng một người sống có quy luật, chú trọng bảo vệ giữ gìn sức khỏe. Ngược lại người kia cách sống hoàn toàn ngược lại, như vậy kết quả của họ dẫn đến không giống nhau.

Có người sống cuộc đời không mấy như ý, nhưng nghiệp trong đời quá khứ đã tạo, hết cách cải đổi, chỉ buồn rầu cũng đâu có ý nghĩa, như vậy chúng ta phải bắt đầu làm lại từ đâu? Thật ra, điều mà cần nỗ lực chính đó là “biệt nghiệp của đời hiện tại”!

Trước đây, có một người già đến tham quan miếu

Khổng Tử, người này cảm nhận các phương diện như học vấn, đức hạnh, giáo dục của Khổng tử rất tuyệt vời, xứng đáng là “Chí Thánh Tiên Sư”. Nhân đó ông cụ rất ngưỡng mộ, lập chí học theo Thánh nhân, song mọi người lại chế giễu ông rằng: “Đã già 70, 80 tuổi rồi mà vẫn muốn học Thánh nhân? Khổng tử 15 tuổi chuyên tâm vào việc học, 30 tuổi thì có thể tự lập, 40 tuổi mới có thể hiểu thấu mọi sự lý trong xã hội, 50 tuổi có thể thông suốt chân lý của tạo hoá hiểu được mệnh trời, 60 tuổi thì mới không cảm thấy chướng ngại mê mờ, 70 tuổi làm việc gì thì tự nhiên thể hiện đúng với chủ tâm của mình. Ông tuổi đã cao mà lại còn muốn mô phỏng Khổng Tử thì há không dễ lắm sao?” Ông ta trả lời rằng: “Mặc dù tôi chạy không nhanh bằng Khổng Tử, nhưng đuổi theo vài bước cũng tốt rồi”

“Đuổi theo vài bước cũng tốt” thật là có chí khí! Bỏ nhiều thời gian tinh thần tìm về quá khứ, không bằng trong đời hiện tại siêng năng dụng tâm!

3. Cộng nghiệp trong đời hiện tại

Mục thứ ba là “cộng nghiệp trong đời hiện tại”. Dù tự mình rất nỗ lực, có lúc vẫn không chống lại sự khắc nghiệt của hoàn cảnh bên ngoài. Giống như có người rất siêng năng làm việc muốn kiếm được nhiều tiền, nếu nền kinh tế chung không được thuận lợi thì nguyện vọng khó

mà thành hiện thực. Như nói tư chất tối ưu của trẻ em, không phải trời sanh bộ não tốt là nhất định thành tựu. Tư chất tối ưu của trẻ em muốn thành tựu thì cần rất nhiều yếu tố như: cha mẹ là người biết nhìn xa trông rộng và hiểu được con, chọn đúng chí hướng giáo dục cho con, có thầy cô giỏi giảng dạy hướng dẫn. Và lại, muốn trở thành người tài đức cũng không phải một bước là có thể thành công, cần trải qua thời gian dài bồi dưỡng, vì vậy cần có thể lực, nhẫn nại, kiên trì thì mới được.

Có người lúc nào cũng ảo não buồn rầu nghiệp chướng nặng, đem những nguyên nhân tạo nên các chuyện không như ý, đều đổ thừa cho về đời trước. Kỳ thật, ba loại nghiệp đó quyết định cuộc sống hiện tại của mình, nghiệp tạo từ quá khứ chỉ đóng một phần nhỏ, chẳng phải toàn bộ. Nghiệp tạo từ quá khứ đã trở thành quá khứ, còn muốn thay đổi thì chỉ có cách từ biệt nghiệp của chúng ta trong đời hiện tại, thứ đến là cộng nghiệp của chúng sanh. Chỉ có hiện tại nỗ lực sửa đổi “biệt nghiệp của cá nhân” và “cộng nghiệp của chúng sanh”, thì mới có khả năng giải quyết trực tiếp vấn đề. Vì vậy, thay vì ảo não buồn rầu quá khứ tại sao không thực hiện tốt, thì đâu bằng nỗ lực cố gắng trên nhiều phương diện trong hiện tại! Nhờ hiểu nhân quả nghiệp báo, và học tập chánh tri chánh kiến của Phật pháp, thì có thể đối bệnh kê thuốc.

V. Tù nghiệp thọ báo

Chúng ta trong một đời tạo nghiệp rất nhiều, thiện có, ác cũng có. Tạo thiện nghiệp được quả báo nhân thiên; tạo nghiệp ác đọa vào ba đường ác: súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Chúng ta tạo nhiều thiện nghiệp và ác nghiệp, cuối cùng theo những nghiệp nào, đầu thai vào đường nào? Nói cho cùng, theo nghiệp thọ báo chủ yếu có ba loại: tùy nghiệp nặng, tùy tập tính, tùy ức niệm.

1. Tùy nghiệp nặng

“Tùy nghiệp nặng” tức bất luận là nghiệp thiện, ác nhưng trong đó có nghiệp lực đặc biệt mạnh, như tạo nghiệp thiện nhiều hay tạo nghiệp ác mạnh, sau khi thân mạng kết thúc lập tức đi thọ báo. Đối với người tạo nghiệp thiện mạnh thì dù chúng ta không hộ niệm giúp người này nhưng người này cũng sớm sanh lên cõi trời, hoặc chuyển kiếp đến nhân gian.

2. Tùy tập tính

Tùy tập tính là tùy thuộc vào thói quen, do thói quen thiện hay ác mà hình thành một loại ảnh hưởng của quán tánh. Trong “Kinh Tạp A Hàm”⁷ ghi lại câu chuyện của

7 “Kinh Tạp-a-hàm”, quyển 33, (kinh 930) Đại Chánh tập 2, trang 237b-c.

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật cuối đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Bạch

một vị trưởng lão nổi tiếng, trong đó nói rõ thói quen chủ yếu thường ngày phải nuôi dưỡng tập tính tánh thiện. Vị trưởng lão này hằng ngày niệm Phật một cách thành kính, có một ngày ông ta thỉnh cầu Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu có một ngày con đang đi trên ngã tư đường không cẩn thận nên bị tai nạn, lúc đó con không kịp niệm Phật, thế thì con có bị đọa địa ngục không? Hay các con đường ác đạo không? Đức Phật trả lời: “Ông sanh thời có tập tính thiện, ông yên tâm, khi đó không kịp niệm Phật, thì vẫn được vãng sanh đến con đường thiện, giống như cây cỏ thụ sanh trưởng theo hướng về phía Đông Nam khi đổ gãy vẫn theo hướng Đông Nam mà ngã.”

Vì vậy, hằng ngày giữ gìn cho tâm trong sạch thanh tịnh, thì lúc này chánh niệm sanh khởi, đã có tập tính

Thế Tôn, nước Ca-tỳ-la-vệ này, đang an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt. Mỗi khi con ra vào người vật theo hai bên, nào voi điên, người điên, xe điên, thường cùng đi với chúng. Con tự sợ là mình cùng sống, cùng chết với bọn điên cuồng này mà quên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng. Con tự nghĩ sau khi mạng chung sanh vào thế giới nào?

Phật bảo Ma-ha-nam: “Đừng sợ hãi, đừng sợ hãi, Sau khi chết ông không sanh vào đường dữ, cũng không chết dữ. Ví như cây lớn thuận gió, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu chặt gốc rễ sẽ ngã về nơi nào?”

Ma-ha-nam bạch Phật: “về phía thuận gió, nghiêng xuống, chúi xuống”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Ma-ha-nam cũng như vậy, khi mạng chung không sanh đường dữ, cũng không chết đường dữ. Vì sao, vì ông đã lâu dài nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, nên sau khi mạng chung thân này bị hoả thiêu, hay bỏ ngoài nghĩa địa, bị gió táp, nắng thiêu lâu ngày thành tro bụi, nhưng vì tâm ý thức từ trước được huân tập bởi chánh tín, bởi tịnh giới, bởi thí, đa văn, trí huệ nên thần thức hướng lên cõi an lạc, đời sau sanh về cõi trời.”

Sau khi Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

thiện thì sẽ sanh vào đường lành. Ngược lại, thường ngày nuôi dưỡng tập tánh tham, đến khi xả bỏ thân mạng, cảnh tượng huyễn hóa hiện ra, thì một niệm chấp trước đi theo đầu thai vào đường súc sanh hoặc đường ác đạo.

3. Tùy ức niệm

Tùy ức niệm là tùy thuộc vào tâm niệm hồi tưởng trong lúc lâm chung. Nếu như, đời trước không tạo nghiệp thiện, ác đặc biệt lớn, cũng không có tập tánh thiện hay tập tánh ác đặc biệt mạnh, lúc này muốn vãng sanh nơi nào đều có thể! Nếu lúc mạng chung hồi tưởng việc thiện, thì nghiệp thiện dẫn dắt sanh vào đường nhân thiên; hồi tưởng việc ác thì nghiệp ác dẫn dắt vào ba đường ác đạo. “Hộ niệm lúc lâm chung” chủ yếu là hướng vào người đó mà hộ niệm trợ giúp cho phần nào đó. Nhưng người này nghiệp ác quá nặng, hoặc là hằng ngày có tập tính ác quá sâu dày, thì cho dù có người trợ niệm, người này không dễ thọ nhận được!

VI. Lâm chung nhất niệm

Trong “Đại Trí Độ Luận” khi nói về nhân duyên nghiệp báo, lấy ví như người họa sĩ, nhấn mạnh người tạo nghiệp chân chánh thì được quả báo tốt; ngược lại, người tạo nghiệp tà vạy thì nhận quả báo xấu. Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 24 nói:

“Khi mạng chung nghiệp ấy đến phủ kín tâm người này, như bóng râm của ngọn núi lớn che mọi vật. Nghiệp ấy hay cho các loại thân, như thợ vẽ, vẽ các hình tượng. Nếu người nào hành nghiệp chánh hạnh thì quả báo tốt, còn nếu hành nghiệp tà hạnh thì có quả báo xấu. Như người làm việc cho nhà vua, thì theo công việc mà được thù đáp. Như vậy là phân biệt quả báo của các nghiệp chướng.

Lại nữa, như trong “Kinh Phân Biệt Nghiệp”, Phật bảo A-nan: “người làm ác sanh nơi tốt, người làm thiện sanh nơi xấu”.

A-nan thưa: “Việc ấy như thế nào?”

Phật dạy: “Người ác tội nghiệp đời này chưa chín, mà nghiệp lành đời trước đã chín, do nhân duyên đó, mà đời này tuy ác mà sanh nơi tốt, hoặc khi sắp chết tâm tâm số pháp lành phát sanh, do nhân duyên ấy cũng sanh được nơi tốt. Người làm lành sanh chỗ xấu, vì nghiệp lành đời này chưa chín mà nghiệp ác đời trước đã chín muồi, do nhân duyên ấy mà đời nay làm lành mà sanh nơi xấu, hoặc khi chết tâm tâm số pháp bất thiện phát sanh, do nhân ấy nên cũng sanh chỗ xấu.”⁸

Người họa sĩ là chỉ những người biết vẽ hình người,

⁸ Đại Chánh tập 25, trang 238b11~23.

hình cảnh vật. Thật ra, làm cho thọ nhận thân người hoặc súc sanh đều do nghiệp của chúng ta tự tạo ra. Như trong “Đại Trí Độ Luận” trích dẫn “Kinh Phân Biệt Nghiệp” tường thuật lại Đức Phật đã từng nói với A-nan rằng: “Người làm ác, nhưng sanh vào nơi tốt, người làm lành mà sanh vào nơi xấu”.

A-nan cảm thấy rất kỳ lạ, điều này trái với câu nói thường ngày “thiện có thiện báo (quả báo vui), ác có ác báo (quả báo khổ)” trái lại sao?

Đức Phật trả lời: người làm ác, đầu thai vào nơi tốt, có hai nguyên nhân: một là vì người ác này tội nghiệp đời này vẫn chưa thành thực, nghiệp thiện đời quá khứ đã thành thực rồi; hai là khi sắp chết, sanh khởi tâm tâm sở pháp thiện mạnh.

Ngược lại, người làm lành đầu thai vào chỗ không tốt, cũng có hai nguyên nhân: những người này thiện căn đời nay vẫn chưa thành thực, mà nghiệp ác trong đời quá khứ đã thành thực; hai là khi sắp chết khởi tâm tâm sở bất thiện pháp mạnh.

Tiếp theo “Đại Trí Độ Luận” lại có một đoạn nghi vấn thật thâm thúy:

Hỏi: Nghiệp chín chưa chín có thể như vậy, còn tâm phát sanh trong thời gian ngắn ngủi khi sắp chết làm

sao thắng được nghiệp lực gây ra suốt cả đời?

Đáp: Tâm ấy tuy trong thời gian khoảnh khắc, mà tâm lực mãnh liệt, như lửa như chất độc, tuy ít nhưng có tác dụng rất lớn. Trong khi sắp chết, tâm đó quyết định mãnh liệt kiên cố, cho nên thắng nghiệp lực tạo ra trong trăm năm.⁹

Có người hỏi: nếu nói tội nghiệp thành thực hoặc chưa thành thực dẫn tới nơi nào thọ báo, cách này tôi đồng ý; nhưng mà, lúc lâm chung tâm niệm rất ngắn, làm sao có thể chống chọi cho được nghiệp thiện hoặc nghiệp ác trong một đời?

Giống như trong “Đại Trí Độ Luận” trả lời, Bồ-tát Long Thọ nói: Tâm niệm này tuy rất ngắn nhưng sức mạnh mãnh liệt như lửa, như độc. Giống như lửa vô minh có thể thiêu sạch cả rừng công đức. Cho dù chúng ta trải qua nhiều năm làm thiện tạo ra công đức, nhưng chỉ trong một niệm sân khởi lên có thể đốt cháy hết tất cả! Thử nghĩ xem, một người cần lao khổ nhọc trong ba năm đốn cây chất đầy nhà, rồi đem một ngọn lửa đốt nó thì có cần ba năm mới cháy hết không? Chắc chắn là không, mà ngược lại chỉ trong một khoảnh khắc thôi đã cháy tan thành tro bụi. Còn chất độc? Cũng như vậy, tuy

⁹ Đại Chánh tập 25, trang 238b23~27.

liều lượng rất ít, chẳng cần ăn tới no, chỉ một giọt nhỏ cũng đủ lấy đi thân mạng. Nếu như trước khi lâm chung, tâm niệm vững mạnh giống như ngọn lửa, thuốc độc, “quyết định mãnh liệt kiên cố, cho nên thắng nghiệp lực tạo ra trong trăm năm.”

Bởi vậy, cùng là một niệm cuối trước khi lâm chung, xem chúng ta là niệm thiện hay niệm ác, niệm cuối cùng này có sức mạnh như thế nào. Nếu niệm này đặc biệt mạnh đến nỗi chống lại được những nghiệp thông thường, mà khiến chúng ta đi thọ báo theo niệm này trước, vấn đề đó chúng ta cần lưu ý!

VII. Tội phước đều do “tâm” sanh phân biệt

Cùng thực hiện một việc, nhưng do phát tâm không giống nhau, nên quả báo nhận được tội phước khác nhau. Như “Thành Thật Luận” quyển 7 nói:

Do có tâm phân biệt nên thành ra có tội, nếu không có thì cũng không, tất cả các nghiệp đều do tâm sai biệt mà có cao thấp. Nếu đã không có tâm phân biệt thì cao thấp từ đâu sanh? Giống như lương y hay không phải lương y đều làm người khổ, do tâm lực mà sanh ra tội phước sai khác; lại giống như đứa trẻ bú sữa mẹ thì không có tội gì cả, vì nó không có tâm ô nhiễm. Ngược lại thì có tội, thế nên biết rằng tội phước đều do tâm mà

*sanh ra.*¹⁰

Nếu cố ý làm việc ác nên có tội, ngược lại không ác tâm thì không nhất định có tội. “Cố ý tạo nghiệp” và tùy vào tâm niệm thiện ác mạnh hay yếu mà quả báo có sự khác biệt. Ví như Lương y trị bệnh cho bệnh nhân, có lúc dùng kim chích, xoa bóp hoặc bó xương v.v..., làm cho bệnh nhân tiếng khóc đau buồn, nhưng lương y vì trị bệnh cho bệnh nhân; ngoài ra có người không phải lương y nhưng lại có ác ý muốn hại người, làm cho người đau khổ nói không nên lời. Ở đây là do sự phát tâm không đồng, mục đích không giống nhau, lương y trị bệnh cho người thì được phước, không phải lương y mà lại tâm ác hại người thì có tội. Cũng như trẻ em bú sữa mẹ với tâm không ô nhiễm nên không có tội, nếu như người ngoài có tâm ô nhiễm thì đương nhiên có tội. Vì vậy, tội phước không phải đem hành vi của thân, khẩu xét đoán, chủ yếu là nơi tâm, tâm thiện ác, hoặc là cố ý, không cố ý mà quyết định tội phước.

“Thành Thật Luận” quyển 7 lại ghi rằng:

“Nhu có ba người cùng nhiều thác: người thứ nhất là có muốn có công đức niệm Phật, người thứ hai phạm tội trộm cắp, người thứ ba là hóng mát. Tuy thân nghiệp

¹⁰ Đại Chánh tập 32, trang 294a18~23.

*giống nhau, mà thiện, bất thiện, vô ký khác biệt là ở trong tâm”.*¹¹

Ví dụ nói ba người cùng đi nhiều tháp, người thứ nhất là vì công đức niệm Phật; người thứ hai là vì muốn lấy trộm tiền trong thùng công đức; người thứ ba là không phải khởi tâm niệm thiện ác đặc biệt mà chỉ vì muốn đến nơi thờ Phật trong sạch này để đi hóng mát. Ba người này tuy thân nghiệp giống nhau nhưng tâm niệm thì khác, do đó có thiện, bất thiện và vô ký khác nhau. Nhưng biết được tội phước là do tâm mà tạo ra sự khác biệt, tâm niệm rất quan trọng!

VIII. Do năm nhân duyên quyết định sự khác nhau phạm tội thượng, trung, hạ phẩm

“Tâm” quyết định rất nhiều yếu tố thọ báo nặng nhẹ, nhưng tội nghiệp nặng nhẹ có khác, vậy do những yếu tố nào quyết định? Theo nghiệp ác mà nói, trong “Du Già Sư Địa Luận” quyển 99 đưa ra năm loại nhân duyên:

“Do năm nhân duyên, mà biết được phạm tội thượng, trung, hạ phẩm khác nhau. Thế nào là năm? Một là do tự tánh, hai là do hủy phạm, ba là do ý thích, bốn là do sự việc, năm là do tích tập.

¹¹ Đại Chánh tập 32, trang 294b2~4.

1. Do tự tánh (tánh tội) là: Tha tánh tội là Thượng phẩm tội; Chúng dư tội tự là Trung phẩm tội; Sở dư tội tự là Hạ phẩm tội.

Lại có sự khác nhau, Bỉ thắng và Chúng dư là Trọng phẩm tội; Văn trụ và Biệt hối là Trung phẩm tội; Ác tác tội tự là Khinh phẩm tội. Nên biết như vậy, do vì tự tánh, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ khác nhau.

2. Do hủy phạm: Phạm tội do vô tri và phóng dật là Hạ phẩm tội; do vì phiền não mạnh là Trung phẩm tội; do vì khinh mạn, là Thượng phẩm tội. Nên biết như vậy, do vì hủy phạm, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ phẩm khác nhau.

3. Do ý thích: Phạm tội do vì hạ phẩm tham, sân, si triền, là Hạ phẩm tội; nếu do trung phẩm thì Trung phẩm tội; do vì thượng phẩm, là Thượng phẩm tội. Nên biết như vậy, do vì ý thích, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ phẩm khác nhau.

4. Do vì sự việc: Tuy là phạm tội tương tự với phần ý thích, nhưng do sự việc không giống nhau, nên biết phạm đó hình thành thượng trung hạ khác biệt. Do vì sân triền cố ý sát hại chúng sanh, thì phạm Văn trụ tội; cũng vì sân triền mà giết hại người khác không phải cha mẹ, thì phạm Tha thắng tội, không bị vô gián tội; cũng

vì sân triền mà giết hại cha mẹ, thì phạm Tha thắng tội và vô gián tội. Nên biết như vậy, do vì sự việc, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ phẩm khác nhau.

5. Do tích tập: Phạm một tội không như pháp sám hối, hoặc phạm hai cho đến năm tội, nên biết, do tích tập như thế, trở thành Hạ phẩm tội. Từ đó về sau, nếu phạm mười, hai mươi, ba mươi, rất nhiều lần, không như pháp sám hối, nên biết, do tích tập như thế, trở thành Trung phẩm tội. Nếu phạm số lượng không thể tính hết, nên biết, do tích tập như thế, trở thành Thượng phẩm tội.¹²

“Du Già Sư Địa Luận” nói: có năm nhân duyên quyết định tội mà phạm Hạ phẩm tội, Trung phẩm tội, Thượng phẩm tội: do tự tánh, hủy phạm, ý thích, sự việc, và do tích tập, dưới đây giải thích cụ thể.

1. Nhân duyên thứ nhất: “do tự tánh”

Phần “Tự tánh” có 2 cách lý giải:

A. Cách thứ nhất:

- a. Thượng phẩm tội: “Tha thắng tội tự”, lại gọi là “Ba-la-di”, thuộc tội nặng nhất, như cố ý phạm tội sát sanh, trộm cắp, tà dâm, hoặc cố ý đại

¹² Đại Chánh tập 30, trang 870b7~c9.

vọng ngữ: không chúng đắ thiên định mà nói là đã chúng đắ; không chúng quả mà cô ý nói chúng quả. Những loại tội tương tự như vậy đều phạm tội rất nặng, đây gọi là thượng phẩm tội.

- b. Trung phẩm tội: “Chúng dư tội tự” lại gọi là “Tăng tàn”, “chúng” là “tăng”, “dư” là sót lại (tàn), đây là tội trọng thứ hai trong giới luật của người xuất gia.
- c. Hạ phẩm tội: “Sở dư tội tự” tức là ngoài tội Ba-la-di và Tăng tàn. Như tiểu vọng ngữ, giết súc sanh, hoặc tội khác nữa.

B. Cách thứ 2:

- a. Thượng phẩm tội: “Tha thắng tội tự”, “chúng dư tội tự”. Đây là tội nặng thứ nhất cùng tội nặng thứ hai trong giới luật của Tỳ-kheo.
- b. Trung phẩm tội: “Vãn trụ”, “biệt hối”, đây là loại tội “Ba-dật-đề” và “Ba-la-đề-đề-xá-ni” trong luật. Như Phật quy định trong chúng xuất gia mỗi người chỉ được cất giữ một cái bát, nhưng có người tâm tham lam cất giữ nhiều cái, thì phạm tội này.
- c. Hạ phẩm tội: “Ác tác tội tự”. Như ăn mặc

không nghiêm túc, đi đứng nằm ngồi không có oai nghi v.v., đây là hạ phẩm.

Do giới pháp không đồng, như vậy mà tội nặng nhẹ khác nhau. Đây gọi là “do tự tánh”, tội phạm thành thượng, trung, hạ phẩm khác nhau.

2. Nhân duyên thứ hai: “Do hủy phạm”

A. Thượng phẩm tội: Khinh mạn, tâm nghi ngờ, hận thù, tức là coi thường, nghi ngờ hận thù chúng sanh. Bản phận của Bồ-tát là từ bi tiếp dẫn chúng sanh, nhưng ngược lại chúng sanh có tâm coi thường, nghi hoặc, hận thù, các loại này vi phạm nghiêm trọng đến tinh thần của Bồ-tát. Vì thế bỏ rơi chúng sanh, đây thuộc về thượng phẩm tội.

B. Trung phẩm tội: Phiền não hưng thịnh. Tuy đối với chúng sanh không nầy sanh tâm khinh mạn, nghi ngờ, hận thù, nhưng phiền não còn hỷ hưng, não loạn chúng sanh, khiến chúng sanh khởi phiền não, đây là trung phẩm tội.

C. Hạ phẩm tội: Vô tri, phóng dật. Do không có trí huệ, lười biếng giải đãi tạo ra sai lầm.

Cùng làm hành động giống nhau, nhưng tâm niệm hủy phạm không giống, thì tội báo nặng nhẹ khác nhau.

3. Nhân duyên thứ 3: “Do ý thích”

- A. Thượng phẩm tội: tham, sân, si phiền não thượng phẩm.
- B. Trung phẩm tội: tham, sân, si phiền não trung phẩm.
- C. Hạ phẩm tội: tham, sân, si phiền não hạ phẩm.

Ví như, cùng là phiền não của sân, nhưng có sự khác biệt thượng phẩm sân, trung phẩm sân, hạ phẩm sân.

Sân thượng phẩm, tâm sân hận rất mạnh, dài lâu không dứt, thậm chí đến đời sau, đợi đủ cơ hội báo thù, niệm sân này mạnh lại dài lâu nên tội báo rất nặng.

Sân trung phẩm, tâm sân hận không mạnh mẽ, kéo dài giống thượng phẩm, nhưng đối trước người này sám hối, họ vẫn không tha thứ.

Sân hạ phẩm, tâm sân này mới khởi lên, trải qua không lâu thì biến mất.

4. Nhân duyên thứ 4: “Do sự việc”

- A. Thượng phẩm tội: như đem tâm sân hận cố ý giết cha mẹ, sư trưởng, Thánh nhân, là phạm Tha thắng tội (Ba-la-di) cho đến vô gián tội.
- B. Trung phẩm tội: Tâm sân hận cố ý giết người trừ cha mẹ, sư trưởng, Thánh nhân, là phạm

Tha thắng tội (Ba-la-di).

C. Hạ phẩm tội: Tâm sân hận cố ý giết súc sanh, tội Văn trụ (Ba-dật-đề).

Cùng là phiền não giống nhau, nhưng đối tượng gây hại không giống nhau, nên tội nặng nhẹ khác.

5. Nhân duyên thứ 5: “do tích tập”

A. Thượng phẩm tội: Phạm tội nhiều vô lượng.

B. Trung phẩm tội: Phạm một vài lần rồi dừng. (Như ăn trộm vài lần rồi dừng).

C. Hạ phẩm tội: phạm ít thì dừng.

“Tích tập”, nói số lượng phạm tội mà chúng ta đã mắc phải. Có người nghĩ: Ta đã trộm cắp rồi, một thì không làm, hai đã làm rồi thì không dừng lại, tiếp tục trộm cắp nữa! Hoặc có người nghĩ rằng: giết người thì sẽ bị chém đầu, nhưng giết rồi, thì giết thêm nhiều người nữa cũng vậy, đây là tà kiến! Họ chỉ thấy kết quả hiện tiền của hành vi giết người là bị tử hình, chứ không thấy được hậu quả của nó là phải bị sa đọa vào ác đạo và trong tương lai còn bị trầm luân nơi thế giới khổ đau, suy nghĩ của họ thật nông cạn.

Ví dụ rằng, giống như áo quần vừa làm dơ chút, lập tức đi giặt liền thì mau sạch; nếu làm dơ nhiều mà lại để lâu

mới giặt thì khó sạch. Có hai người rất lười biếng, một người nói: “Tôi chuẩn bị vớ mặc trong hai tuần, bên phải mặc rồi, thì lật qua bên trái mặc tiếp”. Người còn lại nói: “Như vậy chưa là gì! Tôi đem áo quần ngâm, đợi khi tôi nghĩ tới là đã khô rồi!” Nghĩ thử xem, áo quần mà ngâm trong nước xà phòng, để đến lúc khô rồi thì như thế nào? Vẫn có thể mặc được không? Áo quần dơ ít thì rất dễ giặt, dơ nhiều thì rất khó giặt. Đồ dơ mà lập tức giặt tẩy cùng với đồ mà sau khi ô-xy hoá rồi mới giặt thì bao nhiêu sức lực bỏ ra không giống nhau.

IX. Giai đoạn từ đầu, đương lúc và sau đó

Giai đoạn đầu của Kinh điển đại thừa, như “Kinh Đại Phẩm Bát-nhã”, “Kinh Hoa Nghiêm” đều nói đến sáu loại Ba-la-mật hay mười loại Ba-la-mật, trong đó “Thi-la Ba-la-mật” là giới hạnh của Bồ-tát, mà trong những Kinh này nói giới Bồ-tát chủ yếu là “Thập thiện đạo”. Thập thiện đạo là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm (chúng xuất gia là không dâm dục), không vọng ngữ, không nói hai lời, không nói lời ác khẩu, không ý ngữ, không tham lam, không sân giận, không tà kiến (chánh kiến).

Có người đưa ra câu hỏi: Thập thiện đạo gồm mười giới điều, còn “không uống rượu”, “không ăn phi thời”,

“không dùng gậy đánh chúng sanh” những điều giới trong Thập thiện đạo không có bao hàm, nếu nói chỉ có Thập thiện đạo là Thi-la Ba-la-mật của Bồ-tát thì không phải là quá ít sao? Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 46 ghi:

*Hỏi rằng: Thi-la Ba-la-mật tức là bao gồm tất cả giới pháp, giống như các sông đều chảy ra biển lớn, cho nên giới không uống rượu, không ăn phi thời, không dùng gậy đánh chúng sanh, trong thập thiện đạo không nói đến, tại sao chỉ nói thập thiện thôi?*¹³

“Đại Trí Độ Luận” trả lời vấn đề này như sau:

*Đáp: Phật nói tổng tướng Ba-la-mật, mười thiện là tổng tướng giới, biệt tướng có vô lượng giới. Không uống rượu, không ăn quá ngộ... xếp vào trong điều thiện không tham; không giết hại chúng sinh xếp vào trong điều thiện không giận; các việc khác tùy nghĩa mà xếp theo sau.*¹⁴

Giới là nhiếp vào bảy thiện đạo, thân nghiệp có ba, khẩu nghiệp có bốn.

Mười thiện đạo và đầu cuối, như khởi tâm muốn giết, khi ấy khởi phương tiện miệng nói dữ, đánh đập, cho

¹³ Đại Chánh tập 25, trang 395b18~21.

¹⁴ Đại Chánh tập 25, trang 395 b21~29.

đến sắp chết, đều thuộc giai đoạn từ đầu. Sau khi chết bắt đầu ăn uống, vui mừng đều gọi là giai đoạn lúc sau. Cướp mạng sống là điều căn bản; ba việc ấy hòa hợp chung gọi là bất thiện đạo về sát. Vì vậy nên biết nói mười thiện đạo thời thu nhiếp hết thủy giới.

“Không uống rượu” và “không ăn quá ngộ” giới điều trong Thập thiện đạo không nói, nhưng nó được hàm nhiếp trong giới “không tham”; “không giết hại chúng sanh” được hàm nhiếp trong “không sân”, còn giới sát sanh là không phải giới hạn trong “cướp thân mạng chúng sanh” mà thôi, vì thân, khẩu, ý trước khi sát sanh và sau khi sát sanh đều bao hàm trong tội “cướp thân mạng chúng sanh”. Trước khi sát sanh thì tâm sát sanh khởi lên trước (tâm nghiệp), ác khẩu, chửi mắng (khẩu nghiệp), đánh đập hành hạ (thân nghiệp); cho đến sau khi chúng sanh chết lại vui mừng (tâm nghiệp), tán thán (khẩu nghiệp), ăn thịt đánh xác chết (thân nghiệp) v.v... đều bao hàm trong giới sát sanh. Như vậy, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ đối với “đương lúc” “từ đầu” cho “sau đó” kết thúc đều là như vậy. “Từ đầu, đương lúc và sau đó” ở trên vừa nói, theo Huyền Trang dịch là “Gia Hành, Căn bản, Hậu khởi”.

“Luận Đại Tỳ Bà Sa”¹⁵ tường thuật cụ thể sự liên quan của ba quá trình này trong Thập bất thiện đạo, ở đây chỉ đơn cử giới cấm sát sanh, trộm cắp, dâm dục “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 113 ghi rằng:

Hiện tại đề cập đến ba khía cạnh khác nhau từ đầu, đương lúc và sau đó của Thập bất thiện nghiệp. Người làm việc giết hại trải qua ba giai đoạn: Nghĩa là khi muốn giết một con dê, trước tiên anh ta đến chỗ nuôi dê, hoặc mua, hoặc trói buộc, hoặc đánh đập cho đến gần chết. Giai đoạn này, nếu có những hành vi hay lời nói liên quan tới việc giết hại đều thuộc về giai đoạn “từ đầu” của việc giết hại. Đương lúc đem tâm giết hại, dùng biểu nghiệp, trong thời gian sát-na nghiệp đó, đoạn thân mạng gọi là “đương lúc”. Từ đó về sau, phạm những việc lột da, xẻ thịt, hoặc bán, hoặc ăn cho đến những biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp liên quan đến thân và miệng đều thuộc về giai đoạn “sau đó” của việc giết hại.¹⁶

“Luận Đại Tỳ Bà Sa” quyển 113 lại nói:

Giới không cho mà lấy có ba giai đoạn: chẳng hạn như

¹⁵ “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 113, Đại Chánh tập 27, 583b~584a ; “Câu Xá Luận” quyển 16, Đại Chánh tập 29, trang 84c~85a ; “Kinh Ưu-bà-tắc Giới” quyển 6, Đại Chánh tập 24, trang 1067a~c.

¹⁶ Đại Chánh 27, trang 583b12~19.

khi mới khởi tâm trộm cắp nhưng thân đang ở nơi khác, đang lên kế hoạch, dò thám, khoét vách, mở khóa, trộm lấy tài vật của người cho đến lấy được vật song chưa di dời chỗ khác. Những hành vi bất thiện về thân miệng, trong giai đoạn này đều thuộc giai đoạn “từ đầu” của giới không cho mà lấy. Nếu dùng tâm trộm cắp mà lấy vật của người rồi di dời đi nơi khác thì tất cả những hành vi thuộc về biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp của thân ý cho đến khoảnh khắc của một sát-na trong giai đoạn này gọi là “đương lúc” của tội trộm cắp. Từ đó về sau, hoặc là vật chủ biết được, cho đến bắt nhốt, giam cầm, hoặc giết hại vật chủ, thì phạm “đương lúc” giới sát sanh và “sau đó” giới trộm cắp, hoặc vật chủ không biết, rồi phân chia sử dụng những hành vi đó dù thuộc về biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp của thân và miệng thì đều được gọi là giai đoạn “sau đó” của việc trộm cắp.¹⁷

“Luận Đại Tỳ Bà Sa” quyển 113 lại ghi:

Giới tà dâm chia ra ba giai đoạn: nghĩa là do bị lửa ái dục thiêu đốt, hoặc thông qua thư từ, tranh vẽ, thức ăn uống, tài vật mà biểu hiện lòng khát ái của mình rồi đụng chạm, cho đến chưa giao cấu với đối tượng đó, những hành vi bất thiện của thân miệng ấy đều thuộc giai đoạn

¹⁷ Đại Chánh 27, trang 583b19~27.

“từ đầu” của giới tà dâm. Nếu ở những thời điểm nào đó, thực hiện những hành vi bất thiện về thân, hoặc là giao cấu cho đến khởi lên ý niệm nghĩ tà dâm trong chừng khoảng sát-na đều liên quan đến “đương lúc” của giới tà dâm. Từ đây về sau, y theo này mà khởi lên những hành vi bất thiện về thân miệng dù thuộc biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp có liên quan đến ái dục thì đều thuộc giai đoạn “sau đó” của giới tà hạnh.¹⁸

1. Ba giai đoạn từ đầu, đương lúc, sau đó của sự giết hại:

Trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 46 đã nói rõ những vấn đề liên quan của sự giết hại. Giết hại không chỉ khiến cho đoạn thân mạng thôi, mà khi phát khởi tâm trong giai đoạn “từ đầu, đương lúc, sau đó” cũng thuộc về việc giết hại.

2. Ba giai đoạn từ đầu, đương lúc, sau đó của việc trộm cắp:

Ý nghĩa của sự trộm cắp là “không cho mà lấy”, tức vật người không cho mà tự động lấy về cho mình. Ở đây cũng phân ra ba giai đoạn:

A. Ban đầu: Nhìn thấy vật mà khởi tâm tham, trước

¹⁸ Đại Chánh tập 27, trang 583b27~c6.

tiên phải quan sát chung quanh, dò thám, phá tường, cho đến chưa di dời vật đi nơi khác thì thuộc giai đoạn “ban đầu”.

B. Đương lúc: Lấy vật di dời đi nơi khác trong khoảng chừng một sát-na, giai đoạn này gọi là “đương lúc”.

C. Sau đó: Sau khi lấy được vật thì bị chủ nhân phát hiện rồi bắt trói lại cho đến bị giết hại vật chủ, đây là giai đoạn “sau đó” của sự trộm cắp, là giai đoạn “từ đầu” của tội giết hại, nếu giết hại chủ nhân thì thuộc về giai đoạn “đương lúc” của sát sanh. Nếu vật lấy được mà không bị chủ nhân phát hiện, rồi đem vật ra tự sử dụng hoặc phân chia cho mọi người cùng sử dụng, biểu hiện những hành vi bất thiện về thân, ý dù biểu nghiệp hoặc vô biểu nghiệp đều thuộc giai đoạn “sau đó” của việc trộm cắp.

3. Ba giai đoạn từ đầu, đương lúc, sau đó của việc tà dâm:

“Tà dâm” là ưa thích việc tà hạnh, đối với giới điều của tại gia thì không tà dâm, còn người xuất gia thì không dâm dục.

A. Từ đầu: Khi tâm tham dục khởi lên nghĩ ra đủ

phương thức để diễn tả tâm yêu thương của mình như: gửi thư từ, tặng hoa, đồ ăn uống, tiền tài của báu, hoặc xúc chạm thân thể v.v... tất cả những hành động này đều thuộc giai đoạn “từ đầu”.

B. Đương lúc: Hai căn của nam nữ hòa hợp nhau trong một sát-na, đây là giai đoạn “đương lúc”.

C. Sau đó: Thân nghiệp, khẩu nghiệp trong giai đoạn sau của sự ham muốn tà hạnh đều thuộc “sau đó”.

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” là luận thư của Nhất Thiết Hữu bộ, nói giai đoạn “ban đầu và sau đó” thuộc về thân nghiệp, khẩu nghiệp; nhưng “Đại Trí Độ Luận” của Đại thừa thì bao hàm ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nói cách khác, không chỉ một sát-na khi hai căn nam nữ hòa hợp mới phạm tà dâm, khi đụng chạm, miệng nói, trong tâm khởi tâm tham dục v.v...đều là “dục tà hạnh”.

Y vào đây, mà suy ra các loại vọng ngữ, lưỡng thiệt (đến người này nói chuyện người kia, đến người kia nói chuyện người này), nói lời ác khẩu, kỳ thị v.v... cũng như thế.

Từ đây, ta có thể nói Thập thiện đạo là nền móng căn bản, nó không chỉ giới hạn trên văn tự liệt kê ra mười hạng mục, mà tất cả “ban đầu và sau đó” đều bao hàm trong giới pháp này. Phân tích theo ý nghĩa, thì Thập

thiện đạo là tổng giới tướng, bao hàm tất cả giới pháp, hàm chứa năm giới, tám giới, thậm chí giới của Tỳ-kheo v.v..., Bồ-tát giới phải đầy đủ Thi-la Ba-la-mật, nên nắm lấy những nguyên tắc này, nếu chỉ thọ trì mười giới thì công năng của giới hạnh làm sao viên mãn được?

Tại sao chúng ta lại đề cập đến giai đoạn “từ đầu và sau đó”? Vì giai đoạn “từ đầu và sau đó” có ảnh hưởng mật thiết tới việc nặng nhẹ của nghiệp báo. Ví dụ như, thời Phật còn tại thế có một người nghèo, trong vườn ra được một ít nho, nên muốn đem cúng dường chúng Tăng, nhưng nhân duyên không thành. Vì cùng lúc đó, nhà vua lại muốn cúng dường ẩm thực cho đại chúng trong một tháng. Người này suy nghĩ rằng: Nhà vua đã hứa trước rồi, nên tháng này mình không cúng dường được! Người này đợi qua một tháng, cũng may gặp được vị Tỳ-kheo và thưa: “Tôi đã đợi một tháng rồi, lúc nào thì mới có thể cúng dường được?”. Vị Tỳ-kheo trả lời: “Không phải bây giờ thí chủ mới bố thí, mà đã bố thí cả tháng này rồi”¹⁹.

Tuy chưa đem của bố thí nhưng trong tâm đã chuẩn bị trước, không phải đợi đến nơi mới khởi ý niệm bố thí.

¹⁹ “Kinh Tạp Thí Dụ”, Đại Chánh tập 4, trang 502 a1~7. “Pháp Uyển Châu Lâm” quyển 41, Đại Chánh tập 53, trang 609b.

Đây là nói đến giai đoạn “từ đầu”. Có người ở nhà, thấy người nghèo tới xin thì mới bố thí; có người thì ăn xin tới nhà xin lại không cho; có người ở trong nhà nhưng nghĩ tới những người nghèo đang đói khát, lạnh cóng ngoài đường nên chủ động đi cứu giúp. Cùng là một việc bố thí, nhưng tâm niệm bố thí, thái độ, phương thức, tâm từ bi đều không giống nhau. Vì vậy, giai đoạn “từ đầu” rất quan trọng, đối với quả báo có ảnh hưởng lớn.

Giai đoạn “sau đó” cũng vậy. Chúng ta khởi tâm làm việc thiện, không nhất định là mọi người đều cảm kích được việc làm của chúng ta. Có lúc bố thí cho người họ lại chê ít nhiều! Có người trong tâm lại nghĩ: “Bố thí cho người là việc làm không sai, nếu như người nhận vẫn với thái độ như vậy thì lần sau không thèm để ý đến người đó nữa”! Có người vẫn tiếp tục bố thí nhưng lại mang tâm oán hận, thái độ bố thí thay đổi. Nếu như vậy thì phước đức giảm đi! Vì vậy, giai đoạn “sau đó” của hành động bố thí cũng rất quan trọng, như thế nào làm cho sự phát tâm của ta không thối lui, sau khi bố thí không hối hận, ngược lại khởi tâm hoan hỷ, mỗi ngày tăng trưởng liên tục không ngừng, đều này phải dựa vào sự dụng công của bản thân mỗi người!

Tóm lại, giai đoạn “từ đầu, đương lúc và sau đó” giai

đoạn nào cũng đều ảnh hưởng tới nghiệp báo nặng nhẹ của chúng ta.

X. Nhân tố ảnh hưởng đến nghiệp báo

Nhân tố ảnh hưởng đến nghiệp báo rất nhiều, ở đây chỉ nói sơ lược mấy nhân tố căn bản:

1. “Cố ý tạo nghiệp” hay “không cố ý tạo nghiệp”

Cố ý tạo nghiệp và không cố ý tạo nghiệp có sự khác nhau rất lớn. Ví như người cha từ dưới đất ném viên gạch lên lầu cho người con, nhưng người con bắt không được viên gạch nên bị rơi xuống đầu người cha và chết. Vấn đề này cùng với tội cố ý giết người, giết cha mẹ, quả báo nghịch tội này khác nhau khá lớn.

2. Trạng thái tinh thần khi tạo nghiệp

Tạo nghiệp trong “trạng thái tinh thần bình tĩnh” hay “trạng thái tinh thần hỗn loạn” không giống nhau. Đối với luật pháp xã hội cũng như vậy, với người có tinh thần không ổn định thì hình phạt nhẹ, có lúc được miễn hình phạt, Phật giáo cũng thế.

3. Động cơ phát tâm

Động cơ phát tâm bao hàm rất rộng, bao gồm các loại tâm niệm từ trước khi thực hiện. Ví như bố thí, có hay không sự chấp trước về chính mình, về người nhận và vật

bố thí? Bố thí có mong cầu, hay không có mong cầu?

Ví dụ có người bố thí mà muốn người nhớ ân huệ của mình, đây gọi là chấp trước chính mình.

Hoặc người thấy thích thì bố thí nhiều, ngược lại thấy người không thích thì bố thí ít, hoặc hoàn toàn không bố thí, đây là tâm mình đối với người nhận vật bố thí còn có sự so sánh.

Hoặc có người đem giày dép, truyền hình, tủ bàn cũ v.v... như vậy có phải là thật tâm bố thí không? Hoặc có người đem rác cho người? Nếu còn chấp trước “vật bố thí” thì đối với đồ vật mình ưa thích, quý trọng khó mà đưa được! Ngược lại, nếu như có người đem vật quý của mình cho người khác, thì quả báo này so với việc đem rác cho người đương nhiên hơn nhiều.

Lại có người, không chỉ xả bỏ vật mà trong lúc bố thí còn xả bỏ tâm phiền não tham, sân, si v.v... đây không phải là bố thí của phàm phu mà tương ưng cùng với giải thoát đạo Nhị thừa! Cao hơn nữa, không chỉ cầu độ thân mạng chúng sanh mà dùng trí huệ Bát-nhã hoá độ huệ mạng của chúng sanh, hướng dẫn phương pháp tu hành, đoạn trừ phiền não, làm việc lợi tha, đây tương ưng với Bồ-tát Đại thừa!

Phần trên đối với vấn đề thiện nghiệp đã nói qua, còn

với bất thiện nghiệp thì phát tâm tương ưng với tham, sân, si, nặng hoặc nhẹ, thì hậu quả sẽ khác nhau.

4. Phương pháp, hành động

Phương pháp hành động, hành thiện và tạo ác cũng rất khác nhau. Cùng là cách giết người, có người giết người rất nhanh, có người trước dùng lời nhục mạ, mang roi đánh đập làm cho người kia giầy vò đến sắp chết. Đây gọi là hành động, phương pháp không đồng, quả báo thọ nhận sẽ khác!

Cũng như, lúc người bố thí tỏ thái độ có thành khẩn hay không? Tận tay bố thí hay mượn người khác bố thí giúp? Khi cứu giúp người nghèo về mặt có hiền hoà không? Hay dùng lời chế nhạo, ra vẻ khó khăn với mọi người? Có người tâm tụy ái rất cao, thà là chịu chết đói chứ không chịu nhận đồ của người bố thí. Có người càng bố thí thì tâm kiêu căng ngã mạn càng cao, nếu có người làm hơn mình thì tâm oán hận dâng trào. Như vậy, khi chúng ta làm công việc từ thiện nên đặc biệt chú ý.

Thật ra, chúng ta có thể suy nghĩ rằng: bố thí cho người nghèo không phải quan niệm từ trên cho xuống dưới, đây là cơ hội để mọi người gieo trồng phước lành. Vì vậy, bố thí tuyệt đối không có quan niệm từ trên cho xuống dưới mà là đồng thể đại bi. Không những có tâm từ, lại còn

xem mọi người như Phật, cung kính dâng biếu phẩm vật, như vậy mới không tùy tiện ngạo mạn đem đồ cho người khác.

Tuy đồ bô thí giống nhau, nhưng tùy tâm niệm và phương thức thái độ bô thí của mỗi người không giống nhau, nên sự khác biệt của quả báo cũng lớn.

5. Sự việc thành hoặc chưa thành

Sự việc thành rồi hay chưa đạt được mục tiêu, quả báo cũng có những cái khác biệt. Như quả báo của tội giết người chết rồi và tội giết người chưa được không giống nhau. Lại có người, tuy có tâm thiện, nhưng chần chừ không chịu thực hiện, còn có người đi sâu trong lòng xã hội hòa nhập cộng đồng, làm lợi ích cho chúng sanh, quả báo của hai loại này cũng khác nhau.

6. Đối tượng phục vụ hoặc đối tượng xâm hại

Đối tượng phục vụ hoặc đối tượng xâm hại không giống nhau nên quả báo cũng không giống nhau. Cùng là một hạt giống nhưng khi đem gieo ở vùng đất khô cằn sỏi đá và đem gieo ở vùng đất màu mỡ phì nhiêu, thì kết quả thu hoạch cũng khác nhau. Đối với giới luật của người xuất gia, cố ý giết súc sanh thì phạm Ba-dật-đề, là phạm tội đọa, cố ý giết cha mẹ thì phạm Ba-la-di, tức là tội ngũ nghịch!

Ở đây có đặt ra vấn đề: lúc bố thí Bồ-tát nên bố thí cho đối tượng nào trước? Giả sử, chỉ có một phần thức ăn, cùng lúc xuất hiện trước mặt mình hai người, một là vị cao tăng đạo đức, vị kia là kẻ lang thang khổ rách áo ôm, vậy nên bố thí cho người nào?

Thông thường là do sự phát tâm, cách nghĩ của mỗi người khác nhau mà có cách làm khác nhau. Có người cho rằng trước nên bố thí cho vị cao tăng, có người lại nghĩ nên bố thí cho kẻ lang thang, cũng có người phân ra thành 2 phần, hoặc xem tình cảnh lúc đó rồi quyết định. Như vậy, cuối cùng bố thí cho ai là đúng? “Đại Trí Độ Luận” nêu ra 3 phương pháp:

- (1). Người có tâm phân biệt nhiều thì trước cúng dường Phật, Bồ-tát... (phước điền lớn mà tâm thí nhỏ hơn).
- (2). Người có tâm từ bi lớn thì trước bố thí cho người nghèo người ác ... (phước điền nhỏ mà tâm thí lớn).
- (3). Người đạt được thật tướng trí huệ Bát-nhã phương tiện đầy đủ thì tùy nhân duyên hành bố thí, thương xót chúng sanh, xem họ như Phật.

Như “Trí Độ Luận” quyển 87 (Đại Chánh tập 25, trang 669b2~c21) ghi rằng:

Hỏi: Bồ-tát khi bố thí, trước tiên thí cho người nào?

Đáp: Bồ-tát tuy vì chúng sinh khởi tâm đại bi, song Bồ-tát bố thí trước tiên cúng dường Phật, Bồ-tát, A-la-hán và các thánh nhân; nếu không có thánh nhân thì thứ lớp bố thí cho người trì giới, tinh tấn thiền định, trí tuệ, ly dục; nếu không có các người này thì thí cho các đệ tử xuất gia của Phật; nếu không có người này thì bố thí cho người thọ trì ngũ giới, tu mười thiện đạo và thọ trì tam quy giới một ngày; nếu không có người này thì thí cho hạng người bình thường chẳng phải chánh, chẳng phải tà; nếu không có người này thì bố thí cho người ác tạo tội ngũ nghịch và súc sinh; không thể không cho. Bồ-tát lấy việc bố thí nhiếp thủ hết thảy chúng sinh. Có người nói: Nên trước tiên bố thí cho người tạo tội ngũ nghịch dứt thiện căn, người nghèo cùng, già bệnh, hạ tiện, hành khát, cho đến súc sinh; thí như người mẹ hiền có nhiều con, trước tiên nghĩ đến đứa ốm yếu, bệnh hoạn, cấp cho sự cần dùng; lại như Bồ-tát vì thấy cạp đói muốn ăn con mình nên đem thân bố thí.

Hỏi: Vì sao nên trước hết bố thí cho các hạng như vậy?

Đáp: Vì hết thảy chúng sinh đều là ruộng phước của Bồ-tát. Vì sinh tâm đại bi, Bồ-tát thường muốn đem Vô thượng chánh đẳng chánh giác thí cho chúng sinh, hưởng gì cơm áo mà còn có phân biệt! Lại, Bồ-tát được vô sinh

pháp nhẫn bình đẳng không sai khác, người chưa được vô sinh nhẫn hoặc tâm từ bi nhiều, hoặc tâm phân biệt nhiều, hai tâm ấy không thể đồng hành. Người có tâm từ bi nhiều trước tiên bố thí cho người nghèo cùng, hung ác, nghĩ rằng: Gieo vào ruộng phước được quả báo tuy lớn, song vì lòng thương xót chúng sinh nên trước tiên làm lợi ích cho người nghèo cùng. Như vậy, thửa ruộng tuy không tốt, nhưng do lòng từ bi nên được quả báo lớn. Người có tâm phân biệt nhiều nghĩ rằng: Chư Phật có vô lượng công đức nên trước tiên cúng dường Phật, vì phân biệt các pháp, chấp trước thân Phật nên tâm nhỏ. Tâm tuy nhỏ mà ruộng phước lớn nên công đức cũng lớn. Nếu hiểu được thật tướng các pháp, vào trong Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện không được tự tại, cả hai việc cùng làm, thương xót chúng sinh và xem chúng sinh như Phật. Như vậy, Bồ-tát tùy theo nhân duyên mà hành bố thí.

Phước điền thường gồm có “kính điền” và “bi điền”

Trong Kinh²⁰ có ghi: công đức cúng dường một vị Phật lớn hơn công đức cúng dường trăm vị A-la-hán. Công đức cúng dường một vị A-la-hán lớn hơn công

²⁰ “Trung A-hàm” quyển 39, (kinh155) “Kinh Tu-đạt-đa” Đại Chánh tập 1, trang 677b23~c13; “Trung A-hàm” quyển 47, (kinh 180) “Kinh Cù-đàm-di” Đại Chánh tập 1, trang 722b20~26.

đức cúng dường trăm vị thánh Tăng; bố thí cho phàm phu hơn hẳn bố thí cho súc sanh. Do vì Phật có công đức hoá độ chúng sanh lớn nên phước điền lớn. Đây là nói về phương diện “kính điền”, kính điền lớn thì phước điền nhiều.

Phương diện khác là nói về “bi điền”, có bộ Kinh chủ trương trước bố thí cho những người nghèo khổ nhất, đáng thương nhất, phước báo này lớn. Giống như người mẹ sanh mấy người con, trong số các người con đó có người ốm yếu nhất, nhiều bệnh tật, lúc này người mẹ thường chăm sóc người con này; cũng như, nếu chúng ta không nhanh chóng hoá độ những người làm ác, thì ai là người độ họ? Nếu kẻ lang thang đói gần chết, mà chúng ta có thể nhẫn tâm không cứu sao?

Vấn đề quan trọng là nếu vị cao Tăng và kẻ lang thang cùng đói gần chết, thì chúng ta nên bố thí cho ai? Có người đưa ra một phương án, nói rằng: “Thánh tăng có trí huệ cao, nên cúng dường trước, vì trong hoàn cảnh này Thánh tăng cần nhắc nên phân ra một ít bố thí cho kẻ lang thang. Nếu chúng ta bố thí cho kẻ lang thang trước thì người này có thể chiếm ăn hết không nghĩ đến Thánh tăng thì sao?” Cách giải quyết này cũng có ý nghĩa.

“Đại Trí Độ Luận” đưa ra ba phương pháp: “nếu chúng đắc thật tướng các pháp, nhập vào lục phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật, tâm được tự tại, hai việc đầy đủ, thương xót chúng sanh, coi chúng sanh như Phật. Như chư Bồ-tát tùy nhân duyên hành bố thí”. Cũng như Bồ-tát chúng đắc thật tướng các pháp, không còn tướng chúng sanh, không phân biệt thiện ác, tâm từ trí huệ đầy đủ, tùy duyên bố thí. Khi bố thí cho kẻ lang thang vô đức, không chỉ có tâm từ bi lớn mà còn xem họ như Phật, tâm cung kính, tâm từ bi để cúng dường, từ bi trí huệ đầy đủ vô ngại, như vậy phước đức tăng gấp bội!

7. Số lượng, phẩm chất, tâm thường xuyên

Số lần hay số lượng hành thiện, tạo ác có sự quan hệ mật thiết với quả báo.

Mọi người thường nghĩ, bố thí nhiều thì phước đức càng lớn. Chúng ta không chỉ nhìn vào “số lượng”, còn “chất lượng” tốt xấu cũng phải chú ý. Cũng như chẳng thà cho một trái táo tươi còn hơn dâng thùng chuối rữa.

“Số lượng” hoặc “tâm thường xuyên” cũng không kém phần quan trọng, có người bố thí rất hào phóng, nhưng chỉ một lần. Có người bố thí vật phẩm tuy không nhiều nhưng nhiều lần, tâm bố thí liên tục thường xuyên không ngừng, cũng như khi chúng ta niệm Phật, ngày ngày luôn

nhất tâm niệm Phật, lâu ngày sẽ thấy được công phu.

Có người khởi phiền não một cách mãnh liệt, nhưng lại rất mau tiêu diệt; có người khởi phiền não không mạnh, nhưng miên mật, thường xuyên không dứt. Trường hợp này là việc ác lớn không phạm, việc ác nhỏ không đoạn, đây cũng chướng ngại cho việc tu hành.

Lúc Phật còn tại thế, người trộm cắp 5 tiền là phạm tội chết, nhân đó mà Phật chế giới luật: “trộm 5 tiền là phạm tội Ba-la-di, không thể hối cải, phải trục xuất khỏi Tăng đoàn; trộm dưới 5 tiền có thể sám hối.” Có vị Tỳ-kheo nghĩ: “nếu một lần trộm đúng 5 tiền, phạm tội Ba-la-di, phải trục xuất khỏi Tăng đoàn, không giống như phân ra năm lần trộm, một lần trộm 1 tiền”. Phật hỏi: “Lúc trộm cắp có sanh tâm liên tục không? Nếu có thì cũng phạm tội Ba-la-di; nếu không thì tội nhẹ hơn”.

Từ đây ta có thể nghĩ: trừ số lượng, giá trị vật phẩm ra, số lượng nhiều ít, có thường xuyên hay không, thì quả báo cũng có ảnh hưởng rất quan trọng, đặc biệt đáng được lưu tâm!

Nói đến “số lượng”, ngoài “số lượng vật phẩm” ra “tâm lượng” cũng nghiệp báo cũng có liên quan. Như có cô gái nghèo, dùng sức lực làm việc của mình, để đổi lấy cây đèn dầu nhỏ đốt cúng dường Phật, bên cạnh đó có

những người giàu cũng đốt đèn cúng Phật nhưng chỉ có ngọn đèn của cô gái nghèo đó vẫn sáng.²¹ Từ đây ta có thể nói, tuy lượng dầu trong đèn rất ít nhưng tâm của cô gái nghèo so với những người giàu rất lớn, nên quả báo nhận được cũng lớn.

8. Thiện hành hoặc ác hành thọ dụng, không thọ dụng tạo ra ảnh hưởng của quả báo

Chúng ta hành thiện mà đối phương có thọ nhận hay không, thì cũng liên quan đến quả báo. Trong “Trung Luận” Bồ-tát Long Thọ nói rằng: “*Từ dụng sanh phước đức, tội sanh cũng như vậy*”²². Có nghĩa là: thiện nghiệp, ác nghiệp mỗi thứ đều có hai loại: một là nghiệp đã thành khi tạo, hai là nghiệp khởi lên khi thọ dụng. Như anh A bố thí cho anh B phẩm vật, ngay lúc đó, anh A tạo được một thiện nghiệp; sau đó anh B sử dụng vật này, thì anh A lại được một lần thiện nghiệp nữa. Luận sư Thanh Mục đem “ví dụ bắn cung” để nói: người bắn cung khi bắn mũi tên ra là đã tạo ác nghiệp, bắn chết đối phương, thì người bắn cung đó chịu một ác nghiệp nữa; nếu bắn

21 “Kinh Hiền Ngụ” quyển 3, “Bản Nữ Nan Đà phẩm thứ 20” Đại Chánh tập 4, trang 370c~371c.

22 “Trung Luận” quyển 3, “phẩm thứ 17 Quán Nghiệp” Đại Chánh tập 30, trang 21c15; Pháp Sư Ấn Thuận “Trung Quán Luận Tụng Giảng Ký” trang 276; “Cam Lộ Vị Luận” quyển thượng, Đại Chánh tập 28, trang 966a27~29; “Câu Xá Luận” quyển 18 “phẩm thứ 4 Phân Biệt Nghiệp”, Đại Chánh tập 29, trang 97a16~b6; “Ưu Bà Tắc Giới Kinh” quyển 5, Đại Chánh tập 2, trang 109a8~11.

không bị chết, thì chỉ có tội bán, không có tội sát hại.

Bởi vậy, đối với việc bố thí, trừ giá trị bản chất của vật phẩm ra, người nhận đồ vật, sử dụng được hay không cũng quan trọng. Ví như ở giữa mùa hè nóng bức, có người đem áo ấm cho người khác, không phải không có giá trị, người kia nóng bức chịu không được rồi, thì đem cho áo ấm làm chi? Cũng như đem đồ chơi điện tử cho người xuất gia vốn sống thanh đạm ít ham muốn, thì những thứ đó đối với người xuất gia có hữu dụng gì?

Có người kiên quyết muốn cho mình đồ vật, nhưng mình dùng không đến, đem cho người khác, khiến người cho không vui. Cho nên khi mình bố thí, phải vận dụng trí huệ, suy nghĩ đồ vật mình cho với người nhận có hữu dụng không?

Ngoài ra, hành vi của chúng ta cũng ảnh hưởng đến đời phương, cũng chi phối nghiệp báo nặng nhẹ. Ví như, trộm đồ của người giàu thì ảnh hưởng của sự mất mát không đáng giá; ngược lại, trộm của người nghèo thì ảnh hưởng của sự mất mát này rất lớn, cuộc sống của họ có thể không còn gì để sống. Hoặc là khi giết một người, không chỉ một người chết mà con cái, người thân hoặc người khác cũng bị ảnh hưởng. Nếu như sát hại một nhà từ thiện lớn, thì người được sự giúp đỡ của người này, bị

ảnh hưởng rất nhiều.

Hành vi ảnh hưởng đối với “xã hội quần chúng” cũng rất quan trọng. Có người sáng tạo làm ra vũ khí có thể giết hại hàng loạt; hoặc khởi lên hành vi trái với phong tục hiền lương, khiến mọi người tranh nhau bắt chước, tạo thành một cảnh tượng không tốt trong xã hội. Lại như có những người xuất gia, oai nghi không có, làm người khác sanh tâm chê bai, gây ảnh hưởng tới việc đánh giá phê bình hình tượng thanh tịnh của Tăng đoàn.

9. Tánh tội, giá tội

Tánh tội là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, chủ yếu là những tội thuộc về “phạm quy đạo đức”. Đây là lập trường của nghiệp đạo thiện hay ác, bất kể thọ giới hay không thọ giới, bất luận tại gia hay xuất gia, nam nữ già trẻ, phạm điều này đều là tội ác, phải thọ quả báo.

Giá tội vốn không nhất định có tội, nhưng có thể làm chướng ngại cho việc tu hành, như uống rượu, hoặc qui phạm nội quy của Tăng đoàn, như việc ăn mặc, đi đứng.

Theo quan điểm nghiệp báo thì phạm tánh tội nghiêm trọng hơn giá tội.

10. Sám hối

Sau khi tạo ác nghiệp, khiến ý nghĩ về nghiệp ác khởi

ra liên tục, hoặc là lập tức sám hối, quả báo này cũng có ảnh hưởng lớn. Có người phạm tội rồi trốn đông trốn tây; có người lập tức ra đầu thú, thành thật hối lỗi. Cũng như đồ bị hôi, càng gói kín lại thì lâu ngày càng hôi thối. Ngược lại, nếu đem đi rửa, phơi nắng, thì sẽ khô sạch không còn mùi. Vậy phát lồ sám hối thì tội ác tiêu, tâm hướng thiện nhanh.

Cũng là việc sám hối, nhưng có thành tâm hay không, hay là chỉ làm theo hình thức, có quyết tâm phát nguyện từ nay về sau không phạm tội trọng không? Hiệu quả này cũng không giống nhau.

Trong Kinh thường đưa ra 3 phương pháp sám hối: tác pháp sám, thủ tướng sám và vô sanh sám.

A. Tác pháp sám

Căn cứ theo giới luật Phật quy định, tự phát lồ sám hối tội lỗi của mình, gọi là “tác pháp sám”. Như Tỳ-kheo phạm tội nhẹ, nên hướng trước một vị Tỳ-kheo khác sám hối; tội nặng hơn thì hướng trước ba vị Tỳ-kheo, cho đến hai mươi vị Tỳ-kheo thanh tịnh để phát lồ sám hối. Sau khi làm pháp sám hối xong, người đó được thân tâm thanh tịnh, và người khác không được nhắc lại lỗi lầm này, nếu ai nhắc thì phạm giới. Làm được như vậy thì Tăng đoàn sẽ hoà hợp hết sức lý tưởng!

Tuy nói tác pháp sám có thể được thanh tịnh, nhưng trong “Đại Trí Độ Luận” có một đoạn cần lưu ý: “Tỳ-kheo giết súc sanh, tuy đã khắc phục sám hối, nhưng tội báo vẫn không tiêu trừ”²³. Đối với giới luật Tỳ-kheo, cố ý giết người phải trục xuất ra khỏi Tăng đoàn; giết súc sanh tuy không nghiêm trọng như giết người, nếu hành tác pháp sám hối thì vẫn còn thân phận của vị Tỳ-kheo, vẫn có thể ở trong Tăng đoàn; nhưng theo quan niệm nghiệp báo, tội giết hại chúng sanh, đời sau vẫn phải thọ quả báo.

B. Thủ tướng sám

Ngày đêm đối trước Phật tượng Kinh, thành kính lễ bái sám hối, đến lúc thấy Phật phóng hào quang, hoặc mộng thấy Phật, thấy tướng tốt của Phật, tức được thanh tịnh. Có những tội nặng, nhưng trong thời mật pháp tìm ra hai mươi vị Tỳ-kheo thanh tịnh không đơn giản. Do nhân duyên không đầy đủ đó, đành phải trước Phật thực hiện thủ tướng sám hối. Phương pháp này tương ứng với thiền định, thật không dễ làm được.

C. Vô sanh sám

“Vô sanh sám” người đạt đến mức thể hội được các pháp vô sanh vô diệt, hiểu được bản chất Không của tâm

²³ “Đại Trí Độ Luận” quyển 46, Đại Chánh tập 25, trang 395c.

tánh, tội phước không có hình tướng, tất cả pháp đều Không tịch vắng lặng, cho đến tánh tội, thì tội nặng nhưng thọ báo nhẹ, thậm chí tội không hiện hành. Ở đây nói “Không” không phải là không có nghiệp báo, mà từ nghiệp sanh ra quả báo là pháp tùy thuộc vào nhân duyên sanh, các pháp từ nhân duyên sanh, các pháp từ nhân duyên diệt. Sau khi phạm tội rồi mới ăn năn hối lỗi thì chẳng có ích lợi, sám hối thống thiết thành khẩn, tinh tấn tu hành, thể ngộ vô ngã tánh Không mới là quan trọng.

Ba phương pháp sám hối nói trên, trong đó “tác pháp sám” liên quan với “giới luật”; “thủ tướng sám” liên quan với “thiền định”; “vô pháp sám” liên quan với “trí huệ”.

Vậy ta có thể nói, chẳng phải sám hối là ác báo nhất định không hiện ra, phải xem tội phạm thuộc về tánh tội hay giá tội; sám hối hình thức, hay chân thành; dùng phương pháp nào sám hối, tác pháp sám, thủ tướng sám hay vô sanh sám; có liên quan với giới, định, huệ không, hiệu quả của những phương pháp này có sự khác nhau rất lớn.

XI. Kết luận

Yếu tố gây ra nghiệp báo rất nhiều, trong đó tâm niệm là một trong những yếu tố quan trọng và phức tạp nhất.

Đối với việc bố thí, thường nghĩ đến: nếu gieo trồng

“ruộng phước” nhiều thì phước đức càng dày. Nhưng trừ “ruộng phước” ra sự quan trọng là “tâm niệm”! Sự khác biệt của tâm niệm có lúc vượt qua cả sự lớn nhỏ của phước điền. Ở đây nêu ra ví dụ để thấy rõ hơn, một ngày nọ Ngài Xá-lợi-phất bưng com cúng dường Đức Phật, Đức Phật đem một phần cho chó ăn, Phật hỏi Xá-lợi-phất rằng: “Công đức cúng com cho Phật lớn, hay công đức ta đem com cho con chó lớn?” Xá-lợi-phất trả lời: “Căn cứ theo sự hiểu biết của đệ tử, thì công đức Phật bố thí com cho chó lớn”. Đức Phật nói: “Ông nói đúng”²⁴!

Do vậy, “phước điền” chỉ là một nhân tố mà thôi, nhưng yếu tố ảnh hưởng để tạo ra nghiệp báo rất nhiều, như bố thí thì phải có: phẩm chất số lượng của vật thí; phương thức bố thí, người thọ bố thí có ích lợi hay không v.v... điều quan trọng vẫn là “tâm niệm” bố thí. Nếu với niệm thiện thanh tịnh, phát tâm không cầu trả ơn, áp ủ lòng từ bi, thái độ khiêm tốn, cúng kính mà bố thí, hơn nữa sau khi bố thí không sanh tâm hối hận, khiến niệm thiện và tâm hoan hỷ liên tục tăng trưởng, bố thí liên tục không gián đoạn, thì phước đức bố thí tăng trưởng rộng rãi không ngừng. Tiến thêm bước nữa, lúc bố thí, không những xả bỏ tài vật, lại có thể xả bỏ phiền não tâm tham,

²⁴ “Đại Trí Độ Luận” quyển 32, Đại Chánh 25, trang 301b2~12.

thâm nhập trí huệ vô ngã, chuyển hữu lậu thành vô lậu, chuyển hữu tướng của phước đức hồi hướng vô thượng Bồ-đề, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, ở đây có liên quan với “Tâm” mà cũng gọi là “khéo léo vận dụng, ở cái tâm này”!

**THIÊN THỨ' HAI
BỒ-TÁT CHÁNH
HẠNH**

BỒ-TÁT ĐỒNG HỌC

Giảng tại giảng đường Huệ Nhật

trong ngày pháp hội Dược Sư 14/11/2009

Thông thường cùng học một trường thì gọi nhau là “đồng học” (bạn học), và trong sách vở Phật giáo cũng có nói đến từ “Bồ-tát đồng học”. Như “Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật”¹, có lần A-nan thỉnh vấn Đức Phật: “Các vị Bồ-tát cùng ở chung với nhau phải nên như thế nào?” Đức Phật bảo A-nan: “Các vị Bồ-tát ở chung với nhau nên cung kính đối phương như cung kính Phật”. Không nên nhìn bằng đôi mắt phân biệt hơn thua, phải xem họ như Đức Phật, và họ cũng xem mình như Đức Phật, cùng cung kính lẫn nhau. Bồ-tát phải suy nghĩ, chúng ta có nhân duyên cùng nhau tu tập, hoặc thành vợ chồng, cha con v.v...; cũng có thể là bạn đồng tu, hoặc là huynh đệ, thầy trò v.v... Tất cả đều có nhân duyên với nhau. Mọi người cùng sống chung với chúng ta, những vị Bồ-tát này đều là bạn tốt của ta. Chúng ta cùng đi trên một chiếc

¹ “Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật” quyển 19, ‘phẩm Ma Sầu thứ 62’, Đại Chánh tập 8, trang 356 c29~357a7.

A-nan thưa Đức Phật: “Bach đức Thế Tôn! Bồ-tát với Bồ-tát cộng trú thì nên xem nhau như Thế Tôn. Tại vì sao? Vì

Đức Phật bảo A-nan: “Bồ tát với Bồ tát cộng trú thì nên xem nhau như Thế Tôn. Tại vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát nên nghĩ rằng: “Đó là bạn thật của ta, đi chung một con thuyền. Họ học ta cũng học bổ thí ba-la-mật cho đến nhất thiết chủng trí. Nếu Bồ-tát tạt hạnh, lia tâm nhất thiết trí, ta không nên học như vậy. Nếu Bồ-tát không có tạt hạnh, không lia tâm nhất thiết trí, ta nên học như vậy. Bồ-tát học như vậy, là bạn học.

thuyền, mọi người cùng học tập lẫn nhau.

Và nội dung để chúng ta cần phải học là gì? Chúng ta phải học lục độ vạn hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ ba-la-mật, cho đến nhất thiết chủng trí của Đức Phật. Nếu Bồ-tát tu tập “tạp hạnh”, tức là có lúc tu lục độ, có lúc tu ác hạnh, thì họ đã xa lìa tâm bồ-đề Đại thừa, thì mình không nên cùng với người đó tu học. Cho nên “bạn học” là nên học điều hay tốt của họ; còn những điều không tốt, chúng ta không nên học. Nếu học những điều không tốt thì không thể gọi là đồng học. Ngược lại Bồ-tát không tu tập tạp hạnh, không rời bỏ tâm bồ-đề Đại thừa, thì chúng ta nên học với họ. Bồ-tát Đại sỹ có thể học đầy đủ như thế, thì gọi là bạn học Bồ-tát. Như trong “Luận Đại Trí Độ” quyển 77 ‘phẩm Đồng Học thứ 62’ nói:

(A-nan) thưa Đức Phật: “Bồ-tát cùng ở chung nên như thế nào? Dem tâm cung kính như thế nào?” Đức Phật dạy: “Bồ-tát nên cung kính cúng dường, xem nhau như Phật” vì họ là Phật vị lai. Sau đó Đức Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát ở chung nên nghĩ rằng: “Đây là bạn chơn thật của ta, cùng đến Phật đạo, cùng đi trên một con thuyền. Thuyền là sáu Ba-la-mật; ba cõi và ba lậu là nước; bờ kia là Phật đạo. Điều người kia học ta cũng nên

học, đó là sáu Ba-la-mật, đồng giới, đồng kiến, đồng đạo. Như anh em một nhà, không nên đấu nhau; ta và họ là anh em đồng pháp, không nên tranh nhau. Nếu Bồ-tát kia tu tạt hạnh, lìa tâm nhất thiết trí, ta không nên học như vậy. Tại vì sao? Vì việc tốt nên học theo, việc xấu nên bỏ”². Bồ-tát nếu học được như vậy, thì việc khinh mạn, sân hận chấm dứt; mới gọi là Bồ-tát bạn học.

Nếu như Bồ-tát cùng ở chung, nên đem tâm cung kính như thế nào? Đức Phật dạy: “Cung kính cúng dường, xem nhau như Phật”. Chúng ta cung kính cúng dường họ, xem như Đức Phật, vì trong tương lai họ sẽ thành Phật. “Sau đó Đức Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát ở chung nên nghĩ rằng: đây là bạn chơn thật của ta, cùng đến Phật đạo, cùng đi trên một con thuyền”. Đức Phật dạy các vị Bồ-tát cùng ở chung nên nghĩ: Bồ-tát là bạn lành chơn thật của ta, cùng mục đích chứng đắc đạo quả bồ-đề thành Phật. Nên hiện tại chúng ta cùng nhau tu học, đi trên một chiếc thuyền. Vì thuyền này là thuyền pháp, chiếc thuyền “lục ba-la-mật”. Lúc chúng ta cùng nhau chèo thuyền, tuyệt đối đừng để cho người khác cố sức một mình, còn cá nhân lại đứng bên cạnh hóng mát, chỉ biết hô hào: “Cố lên! Cố lên! ...” Đâu phải chỉ dùng sức

² Đại Chánh tập 25, trang 604b20~c1.

hồ hào thôi đã đủ. Chúng ta không nên hóng mát một mình, mà phải cùng nhau chèo lái. Và cũng không thể mọi người chèo về phía trước còn mình lại chèo về phía sau, hoặc đục lỗ, làm thuyền thấm nước, điều này đâu có được, đúng không? Chúng ta phải đồng cam cộng khổ.

Chúng ta cùng nhau ngồi trên chiếc thuyền pháp này, mục tiêu là bờ giải thoát thành Phật, vượt qua dòng sông, biển lớn “ba cõi và ba lậu là nước”. Ba cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới, và các loại dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, những phiền não này chúng ta cần phải khắc phục vượt qua. Từ bờ này đến bờ kia, “bờ kia là Phật đạo”, mà chúng ta phải tu học là lục ba-la-mật, “đồng giới, đồng kiến, đồng đạo”. Trong “Phật Pháp Khái Luận”³ Ngài Ấn Thuận có nhắc đến lục hòa kính. Lục hòa kính là trên sự hiểu biết nhận thức, chúng ta phải “kiến hòa đồng giải”, quan điểm của mỗi người đều nhất trí. Không nên khởi tâm phân biệt pháp môn của tôi tu học mới là tốt nhất, pháp môn của bạn là tà thuyết dị đoan, hoặc pháp môn của bạn không hay, không cứu cánh, kỳ thật mọi người

³ Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Phật Pháp Khái Luận”, trang 21-23: Chánh pháp cứu trụ, cần phải có người tu hành thật chứng, người tín ngưỡng rộng sâu, đây là điều phải nương vào Tăng đoàn thanh tịnh hòa hợp an lạc mới thực hiện được. Tăng đoàn kiện toàn hài hòa, là do sự hòa hợp làm cơ sở. Y cứ vào luật chế mà chư Tăng hòa hợp, đức Thích Tôn từng nói đến cương lĩnh, đó chính là lục hòa kính. Trong lục hòa kính, “kiến hòa đồng giải”, “giới hòa đồng hành”, “lợi hòa đồng quân”, là bản chất của hòa hợp; “ý hòa đồng duyệt”, “thân hòa đồng trú”, “ngữ hòa vô tranh”, là biểu hiện của hòa hợp.

nên kiến lập một quan niệm chính xác. Về hành vi thì phải “giới hòa đồng tu”, tức mọi cùng nhau tuân thủ giới luật, không có chuyện ngoại lệ. Trên vấn đề kinh tế, phải “lợi hòa đồng quân”, mọi người cùng nhau chia sẻ, không thể so đo phần bạn nhiều, phần tôi ít. Những điều vừa nêu trên là bản chất của sự hòa hợp. Biểu hiện ở thân khẩu ý, thì phải “ý hòa đồng duyệt”, trong lòng thường vui vẻ, không nên luôn luôn khởi tâm sân hận, bất mãn. “Thân hòa đồng trú”, mọi người phải cùng sống chung với nhau, không nên vì một tí giận hờn mà tự mình bỏ ra ở riêng. Nếu như bạn ở riêng, người khác cũng như vậy, mọi người đều ở riêng, kết quả là mọi người không thể sống hòa hợp với nhau, như thế thật không tốt. Trên vấn đề ngôn ngữ, mọi người phải “ngữ hòa vô tranh”, vô cùng hòa thuận, không cãi vã nhau. Đó là biểu hiện của sự hòa hợp.

“Như anh em một nhà, không nên đấu nhau”, đã là anh em trong nhà, không nên đấu đá lẫn nhau, huống chi chúng ta là huynh đệ cùng tu, thì càng không nên tranh chấp lẫn nhau. “Vì việc tốt nên học theo, việc xấu nên bỏ”, điều tốt cùng học với họ; điều xấu, chúng ta nên uyển chuyển khéo léo khuyên họ. Nếu như Bồ-tát có thể học với tinh thần như thế, đôi bên cùng học tập lẫn nhau, những việc như khinh mạn, sân hận tất cả đều trừ sạch,

đây gọi là Bồ-tát bạn học.

Xin hỏi các vị Bồ-tát bạn học, tâm sân hận, tâm khinh mạn của chúng ta đã được trừ sạch rồi chưa? Nếu như vẫn còn, chúng ta phải cố gắng nhiều hơn nữa.

PHƯƠNG PHÁP TU NHÃN NHỤC

Giảng tại viện nghiên cứu Công Thương

ngày 27/11/2003

Mọi người thật tinh tấn, tranh thủ thời gian nghỉ trưa để trao đổi Phật pháp. Và hôm nay, chúng ta cùng nhau thảo luận về chủ đề, liên quan cách khắc phục việc không vừa ý mà chúng ta thường gặp phải trong cuộc sống, hay dẫn đến tâm lý kích động thiếu làm chủ được, đó chính là “phương pháp tu nhẫn nhục”

Bồ-tát hạnh có rất nhiều loại, nhưng chung quy là lục độ, tức sáu loại Ba-la-mật, đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, mà nhẫn nhục thuộc một trong điều trên. Cho nên, nhẫn nhục là một pháp môn tu hành rất quan trọng của Bồ-tát.

Nếu như có người làm trái ý chúng ta, khiến mình cảm thấy bị sỉ nhục, điều này nên hóa giải như thế nào, do vậy hôm nay tôi trích tư liệu từ “Đại Trí Độ Luận” của Bồ-tát Long Thọ, trong đó có nêu ra 25 loại phương pháp, vì để thích ứng cho chúng sanh có căn tánh không đồng mà chọn lựa phương pháp phù hợp với bản thân họ. Ví như “trò xiếc ai cũng có cách biến hóa riêng, và kỹ xảo của mỗi người lại khác nhau”, nghĩa là không nhất định mỗi loại pháp môn đều thích hợp với chúng ta, nhưng chỉ cần

trong đó có một pháp môn giúp ta tự mình hóa giải, thì đã đủ giá trị. Có lúc phải tùy theo trường hợp mà dùng các phương pháp không giống nhau. Đó chỉ là cách hướng dẫn, còn vận dụng như thế nào để từ điều này hiểu ra nhiều điều khác, thì phải xem sự nỗ lực của chính bản thân chúng ta.

Ý nghĩa chữ “Nhãn” trong Phật giáo, tôi sẽ phân tích từ nhiều góc độ. Sau đó mới nói đến những nguyên nhân hoặc tình huống nào khiến chúng ta không thể nhãn được? Bởi vì “người cột dây phải tự mở”, sau khi chúng ta biết rõ nguyên nhân và nguồn gốc làm kích động tinh thần ta, thì có thể tìm ra phương pháp đối trị. Cuối cùng, nói đến việc nếu như chúng ta không tu nhãn, thì sẽ có những hậu quả, những sai lầm gì? Và phương pháp đối trị như thế nào? Tôi sẽ cùng quý vị thảo luận các phương diện đó.

I. Ý nghĩa của “Nhãn”¹

Vì nhiếp hộ chúng sanh, Bồ-tát tu nhãn độ.

Nại oán an nhãn khổ, và để sát pháp nhãn.

Hạnh của Bồ-tát là vì mục đích thành tựu Phật đạo. Thành Phật nhất định phải nhiếp hóa chúng sanh, hộ niệm chúng sanh; tu tập bố thí để nhiếp hóa chúng sanh,

¹ Đoạn văn trích trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 295-297 của Đại sư Ấn Thuận.

trì tịnh giới để hộ niệm chúng sanh, đem đến lợi ích cho chúng sanh, như vậy sau đó mới thành Phật. Nhưng chúng sanh lại ngu muội, nhận sự bố thí không biết cảm ơn, ngược lại thù oán gây tổn hại; trì giới hộ niệm vì chúng sanh, nhưng ngược lại chúng sanh gây nhiễu loạn. Nếu như không thể kiên nhẫn, công đức của bố thí và trì giới đều sẽ vì đó mà tổn hoại. Thế gian còn phải “vì đất nước mà cùng nhau khắc chế nhẫn nhịn”, “việc nhỏ không nhẫn được thì sẽ khó thành tựu việc lớn”, hướng chi ở trong ngàn kiếp sanh tử vì việc lớn nhất là độ chúng sanh và thành Phật đạo, thì có ai chẳng tu nhẫn mà thành tựu đâu! Cho nên Bồ-tát không tu nhẫn thì không được, mà nhẫn là một trong các hạnh lớn của Bồ-tát.

Trước tiên, chúng ta nghĩ đến những việc hằng ngày trong cuộc sống, phạm vi của “nhẫn” bao gồm những gì. Ví dụ, có một số người nhìn thấy những đồ vật tốt, hoặc những đồ vật mà mình thích, không nghĩ hậu quả, rút tiền trong thẻ ngân hàng trả trước rồi tính sau, đến ngày nào đó phải bù tiền thẻ lại thì nhận lấy hậu quả khổ đau.

Phạm vi của “nhẫn”, ngoài những việc như bị trái nghịch, hà khắc, không cần lý lẽ, khiến chúng ta cảm thấy khôn khổ, khó chịu, cần phải nhẫn; mà còn phải đối với những đồ vật tốt, đẹp cho đến có người vô cùng cung

kính chúng ta, đối với chúng ta rất tốt, có lúc vì thế tâm chúng ta không còn được an nhiên tự tại, khởi lên sự tham nhiễm, điều này cũng cần phải nhẫn. Như trong “Con Đường Thành Phật” của Đại sư Ấn Thuận có dạy: “Nhẫn là nhẫn nại, nhẫn nhục, đó là quan trọng nhất trong “nhẫn”. Nhẫn là ý chí kiên cường, vượt qua được sự đả kích, chịu đựng được sự khó khăn, trắc trở gian khổ, giữ vững lập trường, không chịu sự ảnh hưởng bên ngoài mà thay đổi phương hướng, hoặc gây ra tội lỗi”

Cho nên, chữ “Nhẫn” trong Phật giáo có thể chia thành ba loại lớn:

1. Nhẫn chịu sự oán hại

Như có người oán thù đến làm tổn hại, dùng dao gậy đánh đập, hoặc đem lời xấu ác phỉ báng, gây tổn hại danh dự, lợi dưỡng. Như thế khiến cho nhiều người rất khó nhẫn chịu, nhưng Bồ-tát nên tu an nhẫn: thương xót người làm tổn hại mình, nhận biết rằng người ấy vì phiền não bức bách, hay bị thế lực xấu lợi dụng thúc dục; nên nhẫn chịu sự tổn hại của oán thù mà không khởi tâm sân, không nghĩ đến việc trả thù.

Lấy ví dụ câu chuyện ông Tiên tu hạnh nhẫn nhục mà chúng ta thường nghe, xưa kia đức Thế Tôn tu hạnh Bồ-tát, từng là ông Tiên tu hành nhẫn nhục. Khi vị Tiên

đó ở trong rừng sâu tu hành, có lần nhà vua dẫn các cung nữ vào rừng du ngoạn, nhân lúc nhà vua nghỉ trưa, toàn bộ cung nữ đều tìm đến nơi ông, nhà vua thức dậy vô cùng tức giận, cho rằng ông không giữ phạm hạnh, dụ dỗ cung nữ, nên chặt đứt tay chân của ông, nhưng ông không hề khởi tâm sân giận.

Cách đây 2500 năm, Đức Thế Tôn cũng đã chịu đựng qua biết bao nhiêu sự gian khổ. Lúc giòng tộc Thích-ca sắp bị hủy diệt, đối diện trước nạn nước mất nhà tan, Ngài vượt qua như thế nào? Thế Tôn đã biết trước việc này, nhưng không dùng phương pháp kháng cự, Ngài ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây trơ trọi lá, dùng đức hạnh để cảm hóa quân địch. Ngoài ra, đệ tử của Ngài là Đề-bà-đạt-đa, cũng chính em họ Ngài, một người rất thân cận, sau lại phản bội, muốn hại Ngài. Cho đến, có lần người nữ Bà-la-môn giả dạng có thai để hủy báng Thế Tôn. Những việc tương tự như thế, đều làm cho tâm con người có sự kích động mạnh, đây là thuộc loại “nhân chịu sự oán hại”.

2. An thọ khổ nhân

Khổ có rất nhiều loại, có những nỗi khổ do từ những vật vô tình bên ngoài mang đến, như gió mưa, nóng lạnh v.v... có thứ khổ do những vật hữu tình đưa đến, như rắn,

bò cạp, muỗi, chí rận v.v... Ngoài ra, cũng có thứ khổ do chính tự thân mình đem đến, như là đi tu, khát thực, giáo hóa, tu hành, cũng đều mang lại khổ đau. Những điều này cần phải mài luyện ý chí, an tâm nhẫn chịu; nhẫn không được, thì sẽ phát khởi phiền não, tội ác, làm chướng ngại sự tu hành của bản thân.

“Nại oán hại khổ” là chỉ đối với vô số những sự trái nghịch mà chúng ta phải nhẫn, “an thọ nhẫn khổ”, là chỉ một số hiện tượng tự nhiên phải nhẫn. Cho đến những việc chẳng phải do yếu tố con người gây ra như rắn, bò cạp, muỗi, sâu bọ v.v... từ những loài hữu tình cũng tạo cho chúng ta những sự thống khổ. Chúng ta phải rèn luyện tâm trí, an tâm nhẫn thọ.

Có câu chuyện, vào một mùa hè nóng bức, một vị lão Hòa thượng phát tâm bố thí thân mình cho muỗi đốt. Đêm đó, các đệ tử gõ chuông đánh trống vô cùng tán phục, muốn xem lão Hòa thượng làm cách nào thực hiện điều này. Kết quả, lão Hòa thượng cởi áo, cho muỗi đốt lưng mình, trong lúc đệ tử ca ngợi không ngớt, đột nhiên nghe “bốp” một tiếng, thì ra lão Hòa thượng đập nát bét con muỗi. Các đệ tử cảm thấy ngạc nhiên hỏi: “Lão Hòa thượng! Chẳng phải Ngài muốn bố thí cho muỗi đốt sao? Lão hòa thượng trả lời: “Con muỗi này thật đáng ghét,

mới vừa dứt xong, bây giờ lại đến tiếp”. Cho nên, sự tu nhân nhục của chúng ta phải lâu dài, bền bỉ, mới có thể thấy được kết quả.

Ngoài ra, đức Thế Tôn trước khi thành đạo đã từng tu qua sáu năm khổ hạnh, cổ đức Trung Quốc có viết một bài thơ ca ngợi mà tôi rất thích:

*Xương tợ cây khô tâm băng giá,
Sáu năm đói rét khổ hằng sa,
Ai biết tinh mơ sao mai mọc,
Ngộ đắc lý chơn mỉm cười ra.*

Không biết các vị đã đến Ấn Độ, hay nhìn thấy tượng Phật Ấn Độ chưa? Toàn thân Thế Tôn chỉ da bọc xương, ngực ép sát lưng, hầu như không còn chút thịt. Ngài tu khổ hạnh, tròn sáu năm, một ngày chỉ ăn một hạt mè và một hạt gạo. Sau đó Ngài từ bỏ tu khổ hạnh, thọ nhận bát sữa của người con gái chăn dê cúng dường, khôi phục lại thể lực, trong đêm dưới gốc cây Bồ-đề lúc sao mai mọc Ngài ngộ đạo, cuối cùng thì khổ đau đã hết niềm vui mang đến. Cho nên, nếu như Thế Tôn sớm từ bỏ con đường tầm đạo, không nhẫn nại đến cùng, thì không thể thành tựu Phật quả.

3. Đế sát pháp nhãn

Pháp là Phật pháp, nghiên cứu tường tận thấu hiểu Phật pháp, ý nghĩa của nhĩn là tâm an định nhập vào thể ngộ chơn lý. Nếu như chỉ thoáng qua như cái bóng, tâm không thể thâm nhập được, thì không thể lĩnh hội được lợi ích sâu rộng của giáo pháp.

Đề tức là chân lý. Chữ “nhĩn” ở phần này không giống với chữ “nhĩn” ở phần trên. Chữ nhĩn ở hai phần trên chủ yếu chỉ ra sự tội luyện của tình cảm và ý chí; phần này chỉ ra một loại thể nhận thâm sâu, phải dựa vào cái nhìn trí tuệ và tri kiến chính xác, cải đổi những quan niệm sai lầm, hoặc thay đổi tư tưởng không tốt. Hai phần trên muốn trong vấn đề tình cảm có chút thăng hoa, hoặc kiên nhĩn rèn luyện ý chí, về mặt tinh thần có thể đem sự thô lỗ chuyển đổi thành nhu hòa, cho đến biến nó thành những thói quen tốt. Do đó có thể biết: “nhĩn” gồm có ý chí, tình cảm, nhận thức và sự hiểu biết, cho nên thường thường một quan niệm thay đổi, thì tất cả đều có sự chuyển đổi mới.

Tôi nhớ đến câu chuyện Hàn Bá Du trong “Hán Thư”, người mẹ thường dùng roi đánh Hàn Bá Du, ông đều âm thầm nhĩn chịu. Cho đến một hôm, lúc mẹ đánh ông, đột nhiên ông bật khóc thật to. Mẹ ông cảm thấy rất kỳ lạ: “hay là Bá Du không thể tiếp tục chịu đựng được nữa”?

Sự thật thì hoàn toàn ngược lại, ông khóc vì trước kia mẹ ông đánh rất đau rất mạnh, điều đó biểu hiện mẹ còn khỏe mạnh; nhưng bây giờ, mẹ đánh không còn lực nữa, có nghĩa là mẹ đã già rồi, sẽ sống chẳng được bao lâu, vì thế ông đau lòng. Câu chuyện “Bá Du khóc vì đòn roi” nổi tiếng từ đó.

Chúng ta làm cách nào để chuyển hóa sự kích động của tinh thần, có thể điều chỉnh từ quan niệm, hay thăng hoa từ tình cảm, như tình cảm kính ái đối với mẹ, làm chúng ta vượt qua được nỗi đau thân xác.

Ngoài ra, có câu chuyện ở Nhật Bản. Nơi thôn quê vô cùng nghèo khổ nọ, có một phong tục rất tàn nhẫn, họ đem những người già yếu bỏ ở nơi không có người, để cho họ từ từ chết đi. Vào ngày kia, một người thanh niên chuẩn bị kéo xe đưa người mẹ già của mình bỏ vào rừng sâu, nhưng trên đường đi phải băng qua những rừng cây nhỏ, thì anh ta luôn nghe tiếng mẹ mình bẻ cành cây. Anh ta nghĩ: “Có phải mẹ bẻ cây làm dấu bên đường đi, để sau khi mình bỏ lại, bà ấy biết đường về nhà? Nếu là như vậy, mình sẽ đẩy bà ấy đi càng xa hơn nữa, cho khỏi biết đường về nhà”! Kết quả, anh ta vô tình bị lạc giữa đường. Trước khi anh ta bỏ mẹ mình, anh ta tàn nhẫn nói với mẹ: “Bà già à! Chúng ta chia tay ở đây!” Người mẹ nhìn núp

ruột mình sinh ra nói: “Con à! Mẹ làm khổ con rồi, mẹ sợ con không biết đường về nhà, nên dọc theo hai bên đường mẹ có bẻ cây làm dấu cho con, con men theo đó để đi”! Phải thăng hoa tình cảm như thế, hoặc thay đổi quan niệm nhận thức, thường có thể hóa giải được những sự thiếu quân bình trong lòng chúng ta.

Ý nghĩa của “nhãn”, đã bao quát phương diện tình cảm và phương diện nhận thức, chúng ta thử suy nghĩ xem những chuyện như thế nào khiến tình cảm mình đổi thay? Có một loại là chúng ta khởi lòng tham đối với vật chất bên ngoài, như gặp phải những món hàng hóa nổi tiếng thì đặt biệt mong muốn; ngoài ra đối với mọi người, chúng ta yêu cầu hơi hà khắc, như cấp trên đối với cấp dưới yêu cầu quá cao, hoặc cấp dưới đối với cấp trên quá nhiều hy vọng và lý tưởng hóa, muốn tìm một cấp trên thân thiện hòa nhã và dễ thương lượng hòa đồng; có người đối với bạn bè thì rất tốt, nhưng người thân thì không có lòng bao dung thông cảm. Hơn nữa, lại đòi hỏi sự hoàn mỹ cao tạo ra rất nhiều sự khó khăn.

Có người không đành lòng nhìn chúng sanh chịu khổ, nghe nói có lần tổng thống Mỹ Abraham Lincoln (1809~1865) trên đường đi tham dự hội nghị, nhìn thấy một con heo bị rớt dưới đầm lầy, nhưng vì phải đến nơi

gấp nên ông vẫn cứ cho xe chạy, nhưng trong lòng cảm thấy khó chịu, ông đành phải quay lại đưa chú heo may mắn lên bờ rồi tiếp tục hành trình. Đó là biểu hiện lòng từ bi thương xót với chúng sanh.

Ngoài ra, còn sự va chạm với người có tính tình nóng nảy hấp tấp, cũng sẽ tạo cho tinh thần dao động. Loại nóng vội này thì trong thường ngày phải hình thành thói quen khoan hồng độ lượng, mới tạo ra được một không gian êm dịu, nếu không khi gặp phải tình huống đột xuất bất ngờ, tính tình rất dễ dàng bộc phát ra ngoài. Muốn khắc phục vấn đề này, tự mình phải lưu ý nhiều! Có câu chuyện, một cô gái mới tập lái xe, kỹ thuật còn yếu, khi đi đến đoạn đường hẻm nhỏ, đột nhiên xe tắt máy. Không may mắn là sau lưng có một chiếc tắc-xi đang đến, chú tài xế cứ bám còi thật to. Cô gái càng căng thẳng càng không thể nào khởi động máy được, tài xế xe tắc-xi chạy đến trách la, trong đầu cô gái vụt sáng lên một ý nghĩ, cô bảo bác tài xế: “Bác ơi! Bác đến giúp tôi khởi động xe, tôi sẽ giúp bác bám còi!” Bởi vì cứ đứng đó bám còi cũng chẳng được gì. Do đó, sau khi trí não chúng ta chuyển biến linh hoạt, thì có thể hóa giải được rất nhiều vấn đề khó khăn.

Từ đó hiểu được: làm cho tinh thần của chúng ta dao

động, một là do sự chấp trước đối với vật bên ngoài, hai là do cá nhân yêu cầu đối với con người (không luận đối với chính mình hay đối với chúng sanh).

Đức Thế Tôn có trí tuệ vô cùng, Ngài dạy: “Nguyên nhân nào đưa đến các loại tham trước và sự kích động tinh thần? Truy tìm cội gốc là do không hiểu rõ vô thường, vô ngã”.

Chúng ta phải quán chiếu “các hành vô thường”, “hành” tức là tất cả các pháp hữu vi, nếu như thấu hiểu triệt để điều đó, sẽ giảm đi rất nhiều những sự chấp trước đối với thế giới bên ngoài, mà nguồn gốc của sự sai lầm là ở “chấp ngã” - sự chấp trước của mình, phía sau sự chấp trước của mình, thì có “ngã sở” - tất cả những gì mà ta có, hoặc là chỗ chúng ta nương vào - như tài sản của tôi, danh dự của tôi, người thân của tôi, thân thể của tôi, cho đến sinh mệnh của tôi v.v... những thứ ngoại vật này cho đến bạn bè thân thích v.v... Bởi vì mình chấp “ngã”, mà mình đối với các thứ “ngã sở” này kết hợp rất mật thiết, do đó chỉ cần động đến một tí bên ngoài cũng sẽ động đến mình. Như khi xảy ra sự thay đổi, vốn dĩ là của mình, sau này biến thành của người khác, hoặc từ tốt biến thành xấu, thì sẽ tạo thành sự biến động. Nếu như chấp trước càng ít, thì càng an nhiên, sự kích động tinh thần càng ít.

Khi tôi học đại học, lúc đó chưa xuất gia, có một lần gội đầu xong tôi muốn xấy cho khô tóc, máy xấy tóc để ở trong tủ com-mốt nhỏ, đặt sâu bên trong, tôi kéo nhẹ không ra được, cho nên tôi phải dùng lực, không ngờ cả ngăn tủ rơi xuống, làm cho cái bình gốm kỷ niệm mà người ta tặng cho bạn tôi rơi bể. Trong lòng tôi rất lo lắng, nhưng cũng không có nơi nào có thể mua được cái bình giống như vậy để trả lại, cuối cùng đành phải thành thật xin lỗi với bạn. Bạn tôi nói: “Không nên ray rức làm gì! Phàm việc gì cũng có thành tựu hoặc không, sớm muộn gì cũng phải bể, bạn không nên bận tâm về chuyện đó”! Cho nên, chính mình đang chấp trước, áp ủ những gì, đối với vô thường có chỉ cần hiểu rõ được, thì có thể giảm nhẹ được rất nhiều sự kích động tinh thần. Giống như trước kia các vị hoàng đế từng có biết bao nhiêu lý tưởng, nhưng bây giờ chỉ là một đồng xương tàn mà thôi, danh tiếng các vị đế vương đến bây giờ của chúng ta có thể biết được, kỳ thật chẳng có mấy người.

Ngoài ra, chỉ cần thể nghiệm được “các pháp vô ngã”. Như Đức Thích Tôn đem tất cả nguồn gốc của phiền não đều quy về “chấp ngã”, mà sự khác nhau giữa phàm phu và thánh nhân là có phá ngã chấp hay không. Đối với người thường, thì quan niệm về thương và hận hoàn toàn đối lập, tương phản nhau; nhưng với Đức Phật, thì nguồn

gốc của thương và hận là có sự sai lầm giống nhau, khác ở chỗ phương thức biểu hiện mà thôi. Nếu có thể từ cội nguồn mà tìm cách giải quyết, dựa vào sự hiểu biết, trí tuệ hiểu rõ vô ngã, vô thường, thì có thể chuyển được rất nhiều sự biến động về mặt tinh thần, tình cảm.

II. Năm lỗi của sân nhuế và năm đức của tu nhẫn²

Mọi người ưa thích vật gì, khi chưa có thì rất muốn đạt được, sau đó lại sợ nó hư hoại, mất đi, hoặc bị người khác cướp đoạt. Cho nên, Đức Phật nói tám khổ đều do tham trước. Tham trước đối với ngoại vật mà sinh ra “cầu bất đắc khổ”; tham trước trong mối quan hệ giữa người với người, thì có “ái biệt ly khổ”; có người mới gặp đã thấy khác, gặp lại thì càng thêm đau lòng, người mà mình oán hận ngày ngày phải gặp nhau, đây là “oán tăng hội khổ”. Kỳ thật, nguồn gốc của những phiền não này là bởi vì chúng ta chấp trước ngũ uẩn, chấp trước thân tâm này đối với sự ham muốn bên ngoài, truy cầu của con người v.v... Khi chúng ta gặp phải sự hủy báng, nghịch cảnh, rất dễ dàng khởi tâm sân hận, như trong “Con Đường Thành Phật” nhắc đến năm lỗi của sân hận.

“Giận người có ích chi?”

² Đoạn văn phía dưới là trích trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 297~ 299 của Đại sư Ấn Thuận.

Hai bên thêm sầu khổ

Lửa sân thiêu căn lành

Nhẫn nhục năm đức sinh.”

Đây là nói sân giận đối với người khác, chúng ta cuối cùng cũng có được lợi gì đâu? Không những tự mình tăng thêm đau khổ, đối với người khác cũng khổ thêm chất chồng. Nếu như có thể tu nhẫn, thì sẽ có năm loại công đức.

Như không nhẫn mà giận người đó, tìm người đó trả thù, vậy cuối cùng rồi được lợi ích gì? Nên không cần phải giận.

Ví như trên lớp học tự mình muốn biểu hiện “hạc lập kê quân” (con chim hạc đứng giữa đàn gà) thì phải tự mình đứng lên, hoặc mình cao lớn một tí! Nhưng có người không làm như vậy, mà lại đê người khác xuống thấp. Nhưng đê người khác xuống thấp, chẳng lẽ mình cao hơn mọi người hay sao? Kỳ thật đâu có điều đó! Chẳng những tự mình không tiến bộ, ngược lại còn rất dễ dẫn đến sự phản kháng của người khác.

Nên biết sự thất bại của bản thân, nhất định không chỉ do sự phá hoại của người khác, chủ yếu là do bản thân chưa kiện toàn.

Phật giáo giảng dạy pháp nhân duyên, vì thế chúng ta muốn thành công, trên thực tế cần phải có đầy đủ rất nhiều nhân duyên; cùng một đạo lý như vậy, chúng ta thất bại cũng bởi vì có rất nhiều điều kiện không đầy đủ, không phải chỉ sự phá hoại của người khác mà dẫn đến thất bại, nguyên nhân chính là do bản thân không kiện toàn, đây là một nhân tố chủ yếu! Trong “Luận Đại Trí Độ” có ví dụ: “Nếu như da thịt của chúng ta không bị tổn thương, thì vi trùng không thể xâm nhập vào trong cơ thể được; lúc nào đó bản thân mình có tì vết, vi khuẩn lập tức xâm nhập. Cũng vậy, cùng một áp lực nhưng không phải đối với mỗi người đều bị sự tổn thương giống nhau, một người có sự chịu đựng rất kiên cường, là có sức đề kháng mạnh; mà người có sức đề kháng kém, chỉ cần áp lực một chút, thì tạo thành sự tổn thương gần mất mạng”.

Hay nói cách khác, chính mình mới có thể tổn hại mình. Người xưa nói “người quân tử có nỗi lo cả đời, chứ không phải sợ sự họa hoạn của một ngày đột nhiên phát sinh”. Hiện tại chịu sự tổn hại trước mắt, chịu sự oan khốc, nhưng nỗ lực cố gắng tinh tấn tu hành, thì chẳng có điều gì mà người khác không hiểu rõ và trả lại sự nguyên vẹn. Chỉ có việc tự mình không hướng thượng, đến khi chết mà đức nghiệp không thành, đó mới là nỗi lo lắng.

Chúng ta phải lo nghĩ là cuộc đời này của mình không có gì thành tựu, chứ không phải có những chuyện nhỏ nhặt trước mắt thôi đâu.

Theo Phật pháp, không nên quá quan trọng cái hoạn nạn của một ngày, hay sự oan ức, uất nhục, hi sinh của một đời, vì so với quá trình sanh tử vô tận bao kiếp, điều đó có đáng gì đâu? Nếu không hướng đến Phật đạo, mà chỉ vĩnh viễn ra vào trong sanh tử luân hồi, mới thật là bi thương! Vì vậy không nên sân giận báo thù, mà cần nhẫn chịu. Và lại, tìm kẻ địch báo thù, cũng chẳng khôi phục được sự tổn hại đã nhận. Không nhẫn mà sân hận báo thù, đương nhiên khiến cho mình và người tăng thêm rất nhiều đau khổ.

Đoạn văn này biểu hiện Phật giáo đối với quan niệm thời gian, với sự sâu rộng của ý nghĩa giáo pháp. Nếu từ góc độ của nhà Nho hoặc những người bình thường, thì luôn hy vọng cuộc đời này có thể “trả lại sự thanh bạch cho tôi”; nhưng theo Phật pháp, thì một đời chịu sự oan khuất cũng chẳng là gì cả. So với một người tu hạnh Bồ-tát lâu dài, đời này chịu oan khuất, cũng chẳng phải là chuyện gì to lớn; vấn đề quan trọng hơn, là chúng ta làm như thế nào trong quá trình hướng đến Phật đạo, có thể từng bước từng bước vững vàng hướng thượng. Cho nên,

Bồ-tát suy nghĩ rất sâu sắc, việc làm của Bồ-tát là có lúc phải xả thân để làm lợi ích cho chúng sanh.

Trong kinh Phật có câu chuyện: ngày kia một thầy Tỳ-kheo đi khát thực, đến cửa nhà người cư sĩ buôn bán châu báu, chủ nhân đáp ứng cúng dường, bảo vị này đợi ông ta vào lấy cơm. Ngay lúc ấy, viên ngọc trên bàn bị chú ngỗng bên cạnh nuốt mất. Người chủ đi ra không thấy viên ngọc, cho rằng thầy Tỳ-kheo lấy trộm, lập tức chửi đánh, buột thầy đó trả lại viên ngọc. Nếu như người khác thì sẽ nói: “không nên vu oan cho tôi, do con ngỗng nuốt”. Nhưng nếu nói như vậy, thì con ngỗng sẽ mất mạng. Thầy Tỳ-kheo này vì giữ gìn mạng sống cho con ngỗng, mà không nói ra sự thật. Con ngỗng nuốt viên ngọc rồi không lâu sau đó lìa đời, lúc này thầy Tỳ-kheo mới nói ra sự thật. Người chủ mổ bụng con ngỗng, quả thật có viên ngọc bên trong, ông biết đã hiểu lầm thầy Tỳ-kheo. Cho nên, trong suốt quá trình tu tập Bồ-tát đạo, có lúc cho đến một đời chịu oan khuất, nhẫn chịu được thật là điều rất khó.

Trả thù người đó, đương nhiên người đó chịu đau khổ, mà mình sân tâm nổi lên, dẫn đến thân tâm bất an, có lúc không để tâm đến mọi thứ, tạo thành sai lầm càng lớn, gây nên tổn hại càng lớn. Lấy oán trả oán, như vậy không

thể giải quyết được vấn đề. Cho nên nói: “*không nên lấy oán báo oán, oán nọ biết bao giờ ngừng. Nhân nhĩn thì oán dứt, đó mới là pháp của Như Lai*”. (Kinh Xuất Diệu)

“Kinh Pháp Cú” hoặc “Kinh Xuất Diệu” có nói: “không nên lấy oán báo oán, như thế không bao giờ dứt”. Nếu như không thể tu nhân nhĩn, sau khi nổi giận, nhiều lắm là cảm thấy thích thú nhất thời mà thôi, nhưng nếu việc đó dẫn đến hậu quả - oán kết giữa người với người không hóa giải được, đời này sẽ vướng víu chưa xong, không chừng đời sau lại tiếp diễn, vĩnh viễn không có ngày chấm dứt.

Tu bố thí, trì giới, thật không dễ, nhưng do một niệm không nhân, tâm sân phát khởi, toàn bộ đều bị phá hoại. Như nói: “nếu các Phật tử có tâm sân nhuế, trăm kiếp khéo tu bố thí, trì giới, có thể hư hoại trong sát-na”. Cho nên hình dung sân giận giống như ngọn lửa, có thể thiêu đốt hết tất cả công đức lành, không hạ quyết tâm tu nhân là không được! Giả sử biết được sai lầm của sân giận, công đức của sự an nhĩn, nên khảo sát thật nhiều, tự mình lấy lý trí để điều phục sân giận và phiền não. Thế thì sân nhuế có những lỗi làm gì?

Chúng ta tu bố thí, trì giới thật không dễ gì tích được một ít công đức, nếu chỉ vì một niệm không nhân, tâm

sân phát khởi, thì “liền đem một ngọn lửa vô minh, thiêu đốt mọi rừng công đức”. Mà còn, trăm kiếp tu các pháp lành bố thí, trì giới, toàn bộ đều bị mất sạch trong một sát-na. Do đó, chúng ta phải phản tỉnh: cuối cùng thì sân giận có thể giải quyết được việc gì không? Sân giận đem đến lỗi lầm gì? Ở đây chúng ta có những phương pháp khác nhau từ trong Kinh Luận quy nạp thành năm lỗi lầm:

1. Tướng mạo xấu xí

Tâm sân hận vừa khởi lên, sắc mặt lập tức biến đổi thật khó coi, có ai sau khi nổi giận trở nên dễ thương hơn không? Đương nhiên không rồi! Cho nên, tâm sân vừa khởi, toàn thân huyết mạch sôi sục, sắc mặt lập tức biến thành hình dạng xấu xí, mà còn dễ lão hóa. Nghe nói người mẹ khi sân giận, em bé bú sữa cũng ảnh hưởng sức khỏe.

2. Biện luận bất minh

Tâm sân hận khởi lên, lúc này cảm tính làm chủ lý trí, đến nỗi ý nghĩa lời nói của đối phương nghe hiểu không rõ ràng. Căng thẳng lên cao, đương nhiên mất đi khả năng biện luận, tự mình đi khiêu nại, cũng có lúc nói sai.

Vốn dĩ họ rất có tài biện luận, nhưng khi tinh thần kích động, lời nói thiếu rõ ràng, đầu óc suy nghĩ mất tinh tế.

3. Bạn hiền xa lánh

“Phàm người có tính tình nóng nảy, bộp chộp, những người bạn tốt đều vì không muốn kết oán mà xa lánh”.

Có người sau khi nổi giận, tính tình nóng nảy, không nhận ra người thân thích, để khỏi vạ lây, người bên cạnh nhìn thấy thì lập tức bỏ đi. Cho nên, nếu như người thường hay nổi giận, người bên cạnh không thích thân cận, bạn lành xa lánh.

4. Phạm giới

“Khi sân hận phát khởi, chỉ mưu tính kế hoạch đạt được mục đích báo thù, bất chấp tất cả. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, không việc ác nào mà từ bỏ”.

Có người khi tâm sân phát khởi, vì muốn đạt được mục đích báo thù mà không từ một thủ đoạn nào, những việc trái ngược đạo đức như: sát, đạo, dâm, vọng, không việc gì từ bỏ cả.

5. Đọa lạc

“Tích tập nghiệp sân hận như vậy, khi già chết đến, còn đâu quả báo lành, chỉ có đọa lạc vào đường xấu”.

Nếu như chúng ta tích tập nghiệp sân giận, tạo thành rất nhiều ác hạnh, sau khi chết sẽ bị đọa lạc.

Ngược lại, nếu như chúng ta có thể tu nhẫn nhục, thì có

được năm đức, tướng mạo đoan nghiêm, biện luận rõ ràng, bạn tốt thân cận, không phạm cấm giới, hơn nữa còn có thể sinh ở cõi người, cõi trời, thậm chí hướng đến đạo Phật.

Dưới đây chúng ta tham khảo trong “Đại Trí Độ Luận”, đề cập đến các phương pháp tu nhẫn nhục.

III. Tu nhẫn nhục như thế nào?³

1. Suy nghĩ quả báo xấu do nghiệp đời trước gây tạo, đời này vui vẻ hoàn trả.

“Thế nào là người trong lúc sân giận mà nhẫn nhục được? Nên tự suy nghĩ: tất cả chúng sanh có tội lỗi nhân duyên của nó, nên xâm hại lẫn nhau. Đời này ta chịu khổ não cũng do nhân duyên của hành nghiệp cũ, tuy chẳng phải tạo tác ở đời này, mà là ác báo đời trước của ta, ta nay đến trả, hãy nên cam chịu, đâu có thể trái được! Ví như mắc nợ, chủ nợ đến đòi, phải vui vẻ trả nợ, đâu thể nổi giận”⁴.

Duyên phận giữa người với người khác nhau, có người mới gặp, giống như đã từng quen biết, có một cảm giác thân thiện; nhưng lại có người vừa mới gặp, thì có cảm giác không thích hợp, cảm thấy khó chịu. Từ đó chúng ta

³ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166 b27~168 a27.

⁴ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166b27~c2.

suy nghĩ, có rất nhiều việc chúng ta phải khéo léo xử lý, người ta chửi, đánh, chúng ta hóa giải như thế nào không làm cho tình huống xấu hơn; nhiều khi phải phòng ngừa trước tai vạ. Nếu công phu thật sâu, bất cứ ai đến chửi mắng, vẫn an nhiên vượt qua, thế thì không có vấn đề gì. Nhưng nếu như công phu còn chưa vững, lúc có nhân duyên làm cho sự việc phát sinh, phải nên chú ý không nên làm cho sự việc xấu đi.

Phật giáo dạy “nhân như thế nào, quả như thế ấy”, nên tìm cách phòng ngừa trước khi tai vạ xảy ra. Nguyên tắc cơ bản đó là quảng kết thiện duyên. Bình thường nếu không tranh phần hơn về mình, người đó có thể chịu thiệt thòi ít, thì sẽ không chịu thiệt thòi nhiều. Người chịu thiệt thòi ít, thì họ tích được âm đức, phước đức, dần tích lũy một tư lương rất tốt.

Hiện tại, chúng ta nhìn thấy tượng Bồ-tát Từ Hàng trang nghiêm, giống tượng Phật Di Lặc, nghe nói trước kia Ngài rất ốm. Lúc còn trẻ, có lần đi vệ sinh, nhưng lại quên đem giấy, vừa lúc bên cạnh có người, Ngài xin họ ít giấy. Song, người ấy đưa cho giấy đã sử dụng qua, nhưng Ngài vẫn thản nhiên sử dụng. Từ đó về sau, Ngài bắt đầu phát phước tướng. Cho nên, bình thường người chịu thiệt thòi ít thì sẽ không bị thiệt thòi nhiều. Còn người tham lợi

nhỏ, nhìn thấy trước mắt, anh ta chiếm được chút ít lợi ích, nhưng từ góc độ nhân quả của Phật giáo, thì không phải dựa vào sức lực hoặc phước đức của mình, nếu chiếm được lợi ích càng lớn, nghĩa là mắc nợ càng nhiều.

Trước kia, lúc Ngài Thánh Nghiêm ở Pháp Cổ Sơn muốn đi Nhật Bản cầu học, hòa thượng Trí Quang có khuyên vài lời: *“Thầy đi Nhật Bản cầu học, có rất nhiều người tán thán, nhưng không nên cho rằng: ‘Trước kia mình tu tập cũng khá! Phước báo nhiều, nên nhiều người ca ngợi mình’. Phải suy nghĩ ngược lại: ‘bây giờ có nhiều người ca ngợi mình, không phải trước kia mình tu tập tốt, để hưởng quả tốt đó, mà đây là những nghiệp mình mới tạo, mình mượn của mọi người. Tạo thành cái nhân ‘nợ’, tương lai phải trả quả báo đó. Không nên đảo ngược nhân thành quả”*⁵!

Bây giờ chúng ta được phước báo, chẳng nên dương dương tự đắc, cảm thấy trước kia mình làm rất tốt! Thật ra không phải, mà là mượn của người khác trước. Cho nên, Lão Tử từng nói “kiến giả như thâm” (tạo dựng phước đức cẩn thận như người ăn trộm). Kẻ trộm là lén lén lút lút cắp đồ, lo sợ người khác biết được; chúng ta tạo lập công đức, thì cũng phải giống như người ăn trộm.

⁵ Thánh Nghiêm pháp sư “Pháp Cổ Toàn Tập” tập thứ 3, bài số 4, ‘lưu nhật kiến văn’ trang 79.

Nếu như chỉ làm một việc nhỏ mà lo người trên thế giới không biết, cố sức khoe khoan, thì đâu có bao nhiêu công đức, tích âm đức mới là phước báo chân chánh.

Cho nên chúng ta có thể tư duy từ góc độ này: vì sao người ấy đối với tôi như vậy? Có phải trước kia tôi đối với mọi người chưa tốt? Không nhất định đời này, có khi nhân duyên của nhiều đời trước tích lũy lại. Và “ta nay chịu khổ, do hành nghiệp của nhân duyên đời trước”, đó là những gì trước kia chúng ta đã làm. “Tuy không phải những gì làm trong đời này, mà là ác báo của đời trước, ta nay phải trả, nên cam chịu, không thể tránh được! Ví như mượn nợ, chủ nợ đến đòi, nên vui vẻ trả nợ, đâu thể giận được”.

Tuy nhiên có người nghĩ như vậy, nhưng vẫn cảm thấy rất khó chấp nhận. Ví như nói người trốn nợ, hoặc bỗng dưng có người đến xin tiền, cho một ít tiền và tìm cách đuổi anh ta đi rồi, nhưng không hiểu vì sao anh ta cứ thường xuyên đến? Tôi cho một ví dụ để thuyết minh: nếu như hôm qua tôi mượn bạn một trăm triệu, hôm nay ngủ dậy tôi lại chẳng nhớ, nên không trả cho bạn, nhưng bạn không quên nên tìm tôi lấy tiền, và tôi chỉ trả cho bạn hai triệu, đương nhiên bạn vẫn tiếp tục tìm tôi lấy tiền. Con người đều quên đời trước khi đầu thai, đời trước

chúng ta nợ người một trăm triệu, trải qua đầu thai lại thì quên mất, lúc chủ nợ đến đòi, tuy nhiên chúng ta trả một ít, vẫn chưa trả hết, nhưng lại tự cho rằng: “vì sao cứ đến đòi nợ hoài”? Cho nên, chúng ta phải suy nghĩ: Có thể ta chưa trả hết nợ cho người ta, tôi phải đem tâm trả nợ, vui lòng chấp nhận.

Song có người nghĩ: “làm không khéo, chúng ta trả quá số nợ thì làm sao”? Vậy thì biến thành họ nợ bạn rồi, đời sau lúc bạn cần thì có thể tìm họ mà lấy.

2. Người thường hành từ tâm

“Lại nữa, người thường hành từ tâm, tuy có nã loạn bức thân, đều có thể nhẫn chịu. Giống như ông tiên trong rừng sâu, tu hạnh nhẫn nhục từ bi....”⁶

Đây là câu chuyện Tiên Nhân Nhẫn Nhục, ông ta dùng tâm từ bi để chuyển hóa hận thù.

3. Suy nghĩ tất cả chúng sanh thường có các khổ, vì thế không muốn tăng thêm khổ

“Lại nữa, Bồ-tát tu hành bi tâm, tất cả chúng sanh thường có các khổ: Trong thai bức trở, chịu các khổ đau; lúc sanh ra thì bức bách, xương thịt như bị phá vỡ, gió lạnh chạm thân, đau hơn dao cắt. Cho nên Phật nói:

⁶ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166c2~21.

“trong hét thảy khổ, sanh khổ hạng nhất”. Như vậy, già, bệnh, chết khổ, đủ thứ khổ ách, thì tại sao có người lại còn làm tăng thêm khổ cho họ? Giống như chỗ mụn nhọt còn lấy dao phá hoại”⁷.

Chúng sanh đều có phiền não, nhà nhà đều có cái khó của mỗi nhà. Chúng sanh có nhiều sự chống trái, chúng ta phải dùng tâm từ bi, nếu không nhẫn để hóa giải được thì thôi, không nên làm cho họ tăng thêm sự đau khổ.

4. Tự nghĩ không giống như người khác

“Tổn hại đến thì sân hận, lợi ích đến thì vui mừng”, tăng trưởng tâm đại bi, “não hại không sân hận, cung kính cúng dường không vui mừng”.

Lại nữa, Bồ-tát tự suy nghĩ: *“Ta không giống như người khác, thường trôi theo dòng sanh tử, ta phải ngược dòng để tìm đến tận nguồn, vào đạo Niết-bàn. Đa số người phàm, bị tổn hại đến thì nổi sân, lợi ích đến thì vui mừng, gặp phải khó khăn thì sợ sệt. Ta là Bồ-tát, không thể như họ, tuy chưa đoạn kiết sử, nên tự ức chế; tu hành nhẫn nhục, bị não hại không sân giận, được cung kính cúng dường không vui mừng, các khổ gian nan không*

⁷ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166c21~26.

nên sợ sệt, hãy vì chúng sanh, hưng khởi tâm đại bi”⁸.

Một số người bị cuốn trôi theo dòng sanh tử, người tu hành không nên như vậy, phải đi ngược lại, để vào đạo Niết-bàn. Phàm phu vừa gặp sân não lập tức nổi sân, đối với họ có lợi ích thì họ cảm thấy rất vui thích, nếu như làm họ cảm thấy bất an, họ lập tức lo sợ.

Tôi là Bồ-tát, không thể như vậy, tuy chưa đoạn kiết hoặc, nên tự ức chế; tu hạnh nhẫn nhục, bị não hại không sân hận, được cung kính cúng dường không vui mừng, các việc gian nan khổ nhọc không có sợ sệt; nên vì chúng sanh khởi tâm đại bi!

Bồ-tát hoặc người tu hành, muốn cầu giải thoát, không nên giống như phàm nhân. Kiết sử là phiền não, như tâm có nhiều mối kết. Tuy nhiên chúng ta chưa đoạn trừ hết phiền não, nhưng vẫn cần ức chế khắc phục, tu hạnh nhẫn nhục. Có người não hại đến, chúng ta không nên khởi sân tâm, ngược lại nếu có người cung kính, cúng dường cũng không nên đắc ý quên mình hoặc sanh tâm ái nhiễm, ngược lại chúng ta nên khởi tâm đại bi đối với người khác.

5. Nên nghĩ chúng sanh thường giúp chúng ta tu hạnh nhẫn, họ là thầy của ta

⁸ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166c26~167a2.

"Lại nữa, nếu thấy chúng sanh đến làm não loạn, nên nghĩ như thế này: Đó là người thân hậu của ta, cũng là thầy ta, nên tăng thêm lòng thương yêu, cung kính đối đãi. Vì sao vậy? Vì nếu họ không tăng thêm các sự não hại cho ta, thì ta không thành tựu nhẫn nhục. Do lẽ đó, nên nói họ là thân hậu của ta, cũng là thầy ta".⁹

Đây giống như phương pháp quán giả tưởng. Trước kia lúc tôi mới học Phật, có một vị thầy dạy rằng: "Su phụ đánh con, la con, đó là cúng dường con!" Bồ-tát phải làm được những việc khó làm, nhẫn được những điều khó nhẫn, cũng cần phải mài luyện. Lúc chúng sanh đến não loạn, chúng ta phải quán tưởng: "Họ đều là thân hậu của ta và cũng là thầy ta, ta càng nên kính ái họ, nếu như họ không tăng thêm các sự khổ não cho ta, thì ta không thể thành tựu viên mãn nhẫn nhục Ba-la-mật, cho nên phải xem họ như nghịch tăng thượng duyên của ta, là thiện tri thức, là thầy của ta". Lúc mới bắt đầu đương nhiên là không dễ dàng gì, nhưng phải từ từ luyện tập thêm.

6. Nhớ nghĩ chúng sanh đã từng nhiều đời làm quyến thuộc của nhau

"Lại nữa, Bồ-tát nên biết, như Phật từng dạy: "Chúng

⁹ "Đại Trí Độ Luận" quyển 14, Đại Chánh tập 25, 167a2-6.

sanh vô thi, thế giới vô biên, qua lại năm đường, luân hồi vô lượng. Ta cũng từng làm cha mẹ anh em của chúng sanh; chúng sanh cũng từng làm cha mẹ anh em của ta, tương lai cũng vậy. Lấy đó mà suy, không nên ác tâm ô mòng sân hận”¹⁰.

Các chúng sanh này từ vô thi kiếp từng làm cha mẹ, anh em, con ta. Bây giờ chúng ta đối với họ tốt, tương lai họ còn có thể báo đáp bạn; bây giờ bạn đối với họ không tốt, tương lai họ sẽ đem những điều không hay đến trả lại bạn. Vì vậy, không nên ô mòng sân hận với họ.

7. Nhớ nghĩ trong chúng sanh có Phật tánh, nếu đối với họ sân hận, thì sân hận đức Phật

Lại nữa, suy nghĩ trong hàng chúng sanh, có rất nhiều hạt giống Phật, nếu ta đem ý sân hận đến họ, tức là sân hận đức Phật; nếu ta sân hận đức Phật, thì không còn gì để bàn! Như truyện nói: “chim bồ câu sẽ được làm Phật”, nay tuy là loài gia cầm, cũng không thể khinh được.¹¹

Từ phần thứ 7 đến phần thứ 9, đều có liên quan đến tâm sân hận.

Ý ở đây muốn nói: “theo quan điểm của Phật Giáo, mỗi chúng sanh đều có khả năng thành Phật, nếu như bạn

¹⁰ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a6~10.

¹¹ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a10~13.

sân giận với họ, thì cũng giống như bạn khởi tâm sân giận với Đức Phật. Nếu như tương lai họ thành Phật trước, nhưng chúng ta từng kết ác duyên với họ, thì rất khó học hỏi với họ, họ muốn độ chúng ta cũng không dễ. Ngược lại nếu chúng ta thành Phật trước, cũng khó độ họ.

Trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” của Bồ-tát Long Thọ có nói đến: “Chúng ta không nên đánh lừa chư Phật. Có rất nhiều người trước Phật phát nguyện “Tôi muốn thực hiện như thế này, thực hiện như thế nọ ...”, nhưng những gì họ làm thì không như vậy. Kỳ thật, Đức Phật là nhất thiết chủng trí, bạn muốn giả dối cũng không thể làm được. Như thế nào gọi là giả dối chư Phật? Bồ-tát Long Thọ dạy: giả dối chúng sanh tức là giả dối chư Phật. Điều này có hai ý nghĩa:

(1) Tất cả chúng sanh đều là đối tượng Đức Phật hóa độ, nếu dối chúng sanh, đó không phải là chúng ta đang xướng lên điệu hát ngược với Phật sao? Đức Phật muốn hóa độ chúng sanh, chúng ta không hỗ trợ Ngài thì thôi, tại sao lại làm như thế? Như vậy Phật sẽ không vui đâu.

(2) Chúng ta muốn kết ác duyên với họ, tương lai không cần biết ai độ cho ai, đều bị chướng ngại.

8. Nhớ nghĩ các loại phiền não tâm sân hận nặng nhất, các loại quả báo bất thiện, quả báo do tâm

sân hận gây nên là nặng nhất

Trong tất cả những phiền não, tâm sân hận là lớn nhất, không chỉ kết ác duyên với mọi người, mà tất cả những công đức đều có thể vì đó bị diệt mất. Trong tất cả những quả báo bất thiện, quả báo do tâm sân hận lớn nhất, những phiền não khác không có gì nặng như sân giận.¹²

Bồ-tát nên suy nghĩ như thế này: “Tôi muốn thực hành từ bi, vì lợi ích cho chúng sanh. Giận là tổn hoại mất mọi điều thiện, tiêu hủy tất cả. Chúng ta muốn tích lũy công đức đã không dễ dàng rồi, nếu như lại tạo sân giận, thì đến bao giờ công đức mới viên mãn? Muốn công đức viên mãn, thì cho đến một chỗ khiếm khuyết nhỏ cũng phải bù đắp, huống chi sân giận sẽ làm cho phước đức của mình tiêu tổn hết.

9. Chư Phật và Bồ-tát lấy đại bi làm gốc, sân giận là thứ độc tiêu diệt đại bi

Lại nữa, chư Phật Bồ-tát lấy đại bi làm gốc, do đại bi mà ra; sân giận là thứ độc hại tiêu diệt đại bi, đặc biệt không hợp nhau, nếu gốc đại bi bị hủy hoại, thì không thể gọi là Bồ-tát? Bồ-tát từ đâu mà ra? Vì lẽ đó nên tu nhẫn nhục.¹³

¹² “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a13-26.

¹³ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a26-b2.

Nếu chúng sanh gây thêm các sự sân não cho mình, thì hãy nghĩ đến công đức của họ. Hiện chúng sanh này đang bị sai lầm, song vẫn còn có các việc tốt khác, vì vậy không nên sân giận.

Đây cũng phương thức thực hành quán giả tưởng, nghĩa là không có một người nào xấu toàn bộ; dù như thế nào đi nữa họ cũng có phần tốt, cho đến bản thân chúng ta cũng có tốt có xấu, không phải toàn là thuần nhất tốt đẹp mà không có cái xấu ác. Cho nên khi chúng sanh đối với ta không tốt, chúng ta phải nghĩ như thế này: “người ấy còn có nhiều điều tốt!” Không nên chỉ vì một người có gì đó chưa viên mãn, thì phủ nhận hết những điểm tốt của họ, như vậy là kết oán với họ mất.

Không có người hoàn mỹ, mỗi người đều có khuyết điểm. Trước kia em gái tôi có nói: “Như thế nào là tròn 100 điểm? 38 cộng thêm 49, ngoài ra phải cộng thêm 13 mới tròn 100 điểm”. Nếu như chúng ta dựa vào những ưu điểm của người khác mà học hỏi, tiếp thu, thì có thể biết được rất nhiều điều hay. Chúng ta không nên dùng kính phóng đại mà nhìn khuyết điểm, tìm điều chưa vẹn toàn của người khác; cuộc sống vốn dĩ đã khó khăn rồi, việc gì bản thân mình lại gây khó khăn nữa? Cho nên phải thường xuyên quan sát đức tính tốt của chúng sanh.

10. Nghĩ người khác rèn luyện mình, như thợ luyện vàng, cẩu bản đi theo lửa, chỉ còn vàng ròng

*Lại nữa, nếu người đó đánh ta, chửi ta, ấy là tại ta. Ví như thợ luyện vàng, cẩu bản ra đi theo lửa, chỉ có vàng thật ở lại. Đây cũng giống như vậy, nếu ta có tội, ấy là do nhân duyên đời trước, nay phải đền trả, không nên sân hận, nên tu nhĩn nhục!*¹⁴

Đây là nói đem sự nã hại của chúng sanh đối với chúng ta, nên nghĩ họ đang cúng dường, mài dũa ta giống như luyện kim, mỗi người chúng ta cũng cần phải chịu sự tội luyện mới thành vật hữu dụng.

11. Nguyện của Bồ-tát là muốn chúng sanh an vui

*Lại nữa, Bồ-tát thường nghĩ chúng sanh như con thơ. Người ở cõi Diêm-phù-đề nhiều các ưu sầu, ít có ngày vui, nếu có đến mừng nhicc hoặc gièm pha mà tâm họ hoan lạc, cái vui đó khó được, để mặc cho người mừng, vì sao vậy? Vì ta vốn phát tâm muốn làm cho chúng sanh hoan hỷ.*¹⁵

Bồ-tát phát nguyện muốn cứu độ chúng sanh, xem như

¹⁴ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b2–b5.

¹⁵ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b5–9.

con mình. Là người ai cũng có lòng trắc ẩn, ít nhiều lòng từ bi, chẳng qua chúng sanh vì chấp trước, cho nên sinh nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, cách biệt giữa mình và người. Đối với một người mình thích, bỏ ra bao nhiêu công sức cũng không sao, giống như cha mẹ vì con đến hy sinh thân mạng đâu tiếc nuôi, nhưng đối với con của người khác, thì tuyệt đối không có chuyện đó xảy ra. Hoặc giống như khi chúng ta xem phim chiến tranh, cảm thấy đánh không được hấp dẫn lắm, nhưng nếu bạn là người trong cuộc, chắc có lẽ sẽ không cảm thấy như vậy, nên dùng tấm lòng đối với tấm lòng.

Làm thế nào vượt qua để đạt được điều đó? Ngoài việc bồi dưỡng tâm từ ra, chủ yếu là phải phá ngã chấp, tu quán ngã Không, nhân Không, chúng sanh Không. Nên giống như Bồ-tát Quán Thế Âm đem lòng từ bi bình đẳng với tất cả chúng sanh.

12. Nghĩ chúng sanh bị bệnh, cái chết theo sát, nên tăng thêm lòng từ bi

Lại nữa, chúng sanh ở thế gian, bị các bệnh tật bức nã, lại bị giặc chết chực chờ, ví như oan gia thường rình chỗ sơ hở; làm sao người thiện không thương xót mà còn muốn gây thêm nỗi khổ cho họ? Khổ chưa tới người mà mình đã chịu hại trước. Suy nghĩ như vậy, không nên

*giận họ, nên tu nhĩn nhục.*¹⁶

Vì chúng sanh chịu sanh lão bệnh tử, có chúng sanh thân đã khổ, tâm cũng khổ, lại không biết đạo tu hành, không hiểu rõ lý vô thường, không biết giặc chết thường bên cạnh rình chờ. Do đó, Bồ-tát hoặc người biết tu hành, không nên gia tăng sự khổ cho chúng sanh, vì vậy không nên sân giận họ mà nên tu nhĩn nhục.

13. Suy nghĩ tội lỗi của sân nhuế vô cùng sâu nặng

*Lại nữa, nên suy nghĩ tội lỗi của sân nhuế vô cùng sâu nặng ... Khó trị nhất trong các tâm bệnh. Người sân nhuế, không biết như thế nào là thiện ác, tội và phước, lợi hại, không tự nhớ nghĩ, sẽ bị đọa địa ngục! Quên mất thiện ngôn, không tiếc danh xưng, không biết người khác phiền não, không kể thân tâm mình mệt nhọc, phiền não; sân giận làm che mắt trí tuệ, chuyên làm não hại người khác. Như tiên nhân có ngũ thông, vì lòng sân nhuế, tuy tu tịnh hạnh, mà giết hại một nước Chiên-đà-la.*¹⁷

Một số thần thông có thể là hiện tượng thần bí, đối với Phật giáo, thần thông lấy thiền định làm cơ sở, cần phải có thiền định mới có thần thông. Ở đây trình bày sơ lược

¹⁶ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 15, trang 167b9~13.

¹⁷ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b13~20.

câu chuyện Tiên Nhân ngũ thông.

Tiên nhân ngũ thông là một người tu hành ngoại đạo, chưa đạt được lậu tận thông. Lúc tu hành, có người ném phân lên người, Ông vẫn nghĩ: “Không có vấn đề gì, ném phân là chuyện của họ, ngồi thiền là chuyện của tôi”. Nhưng người kia sau khi thấy vậy, lại tiếp tục ném phân lên người Tiên nhân. Ông chịu không nổi nữa, liền sanh khởi tâm sân hận, hiện thân thông hủy diệt thân đó. Kinh văn có nói: “Vì sân nhuế, tuy tu tịnh hạnh, sát hại một nước như Chiên-đà-la”, thì giống như sát hại nô lệ, tiện nhân vậy.

Ngoài ra có câu chuyện nói: “khi Tiên nhân ngũ thông ngồi thiền ở dưới gốc cây, thì có chim đến nhiều loạn, lúc đến bờ sông ngồi thiền, lại có các thứ cá đến náo loạn. Không có thân thông còn được, nhưng người có thân thông một khi sân tâm khởi lên, thì sức phá hoại vô cùng to lớn.

14. Người sân nhuế, người khác không muốn gặp, người tích lũy tâm sân giận, thậm chí không tiếp nhận lời Phật dạy

Lại nữa, người sân nhuế, giống như hổ sói, khó thể ở chung. Lại như mụn độc, dễ phát, dễ hoại. Người sân nhuế, giống như rắn độc, không ai ưa thấy. Người chứa

*tánh giận, tâm ác lớn dần, đến việc không thể đến, như giết cha, giết vua, ác ý đối với Phật. Như chúng Tỳ-kheo ở nước Câu-diệm-di, vì nhân duyên nhỏ, tâm sân hận lớn dần, chia thành hai nhóm ... Tội lỗi của sân giận như vậy, thậm chí không tiếp nhận lời Phật. Vì lẽ đó nên phải trừ sân hận, tu hạnh nhẫn nhục.*¹⁸

Trong “Tứ Phần Luật” có câu chuyện: “Đức Phật hy vọng Tăng đoàn có thể hòa hợp, nếu không hòa hợp là một sự bất hạnh cho Phật giáo, các người cư sĩ cũng không nên “thêm dầu vào lửa” đối với chúng Tỳ-kheo. Tốt nhất là hộ trì một cách bình đẳng. Cho nên, lúc Tăng đoàn bắt đầu phân hóa, có cư sĩ cảm thấy khó xử: “Rốt cuộc thì tôi phải hộ trì bên nào mới đúng”? Do đó bèn thỉnh giáo Thế Tôn. Ngài dạy: “Tăng đoàn giống như cây bằng vàng, nếu như bất hạnh phân thành hai hoặc ba đoạn, mỗi đoạn cũng đều là vàng, cho nên hy vọng các cư sĩ đều bình đẳng hộ trì, không nên gây chia rẽ”.

Cho nên, người có tâm sân hận, thì đối với người có ân với mình, không kể là cha mẹ, thầy tổ, ân nhân đê bạt công việc của mình, nhưng khi tâm sân hận khởi lên, thì quên ân phụ nghĩa, quả báo này đương nhiên rất nặng.

15. Tu nhẫn nhục để thành tựu từ bi, để thành

¹⁸ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b20~c8.

tự Phậ đạo

Lại nữa, tu được nhấ nhục, thì từ bi dễ thành tự; người thành tự được từ bi, thì đạt được Phậ đạo.¹⁹

16. Thà bị người thiếu trí huệ khinh thị, không để cho Thánh hiền chê trách

Điều này nói rất có lý! Ở phần dưới sẽ sử dụng phương pháp vấn đáp để giải thích rõ:

Hỏi: Phương thức tu nhấ nhục rất tốt, nhưng có một chuyện chưa thỏa đáng: kẻ tiểu nhân khinh mạn, coi mình sợ họ; bởi vì điều này, nên không thể nhấ.²⁰

Câu đó muốn nói: “Bạn nói pháp tu nhấ nhục tuy rất có ích, song có một chuyện mà tôi không thể nghĩ tường tận. Nếu như bạn cứ tu nhấ nhục như vậy, làm cho người khác cảm thấy bạn là người nhát gan, không có chí khí, sẽ bị kẻ tiểu nhân khinh chê, vì họ cho bạn sợ họ. Bởi vậy, lúc đó bạn không nên tu nhấ nhục nữa”.

Trả lời: Nếu lý do vì kẻ tiểu nhân khinh chê, coi mình sợ họ mà không muốn nhấ, nhưng tội do không nhấ gây ra còn lớn hơn đó! Tại vì sao vậy? Người không tu nhấ, bị Thánh hiền người tốt chê cười; người tu nhấ, bị kẻ tiểu nhân khinh mạn; trong hai điều đó, thà bị người

¹⁹ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c9~17.

²⁰ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c9~17.

thiếu trí tuệ khinh thị, không để cho Thánh hiền chê trách. Tại sao vậy? Người thiếu trí tuệ, khinh điều không đáng khinh, còn Thánh nhân, cười điều đáng cười. Bởi vì như vậy, nên tu nhẫn nhục.

Bồ-tát Long Thọ trả lời: “Nếu lý do vì kẻ tiểu nhân khinh chê, coi mình sợ họ mà không muốn nhẫn, nhưng tội do không nhẫn gây ra còn lớn hơn đó”. Nếu bạn nhẫn nhục, thì họ chỉ cười bạn là người không có chí khí thôi, song nếu lúc bạn không nhẫn, thì tội lỗi tạo ra sẽ lớn hơn nhiều. Tại sao như vậy? “Người không tu nhẫn, bị Thánh hiền người tốt chê cười”. Nếu như chúng ta khởi lên tâm sân hận, không có tu hành nhẫn nhục, bậc Thánh hiền chê cười bạn. Bởi vì tu hành vốn là phải tu nhẫn nhục, nhưng vì một việc nhỏ mà không nhẫn, thì sẽ bị chê cười.

Nếu như có thể an nhẫn, các bậc Thánh khen ngợi, sẽ khinh những người tiểu nhân coi thường bạn. Bất luận bạn có tu nhẫn nhục hay không, đều có người khinh thường bạn, nên bạn tự quyết định để cho người nào khinh thường mình. Để kẻ tiểu nhân khinh thường thì không có vấn đề gì, bạn không nên có sự hiểu biết như họ. Tuyệt đối không nên làm những hành vi không hợp đạo đức, như vậy không những tổn hại phước đức của mình, mà còn khiến cho Thánh nhân coi thường. Nếu để cho

người coi thường, thì bạn sẽ chọn hạng người nào? Cho nên chỉ có tu nhẫn nhục thôi! Tu nhẫn nhục, là điều Thánh nhân tán thán, dù đó bị những kẻ tiểu nhân hủy báng thì cũng chẳng đáng gì, bởi vì họ là người thiếu đạo đức mà! Những kẻ tiểu nhân không có trí tuệ, họ khinh thị những điều không đáng khinh thị; nhưng bậc Thánh hiền có trí tuệ, họ khinh tiện những người tiểu nhân đáng khinh tiện, cho nên chúng ta phải tu nhẫn nhục.

Quán tưởng như vậy rất là tốt, nếu như bạn sợ người khác cười bạn không có chí khí, bạn có thể suy nghĩ như trên!

17. Người tu nhẫn nhục, thường sanh lên trời

Lại nữa, người tu nhẫn nhục, tuy không thực hành bố thí, thiền định, lại thường được công đức vi diệu, tương lai được sanh cõi trời, cõi người, sau được thành Phật đạo. Tại vì sao vậy? Vì tâm nhu nhuyễn.²¹

Bởi vì tu nhẫn nhục, điều phục tâm nhu nhuyễn, nên có vô lượng công đức.

18. Không tu nhẫn nhục, thường đọa vào đường ác

Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Đời nay người bức nã, hủy

²¹ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c17~19.

*nhục, đoạt lợi, khinh mắng, trói buộc, ta đều phải nhẫn. Nếu ta không nhẫn, sẽ đọa địa ngục, thành sắt đất nóng, chịu vô lượng khổ, đốt, nướng, sấy, nấu, không thể nói hết! Do đó nên biết, tuy bị kẻ tiểu nhân vô trí khinh mà quý, nếu không nhẫn mà dương oai, tuy vui mà hèn. Thế nên Bồ-tát phải tu nhẫn nhục”.*²²

Có một số tiểu nhân không biết phân biệt phải trái không có trí huệ, hay khinh thường người khác; Bồ-tát tuy bị tiểu nhân khinh thường, nhưng như thế càng tăng thêm sự tôn quý của Bồ-tát. Ngược lại, nếu như chúng ta không tu nhẫn nhục, mà dùng các loại uy thế khiến người khác không thể xâm phạm được, tuy có thể biểu hiện vui thích trong phút chốc, nhưng lại lộ ra sự thấp hèn của bản thân, cho nên Bồ-tát phải tu nhẫn nhục.

19. Nghĩ chúng sanh vì sân hận não hại, nên dùng phương tiện đối trị, không nên hiềm trách

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta ban đầu phát tâm thế nguyện vì chúng sanh, trị tâm bệnh cho họ. Nay chúng sanh bị sân nhuế kiết sử, ta hãy trị bệnh đó, có sao mình lại sanh bệnh đó? Hãy nên nhẫn nhục?”*²³

Bồ-tát ban đầu phát tâm không chỉ điều phục tâm tánh

²² “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c19~24.

²³ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c24~a2.

của mình, còn hy vọng giúp đỡ chúng sanh. Kiết và sử đều là tên gọi của phiền não. Chúng sanh đều bị phiền não của sân nhuế trói buộc dắt dẫn, chúng ta nên giúp họ hóa giải mới đúng; không nên vốn dĩ vì độ người, nhưng lại nổi tâm sân hận đối với người.

Giống như vị thầy thuốc trị các bệnh, nếu như gặp bệnh quý nhập, rút đao mắng nhiếc, không biết phân biệt tốt xấu, thầy thuốc biết bệnh, chỉ vì trị bệnh chứ không sân nhuế.

Bồ-tát nếu bị chúng sanh sân não chửi mắng, biết vì họ bị các phiền não sân nhuế sai khiến, cuồng tâm sai sử, thì phải khéo léo chữa trị, không nên hiềm trách, cũng như vậy.

Nếu người mắc phải bệnh quý ám, thân không do mình làm chủ nữa, thầy thuốc nên đem lòng từ bi trị bệnh, chẳng nên đối với các hành vi không hợp lý của họ mà sinh khởi tâm sân hận.

Nếu Bồ-tát bị chúng sanh sân não chửi đánh, nên thông cảm là vì họ bị các phiền não trói buộc, bị tâm cuồng điên sai sử, Bồ-tát dùng các phương tiện trị liệu cho họ, không nên hiềm trách.

20. Bồ-tát thương yêu chúng sanh như con, vì còn trẻ thơ, tuy có lỗi lầm nhưng không vì đó mà

sân giận.

*Lại nữa, Bồ-tát nuôi dưỡng hết thầy, thương yêu như con; nếu có chúng sanh đến não hại Bồ-tát, Bồ-tát thương mà không giận, không trách. Giống như cha lành nuôi dưỡng con cháu, con cháu thơ dại chưa có biết gì, hoặc có khi mắng nhiếc, đánh đập, không kính, không sợ, cha vẫn thương nó nhỏ dại, càng thương yêu hơn. Tuy có tội lỗi, không giận, không buồn. Bồ-tát nhẫn nhục cũng như vậy.*²⁴

Bồ-tát thương yêu tất cả chúng sanh, giống như cha mẹ thương yêu con thơ. Con thơ chưa hiểu, nói lời thiếu suy nghĩ, có lúc không kính cha mẹ, mạo phạm bậc trưởng bối. Cha mẹ thương con nhỏ dại, khoan dung tha thứ lỗi lầm. Bồ-tát thương yêu chúng sanh cũng như vậy, chúng sanh tuy có làm lỗi, nhưng không nên trách móc với họ làm gì.

21. Nếu không nhẫn đời này khổ, đời sau đọa ác đạo khổ càng nhiều.

Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu chúng sanh đem sân não đến cho ta, ta nên nhẫn nhục. Nếu chúng ta không nhẫn, thì đời này tâm hối hận, đời sau vào địa ngục, chịu rất nhiều khổ đau. Nếu sanh trong hàng súc sanh thì làm

²⁴ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a2-7.

*ròng độc, rắn dữ, sư tử, cọp, sói. Nếu làm ngựa quỳ, thì lửa từ miệng tuôn ra. Thí như người bị lửa đốt, khi đốt đau nhẹ, sau đó chuyển nặng”.*²⁵

Có thể Bồ-tát Long Thọ đã từng bị lửa bỏng, nên rất có kinh nghiệm. Câu văn “lúc bị lửa đốt đau nhẹ, sau chuyển thành nặng” là đang ví dụ, đời này chúng ta phiền muộn hồi hận, đó cũng chỉ là chuyện nhỏ. Nếu như chúng ta không tu nhẫn nhục mà khởi tâm sân hận, đọa vào ba đường ác, chịu khổ càng thêm nặng.

22. Nếu không tu nhẫn nhục, thì không gọi là Bồ-tát

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta là Bồ-tát, muốn làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu ta không thể nhẫn, thì không gọi là Bồ-tát, mà gọi là người xấu”.*²⁶

Nếu như không tu nhẫn nhục, thì không thể xưng là Bồ-tát. Không gọi là Bồ-tát thì so với người bình thường không có gì khác, mà là người xấu.

23. Ban đầu phát tâm thệ nguyện vì hết thảy chúng sanh, vì sao khởi tâm sân giận

Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Trong đời có hai loại: Một là chúng sanh, hai là không phải chúng sanh. Ta ban đầu

²⁵ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a7~11.

²⁶ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a11~13.

*phát tâm, thệ nguyện vì hết thấy chúng sanh. Nếu có những loại không phải chúng sanh như: núi đá, cây cỏ, gió rét, lạnh nóng, nước, mưa xâm hại, thì chỉ lo chế ngự, không chút sân nhuế. Nay những chúng sanh này chính ta vì họ, họ đem điều xấu đến ta, ta nên nhẫn chịu, tại sao lại sân”?*²⁷

Bồ-tát ban đầu phát tâm là vì độ hết thấy chúng sanh, cho nên không được khởi tâm sân giận. Thế gian có thể phân làm hai loại “chúng sanh có tình thức” và “chúng sanh không có tình thức”, những vật vô tình như gió rét, lạnh nóng v.v.. Cũng là nói đừng oán trời trách người, giận thời tiết lạnh nóng, Bồ-tát đối với những điều như thế phải an nhẫn.

24. Biết chúng sanh vì nhân duyên giả hợp, đâu có ai để giận

Lại nữa, Bồ-tát biết từ trước đến nay, do nhân duyên hòa hợp, giả đặt tên là người, không thật có con người độc lập, thì có ai để giận? Trong đó chỉ có xương máu, da thịt, giống như bờ gạch, lại như người gỗ, do máy móc động tác mà có đi có lại. Biết rõ như vậy, không nên có sân hận, nếu ta sân hận, thì là ngu si, tự chịu tội khổ. Vì lẽ

²⁷ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a13~17.

đó, nên tu nhẫn nhục.²⁸

Đây là chúng ta dùng trí huệ để tu tập quán Không, chúng sanh Không. Bồ-tát không nhẫn chịu được, là bởi vì còn có chúng sanh tướng, thấy người này như thế này, người kia như thế kia, thường hay phát sinh các nhận xét, cách nhìn khác nhau. Lúc này, nên có sự quan sát sâu sắc: “Từ trước đến nay, nhân duyên hòa hợp, giả đặt tên là người”, do vô số nhân duyên tụ hợp như: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng qua là giả tướng, một lớp da bao bọc mà thôi. Nếu lột bỏ lớp da này, thì có gì phân biệt đâu là đẹp xấu? Tiến thêm bước quán chúng sanh Không.

25. Chư vị Bồ-tát đều trước tiên tu “sanh nhẫn”, kế đến tu “pháp nhẫn”, sau đó mới thành Phật

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Vô lượng hằng hà sa số chư Phật thời quá khứ, lúc hành Bồ-tát đạo, đều trước hết thực hành “sanh nhẫn”, sau mới tu “pháp nhẫn”.*²⁹

“Sanh nhẫn” tức là chúng sanh nhẫn, chúng ta phải tu nhẫn nhục với mọi sự khinh nhục, hủy báng, thậm chí họ đối với mình đặc biệt tốt, đặc biệt cung kính, tuyệt đối là những gì có thể hấp dẫn mình, không nên sinh tâm ái nhiễm. Đối với những tâm ái nhiễm như vậy, “Đại Trí Độ

²⁸ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a15~22.

²⁹ “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a22~27.

Luận” gọi đó là “giặc nhu nhuẩn”, không chỉ có nước muối mà nước đường cũng làm cho sắt rỉ vậy.

“Nay cầu học Phật, nên như các pháp của Phật; không nên khởi tâm sân nhuế, như pháp của cảnh giới ma. Vì vậy phải tu nhĩn nhục”.

Nếu như chúng ta khởi tâm sân hận, thì so với ma có khác gì. Chúng ta muốn học pháp của Phật, chứ không phải học pháp của ma. Cho nên phải tu nhĩn nhục.

Dưới đây có câu nói này tôi rất thích, cùng chia sẻ với mọi người!

“Sự thông minh tài trí của con người, phần nhiều không dùng để trách chính mình, mà dùng để trách người khác; phần nhiều không dùng tập hợp phát huy các ưu điểm, mà dùng để che giấu khuyết điểm của chính mình”.

Câu nói này tôi rất thích! Người rất thông minh nhưng thường dùng sai phương hướng, không dùng để phản tỉnh chính mình, mà thường dùng để trách người khác. Nếu như chuyên đổi phương hướng “việc làm có khi không được kết quả, nên tự trách bản thân mình”, trên thực tế có thể cải thiện được rất nhiều chỗ. Nếu đem sự thông minh ấy dùng để tích tập các sở trường, đem sở trường của mỗi người thu thập lại, sau khi tích lũy được nhiều rồi, thì bạn rất giàu có, công đức viên mãn rồi. Nhưng người thông

minh thường dùng để che giấu lỗi lầm của mình, dùng vô số thủ đoạn khéo léo để che giấu, không muốn người khác biết, đây giống như đem một vật hôi thối gói chặt trong hộp, niêm phong lại, thế thì càng lâu càng hôi, không biến thành thơm được.

Thường nói “trung ngôn nghịch nhĩ” nếu như chúng ta muốn các phương diện đều có thể tiến bộ, không kể là trí thức hoặc tài năng v.v... Bởi vì chính mình nhất định có quá nhiều điểm chưa tròn vẹn, cho nên phải nhớ kỹ sự chỉ bày của thiện tri thức. Muốn chính mình trưởng thành thì phải có hai điều kiện: thứ nhất là năng lực phản tỉnh lớn, thậm chí không có thầy dạy cũng hiểu được; thứ hai là nhờ sự giúp đỡ bên ngoài của thiện tri thức. Khi sức phản tỉnh của mình không mạnh, năng lực không tốt, không có thầy thì không thông hiểu được, đương nhiên nhờ đến sự giúp sức của thiện tri thức. Cho nên, nếu như có người đến khuyên bảo, thì chúng ta cảm kích họ còn không hết, chứ lại bảo “bạn dựa vào tư cách gì mà nói tôi”.

Cho nên, chúng ta không ngại đem sự thông minh tài trí của mình dùng cho chính mình, tự trách không trách người; dùng để tích tập sở trường, có lỗi lầm thì lập tức sám hối, thì quả báo xấu mới không tăng trưởng thêm. Có

lúc lời nói thật hay nhưng làm người nghe chướng tai, cảm thấy rất khó chịu, lúc ấy suy nghĩ câu nói này.

“Người nói lỗi của ta, chẳng phải đều là người không có lỗi, nếu tìm người không có lỗi mới đủ tư cách chỉ trách mình, thì suốt đời không nghe được vậy!”

Khi người khác chỉ cho chúng ta biết lỗi lầm của mình, nếu như họ dùng thái độ vô cùng hòa nhã, chúng ta còn có thể tiếp nhận. Nếu như họ dùng phương pháp thật gay gắt, hoặc giữa đám đông nói những điều không đúng của chúng ta, thì tự mình cảm thấy mất mặt, vô cùng khó chịu, có thể sẽ xuất hiện một ý nghĩ tự an ủi: “Nếu như tôi xấu như vậy, thế thì họ tốt đến mức độ nào? Hay là kẻ bốn chín người năm mươi”. Nhưng nếu muốn mình tiến bộ, không nên suy nghĩ diễn dịch miễn cưỡng như vậy. Nếu như yêu cầu một người hoàn toàn không có lỗi làm đến khuyên nhủ, thế thì đời này không có người đủ tư cách đến khuyên rồi. Chúng ta là hàng Thánh ở cõi trời nào hạ sanh xuống đây? Muốn tìm một người hoàn toàn không có lỗi làm đến nhắc nhở bạn, thì người như thế không những khó tìm, mà bạn cũng chẳng có đủ phước đức gặp? Cho nên, chúng ta phải cảm niệm sự khuyên bảo của người khác. Nếu như có lợi ích đối với mình, lời họ nói đều là chân thành, thì chúng ta nên ghi nhớ ứng dụng.

Cho dù họ là người có lỗi làm hay không đó là một chuyện khác.

“Dùng gương để soi thấy dung nhan, dùng tâm để quán chiếu tốt xấu”.

Nhìn vào gương thấy được dung nhan của chúng ta như thế nào. Có người thích coi bói số, đoán mạng, đó là sự hiếu kỳ của con người đối với tương lai, hoặc trước kia mình đã từng làm những chuyện không tốt, nên đi xem coi tương lai mình có bị quả báo hay không, chỉ là một loại tâm lý bất an nên muốn biết trước sự việc. Kỳ thật, muốn biết tốt xấu một cách chân chính, thì hỏi lòng mình là rõ ràng nhất, không cần hỏi người khác.

Muốn tốt, thì tâm phải thanh tịnh, vốn dĩ sự việc lúc không thành công, thì nên tự trách mình. Nếu như sau khi soi gương, không vừa ý người trong gương, nổi giận với người ấy, hoặc trách gương lời lỗm không bằng, như thế thì có ích gì? Phật giáo giảng “nhân như thế nào, quả như thế ấy”, phải thay đổi từ căn bản nhân duyên của nó.

“Đuổi giặc ở trên núi dễ, trừ giặc ở trong tâm khó”

Có người nói: “Học Phật tâm tốt là được, việc gì phải ăn chay, làm điều thiện?” Kỳ thật, muốn tâm tốt rất khó. Một số người trước mặt nhiều người không dám làm việc xấu, thân miệng biểu hiện giống như một người chánh

nhân quân tử, như thế cũng rất dễ làm, nhưng muốn làm cho được toàn tâm không có tạp niệm vọng tưởng, mỗi một niệm đều là thiện niệm thì mới khó. Cho nên, muốn trừ giặc trên núi dễ, ngược lại trừ giặc trong tâm khó, cần phải áp dụng đến giới, định và tuệ.

“Một ngọn lửa vô minh, đốt sạch rừng công đức”.

“Ba năm đốn củi, một ngày đốt ra tro”.

Chúng ta tốt nhất là học Bồ-tát Di Lặc, “bụng lớn năng dung, dung hết mọi chuyện trong nhân gian; mặt đầy hoan hỷ, cười tan nỗi buồn xưa nay của thiên hạ”. Nụ cười có thể hóa giải được rất nhiều ưu buồn.

Dưới đây có thể quy nạp lại. Chúng ta làm bất cứ việc gì, không nên chỉ suy nghĩ đến cái lợi trước mắt, mà phải suy tính đến quả báo sau này. “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”, một số người lo sợ sau này họ nhận những quả báo xấu, Bồ-tát lo sợ họ gieo những nhân xấu, bởi vì Bồ-tát biết gieo nhân xấu gì thì nhất định sẽ có quả xấu đó. Đôi khi, chúng ta xem Kinh Phật, cứ nghĩ không thừa nhận nhân quả là của ngoại đạo, kỳ thật tự phản tỉnh: chúng ta gieo một nhân không tốt, rồi lúc nào cũng trốn chạy, có lúc tồn tại một loại tâm lý kiêu hãnh “có lẽ quả báo xấu sẽ không đến”. Nghiêm túc mà nói, lối suy nghĩ không thừa nhận nhân quả, sự thật thì so với tà kiến của

ngoại đạo chẳng có gì khác biệt. Cho nên, không xem nhẹ nhân quả, chúng ta xem chính mình đã làm loại hành vi gì, nó sẽ dẫn đến rất nhiều hậu quả. Nhân duyên thay đổi rất nhanh chóng, chúng ta nên suy nghĩ tự mình đã tạo nhân sân hận, tương lai sẽ nảy sinh quả xấu đó. Nếu như cố gắng chuyển đổi, cho đến thể nghiệm một cách triệt để lý vô thường, vô ngã trong Phật pháp, mới có thể hiểu rõ thật tướng của các pháp, hiểu rõ chân tướng, trạng thái quy luật của nhân quả mà tránh đi những nguyên nhân gây quả báo xấu.

Phiền não có hai loại “Kiến hoặc” và “Tu hoặc”. “Kiến hoặc” thuộc về vấn đề quan niệm của chúng ta; “Tu hoặc” là vấn đề thuộc về ý chí hoặc tình cảm. Ví như có người biết rằng hút thuốc sẽ tổn thương đến phổi, uống rượu sẽ tổn thương gan, bác sĩ đối với những kiến thức thông thường đó biết rõ hơn ai hết, nhưng có một số bác sĩ không cai được thuốc, đây là ý chí không đủ kiên cường. Cho nên, khi chúng ta xem xét sự việc hoặc gặp phải những điều không như ý, là “tôi biết, tôi biết”, nhưng biết rõ mà cố phạm. Đây đúng là “biết thì sâu, mà hành thì cạn”, có người biết không nhiều, cho nên thực hành cũng không kỹ. Bạn nói bạn biết, nhưng thực tế là bạn biết chưa nhiều, cho nên về phần kiến thức phải bổ sung thêm. Có người tuy hiểu rõ, nhưng trên vấn đề tình

cảm, ý chí dưỡng thành một thói quen, phải lập tức dừng ngay. Thông thường chúng ta biết rõ nhưng vẫn cố phạm, đó là một thói quen không tốt. Muốn đối trị các tập khí xấu, thì phải cố gắng đến cùng, nên dùng những thói quen tốt chuyển hóa những thói quen xấu. Cho nên “giới” có nghĩa “thi-la” tức là thói quen tốt, đó mới là giới thể. “Thi-la” là thói quen, nên biến thói quen thành tự nhiên.

Chúng ta hồi tưởng sự xung đột với người khác trong quá khứ, không kể là với cha mẹ, bậc trưởng bối, cấp trên hoặc cấp dưới, dẫn đến việc khởi lên sân si, luôn luôn cãi với họ những việc thông thường, những việc đó bây giờ không đáng gì cả, nhưng lúc đó chúng ta cảm thấy không thể bỏ qua được. Từ đó suy ra, khi gặp phải những điều không như ý, sau hồi nghĩ lại, thật không đáng gì cả. Chúng ta không nên vì những việc nhỏ nhặt mà làm tổn thương tình cảm, và tự mình nhận sự ray rức.

Lại nữa, chúng ta “tùy duyên tiêu nghiệp cũ, không nên tái tạo tai ương mới”, không để cho ác duyên lặp lại. Những gì đã phát sinh rồi, thì khéo léo xử lý, những gì chưa phát sinh, nên cẩn thận đề phòng, quảng kết thiện duyên. Hơn nữa, thông thường lúc chúng ta mới phát tâm, thì “không từ khó nhọc, không ngại oán hờn”, nhưng không lâu sau, chỉ còn “không từ khó nhọc, nhưng sợ oán

hòn”, sau một giai đoạn nữa thì trở thành “tử khó nhọc, ngại oán hòn” và đã bật đèn đỏ cảnh báo rồi, lúc này phải phản tỉnh lại.

Hôm nay chúng ta từ nhiều góc độ nhìn nhận “nhẫn”, có một số việc dựa trên vấn đề thể lực, có số việc dựa trên vấn đề tình cảm và lý trí. Ví như chạy việt dã, đoạn đường dài 42 km, người chạy ngoài thể lực để thi đấu ra, còn ý chí thật cao. Có người chân tuy đã bị chuột rút rồi, nhưng vẫn cố gắng chạy đến đích. Cho nên, nhẫn nhục dựa trên thể lực mài luyện, dựa trên ý chí mà tăng cường, dựa trên tình cảm mà thăng hoa, lại dựa trên kiến thức mà tăng cường sự thể nhận vô thường, vô ngã, hóa giải toàn bộ cội gốc của phiền não phát sinh từ ngã chấp, từ nơi này hạ thủ công phu, nhất định thành công.

Hôm nay, chúng ta thảo luận tới đây, nếu còn vấn đề gì thì sau này tìm thời gian tiếp tục thảo luận, chân thành cảm ơn mọi người!

BỒ-TÁT KHÔNG KHỞI TÂM KHINH MẠN

Lúc chúng ta nghiên cứu, thảo luận “Đại Trí Độ Luận”, thường phát hiện trong đó có nhiều đạo lý, rất giá trị cho chúng ta tham khảo tu tập. Tôi nghĩ nhân cơ hội này, nêu ra để mọi người cùng nhau tham khảo.

Trong “Đại Trí Độ Luận” có trích dẫn một bộ Kinh, nhắc đến Bồ-tát không được khởi tâm khinh mạn. Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 39 chép:

Như trong “Kinh” có nói: “Bồ-tát khinh thường Bồ-tát khác, thì xa rời Phật đạo suốt trong một kiếp, trải qua kiếp đó cần phải tu hành nhiều hơn. Vì lẽ đó mà không nên tự cao, cũng không khinh thường người khác”³⁰.

Những gì nói ở đây là trong “Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật”. Nếu như Bồ-tát khởi tâm khinh mạn các vị Bồ-tát khác, chỉ cần khởi một tâm khinh mạn, thì bị xa rời Phật đạo trong một kiếp. Một kiếp chỉ đơn vị thời gian rất dài, thật đáng sợ! Chỉ cần khởi một niệm khinh mạn, thì mất đi một kiếp, khởi hai niệm, thì mất đi hai kiếp. Nếu như không thối tâm Bồ-đề, vẫn muốn tu học Phật

³⁰ Đại Chánh tập 25, trang 344c6~9.

đạo, thì xem chúng ta khởi bao nhiêu niệm, phải trải qua bao nhiêu kiếp thì mới có thể tìm lại được những công đức đã mất đi. Cho nên, khuyên chúng ta không nên khởi tâm khinh mạn, coi thường người khác.

Đoạn văn vừa dẫn ở “Đại Trí Độ Luận”, trong “Kinh Đại Bát-nhã” do Ngài Huyền Trang dịch trong đó nói rất cụ thể, như “Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật” quyển 455:

*“Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát chưa được sự thọ ký của Phật, khởi tâm sân hận, đấu tranh, khinh thị, mạ nhục, phỉ báng đối với Bồ-tát đã được thọ ký, Bồ-tát Ma-ha-tát đó đã khởi bao nhiêu niệm không lợi ích, phải trả bao nhiêu kiếp từng tu hạnh lành, khi thời gian đó xa rời bạn lành, còn phải chịu rất nhiều sự trói buộc của sanh tử luân hồi. Nếu còn tâm đại Bồ-đề, siêng năng tu hạnh lành không ngừng nghỉ, sau đó mới bù vào những công đức đã mất”.*³¹

Kinh nói rất rõ ràng, nếu như có Bồ-tát chưa được sự thọ ký của Phật, mà khởi tâm sân hận, đấu tranh, khinh thị, nhục mạ, hủy báng đối với vị Bồ-tát đã được sự thọ ký của Phật, thì vị ấy chỉ cần khởi bất cứ bao nhiêu niệm không tốt nào, thì sẽ bị mất đi những công đức thù thắng trong bao nhiêu kiếp. Lúc đó, vị ấy sẽ xa rời thiện tri thức,

³¹ Đại Chánh tập 7, trang 297a13-20.

và chịu vô lượng sanh tử luân hồi. Nếu như vị ấy vẫn còn hy vọng thành tựu quả vị vô thượng Bồ-đề, mà chưa thôi tâm Bồ-đề, thế thì phải tinh tấn tu hành bù lại những công đức đã mất.

Ngoài ra, còn tham cứu thảo luận vấn đề, nếu Bồ-tát khởi ác tâm với các Bồ-tát khác, làm cách nào sám hối được? Trong “Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật” quyển 19 Đại Chánh tập 8, trang 356c13~29 dạy:

Phật dạy: “A-nan! Nếu Bồ-tát chưa thọ ký khởi ác tâm, đấu tranh, chửi mắng đối với Bồ-tát đã thọ ký, tùy khởi niệm bao nhiêu kiếp, nếu liên quan đến kiếp số, nếu không bỏ nhất thiết chủng trí, sau đó phải bù lại bằng những kiếp đại trang nghiêm”.

A-nan thưa: “Thế Tôn! Ác tâm đó trải qua bao kiếp số không gián đoạn, mới có thể trừ sạch?”

Phật bảo A-nan: “Tuy ta nói người cầu Bồ-tát đạo và Thanh văn được hết tội. A-nan! Nếu người cùng cầu đạo Bồ-tát đấu tranh, sân giận chửi mắng, ôm hận, không hối cải, không bỏ qua với nhau, ta không nói hết tội, mà phải chịu nhiều hơn những kiếp số đã tạo; nếu không từ bỏ Nhất thiết trí, cho đến kiếp Đại Trang Nghiêm. A-nan! Nếu Bồ-tát đó sau khi đấu tranh, sân giận chửi mắng, rồi tự sám hối và suy nghĩ: “Ta vì sai lầm lớn! Ta nên vì hết

thầy chúng sanh chịu khổ nhục, đời này, đời sau đều như vậy, ta nên nhẫn thọ tất cả những sự dâm đạp của chúng sanh như cầu, như câm, như điếc, làm sao lấy lời ác báo hại người? Ta không nên làm hư hoại tâm vô thượng Bồ-đề sâu dày này, mà khi ta đạt được đạo quả, phải độ hết tất cả khổ não của chúng sanh, sao lại khởi tâm sân hận?”³²

A-nan thưa Đức Phật: “Bồ-tát khởi ác tâm, trải qua vô số kiếp, có thể trừ bỏ tội lỗi không?” Đức Phật nói với A-nan: “Tuy ta nói người cầu đạo Bồ-tát và Thanh văn có thể hết tội”. Hết tội, nghĩa là sau khi phạm tội người đó thành tâm sám hối, thì tội nghiệp mới có thể tiêu trừ. Song Đức Phật dạy: “A-nan! Nếu như người cầu đạo Bồ-tát cùng với người khác đấu tranh, khởi tâm sân hận mà chửi mắng, ôm hận, không sám hối v.v... không sám hối, nếu những ác tâm đó không xả bỏ, thì tội nghiệp đó không có cách nào hết được”, “phải chịu nhiều hơn những kiếp số đã tạo” thì phải trải qua thời gian rất dài chịu nghiệp báo luân hồi sanh tử, và cũng không có thiện tri thức. Nếu như còn phát nguyện thành tựu Nhất thiết chủng trí, thì phải bù lại những gì đã mất đi. A-nan! Nếu như Bồ-tát khởi tâm niệm đấu tranh, chửi mắng, không

³² “Đại Trí Độ Luận” quyển 77, Đại Chánh tập 25, trang 603 b21~c7.

sám hối, sau đó họ khởi tâm nghĩ: “Tội lỗi của ta thật quá lớn”, “ta nên vì tất cả chúng sanh chịu khổ nhục”, tức ý muốn nói từ nay trở về sau, nguyện vì hết thảy chúng sanh phục vụ lao dịch, không kết oán với mọi người, không chỉ có ở “đời này, cho đến đời sau đều hòa giải như vậy”, vị Bồ-tát đó còn phải phát tâm, “nhẫn chịu hết thảy những sự dẫm đạp của chúng sanh giống như cây cầu”, tức vị Bồ-tát đó chịu đựng mọi người muốn dẫm qua đạp lại như cây cầu, đều có thể an nhẫn, “như câ, như điếc thì làm sao có lời ác hại người”? Nghĩa là nếu có người ác tâm chửi vị ấy, vị ấy giống như người câm, người điếc, có người chửi họ, họ cũng không chửi lại, không như bạn chửi tôi một câu, tôi chửi lại bạn ba câu, bạn đánh tôi một đấm, tôi đấm lại bạn ba cái, Bồ-tát không như vậy, họ an nhẫn đối với tất cả chúng sanh. Ta không nên phá hoại tâm vô thượng Bồ-đề này, mà nên phát nguyện khi tôi đạt được vô thượng Bồ-đề, sẽ độ hết thảy chúng sanh khổ não, thì làm sao tự mình có thể khởi tâm sân hận được?

Chúng tôi lại xem “Đại Trí Độ Luận” đối với đoạn văn này giải thích như sau, “Đại Trí Độ Luận” quyển 77 chép:

Phật đáp: “Pháp của ta tuy có phương pháp làm hết

tội, nếu Bồ-tát cùng đấu tranh, kết hận, không chịu xả bỏ thì không thể hết được”. Vì sao vậy? Vì vị Bồ-tát đó tâm sân hận, khinh mạn sâu dày đối với Bồ-tát khác. Vì sân, vì kiêu mạn cho nên không chịu sám hối, mà muốn hành những công đức khác cầu diệt tội ấy”.

*Phật nói: “Tội ấy không thể hết, nếu ôm lòng hận, tuy làm phước đức khác, đều không thanh tịnh, vì không thanh tịnh nên không có năng lực, vì không có năng lực nên không diệt tội. Nếu người ấy muốn thành Phật, không rời bỏ Nhất thiết trí, quyết tâm sám hối, bù lại những kiếp trước cho đến phát đại trang nghiêm”.*³³

Đức Phật dạy: Trong Phật pháp, tuy sám hối có thể tiêu trừ tội nghiệp, nhưng phải chú ý, nếu như Bồ-tát cùng với mọi người đấu tranh, kết oán, “không chịu tức thời từ bỏ, thì không thể hết”. Từ bỏ, thì tâm ác, sân hận phải lập tức bỏ. Không được sau khi nổi trận lôi đình xong, thì bệnh tim của mình muốn phát tác rồi, lúc đó mới sám hối thì không được, phải lập tức từ bỏ, không từ bỏ thì không hết tội. Vì sao vậy? “Bồ-tát tâm khinh mạn sâu dày”, giận Bồ-tát khác, vì khởi tâm sân hận, khinh mạn, không thể thành khẩn mong cầu sám hối, cho dù muốn tu hành những công đức khác, hy vọng có thể trừ được những tội

³³ Đại Chánh tập 25, trang 604 b9~c17.

lỗi như thế, nhưng Đức Phật dạy: “Tội đó không thể hết”. Vì sao vậy? “Vì ôm hận”. Cho nên nếu như tâm hận thù không bỏ, tu nhiều công đức, tội đó cũng không có cách nào tiêu được, tuy tu những phước đức khác, cũng đều không sạch được. Bởi vì tâm hận thù chưa trừ bỏ, làm những phước đức khác cũng không thanh tịnh. Vì không thanh tịnh, cho nên đạo lực không mạnh, không có sức mạnh để diệt vô số các tội lỗi, tội đó không có cách nào tiêu trừ, vì vậy không nên khởi ác tâm, sân hận tâm. Nếu người “muốn làm Phật, không bỏ Nhất thiết trí”, tức không bỏ tâm Bồ-đề, còn cuối mình thành khẩn mong cầu sám hối, thế còn phải bù những công đức mà vị Bồ-tát đó đã mất mới có thể được.

“Kinh Đại Bát-nhã” và “Đại Trí Độ Luận” đều nhắc đến điểm này, rất có giá trị cho việc cảnh giác tu hành của chúng ta, trên con đường tu hành, không nên nói là khởi những phiền não thô trọng, thậm chí không nên khởi tâm khinh mạn đối với người khác, vì đó là gieo nhân xa rời Phật đạo. Nếu chúng ta chỉ vì cái vui một thời, thì đã xa rời Phật đạo, không biết phải mất bao nhiêu thời gian, tinh thần, mới có thể bù đủ những công đức trước kia đã mất, thực tại là được một mất mười!

Hôm nay đem vài đoạn Kinh cùng mọi người thảo

luận!

TỰ LỢI LỢI THA

“Thập Trụ Tỳ Bà Luận” nói “cộng lợi mới là thượng nhân”, cộng lợi đó là tự lợi lợi tha; nhưng “Đại Trí Độ Luận” nói “chỉ có lợi tha mới là thượng nhân”, như thế hai bộ Luận này có gì mâu thuẫn hay không, hay là điểm xuất phát chính không đồng, chúng ta chủ yếu thảo luận vấn đề này.

I. “Thập Trụ Tỳ Bà Luận” quyển 1³⁴

“Trên đời có bốn loại người: một là tự lợi, hai là lợi tha, ba là cộng lợi, bốn là không cộng lợi”. Ở đây nói đến bốn loại người, trong đó lấy “cộng lợi là thực hiện từ bi lợi ích cho tha nhân, gọi là thượng nhân”. Thượng nhân là người thực hiện tự lợi lợi tha. Song chúng ta nên chú ý định nghĩa về “cộng lợi”, là nhấn mạnh “thực hiện từ bi lợi ích cho tha nhân”. Hay nói cách khác, cộng lợi là ưu tiên lợi tha trước, từ trong lợi tha thì chính mình đạt được tự lợi. Ví dụ như, bạn xịt nước hoa cho người khác, thì chính mình cũng có thơm lây. Lợi tha như thế, thì tự mình cũng có phần lợi ích.

II. “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 7³⁵

“Chuyện thế gian không buồn vui, xả bỏ phần tự lợi,

³⁴ Đại Chánh 26, trang 20b26~b28.

³⁵ Đại Chánh 26, trang 56a12~b2.

luôn tinh cần thực hành lợi tha, biết ơn cảm ơn. Việc thế gian là lợi suy, hủy báng danh dự, ca ngợi chê trách, khổ vui, ở trong các việc này tâm không hề buồn”. Dưới đây sẽ giải thích cụ thể, “chuyện thế gian” chính là các việc trong đời như “lợi suy, hủy báng danh dự, ca ngợi chê trách, khổ vui”, thường cho đó là tám ngọn gió. Tô Đông Pha nói về “tám ngọn gió thổi không lay động”, không phải chỉ Đông Tây Nam Bắc, mà “tám ngọn gió” lợi suy, hủy báng danh dự, ca ngợi chê trách, khổ vui. “Xả bỏ tự lợi, tinh cần thực hành lợi tha, Bồ-tát chưa từng quen biết, chưa từng có nhân duyên với họ, nhưng họ thực hành thiện, thì xả bỏ tự lợi, hỗ trợ việc thiện của họ”. Bồ-tát trước đó chưa quen biết họ, không có nhân duyên đặc biệt gì, cũng xả bỏ lợi ích để làm lợi ích tha nhân. Dưới đây có các vấn đề.

“Hỏi rằng: bỏ tự lợi tinh cần thực hành lợi tha, việc đó không thể”. Người ngoài đưa ra lời chất vấn: Muốn lợi tha, tại sao phải xả bỏ tự lợi? “Như Đức Phật nói: tuy là lợi ích cho người rất nhiều, nhưng không xả bỏ tự lợi. Như nói: xả bỏ một người để thành tựu nhà, xả bỏ một nhà để thành tựu một xóm làng, xả bỏ một xóm làng, để thành tựu một quốc gia, xả bỏ một quốc gia để thành thân mình, xả bỏ thân mình để thành tựu chánh pháp”.

Xả bỏ một người để thành tựu một gia đình, hình như xả bỏ nhỏ một chút để thành tựu càng lớn hơn, xả bỏ một nhà để thành tựu một xóm làng, xả bỏ một xóm làng để thành tựu một quốc gia. Từ đó cho thấy, xả bỏ một người không phải là xả bỏ chính bản thân mình, có thể là “chết bạn còn mình thì sống”. Cho đến xả một quốc gia để thành tựu chính mình, cũng là vì cá nhân, xả bỏ cá nhân để thành tựu chánh pháp.

Câu nói này có thể là rút ra từ “Kinh Tăng Nhất A-hàm” quyển 31 có một câu nói: “*Vì gia đình hy sinh một người, vì xóm làng hy sinh một gia đình, vì quốc gia hy sinh một xóm làng, vì thân mình mà hy sinh thế gian*”³⁶. Chỉ có nói đến đây, còn câu “xả bỏ thân mình để thành tựu chánh pháp” không có nhắc đến. Tôi hiện tại không xác định “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” dẫn dụng câu Kinh này, có phải là trích từ “Kinh Tăng Nhất A-hàm”. Kinh này miêu tả câu chuyện sợi dây chuyền bằng ngón tay của Tỳ-kheo Ương-quật-ma-la. Câu chuyện này tôi nghĩ rất nhiều người đã nghe qua.

Ương-quật-ma-la là con quỷ giết người, sau đó xuất gia với Đức Phật, chứng quả A-la-hán. Trước đây là ngoại đạo, thầy của ông là một Bà-la-môn ngoại đạo tà

³⁶ Đại Chánh tập 2, trang 722c2-3.

kiến, nói: “sau khi con giết được một ngàn người, thì có thể được sanh lên trời”. Hấn đã giết được rất nhiều người, sau khi giết người rồi đem chặt đầu ngón tay xỏ thành vòng hoa đeo cổ. Cuối cùng, sau khi giết được chín trăm chín mươi chín người, vẫn còn thiếu một người, hấn đi tìm khắp nơi nhưng không có ai. Lúc đó mẹ hấn đem cơm cho hấn, hấn nghĩ: “Chỉ còn lại một người này”. Rồi muốn giết mẹ của hấn. Vì hấn nghe thầy ngoại đạo nói, giết mẹ có thể sanh lên cõi trời cao hơn. Lúc hấn muốn giết mẹ, đột nhiên Phật lại xuất hiện. Lúc Phật xuất hiện, hấn vẫn chưa thấy, chỉ thấy luồn ánh sáng chiếu lòa. Lúc ban đầu rất lo lắng, nghĩ rằng nhà vua dẫn binh lính muốn giết hấn, vì vậy là ánh sáng của gươm dao. Nhưng hấn lại nghĩ chắc không phải. Nếu như nhà vua dẫn quân lính đến, thì chim thú ở đây nhất định rất sợ hãi chạy trốn, nhưng chúng nó hót âm thanh rất dịu dàng, thánh thót. Vậy cuối cùng là ánh sáng gì? Mẹ hấn biết đây là Đức Thế Tôn, bèn nói: “Đức Phật đến rồi”. Hấn nghĩ: “Vậy càng tốt!” Ngoại đạo nghĩ rằng: “Phật giống như Chuyển Luân Thánh Vương rất khó xuất hiện ở đời, nếu có thể giết Phật, thì càng sanh lên cõi trời cao hơn”. Hấn bèn hắt mẹ một bên, chuyển qua đuổi theo Phật. Nhưng càng chạy càng cách xa, vĩnh viễn đuổi không kịp, cuối cùng hấn hét lên: “Dừng ngay lại! Dừng ngay lại!”.

“Ta đã dừng, do người không dừng”. Ta đã ngừng lại, chỉ là người tự mình chưa có dừng thôi. Ương-quật-ma-la trong tâm nghĩ, đây nhất định không phải là người thường, liền tự sám hối giác ngộ. Ông ta liền theo Đức Phật xuất gia, sau đó chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, vì từ trước đã giết hại quá nhiều, nên mọi người hận ông ta, lúc đi khát thực, không ai bố thí thức ăn, mà còn dùng dao gậy đá gạch hành hạ ông, nhưng ông ta vẫn nhẫn chịu. Có người thắc mắc: “Đồ giết người xấu xa này, sao Đức Phật còn giáo hóa? Ông ta có lợi căn gì mà mau chứng quả A-la-hán”? Nhân cơ hội này đức Phật nói về nguồn gốc của Ương-quật-ma-la.

Ương-quật-ma-la đời trước là một vương tử. Có một vị Quốc Vương về già vẫn chưa có con trai, đi khắp nơi đến thần cây, thần thổ địa, thần núi để cầu, sau mới cảm được đứa con này. Quốc Vương nghĩ: “Ta đã già rồi, phải mau cưới vợ cho nó để có cháu”. Vương tử tới lúc lớn tuổi vẫn chưa muốn lập gia đình. Quốc Vương rất lo lắng, muốn tìm người có biện pháp khiến cho Vương tử sinh hoạt bình thường như người thế tục, ta liền ban thưởng cho người đó. Tiếp có một đoạn nữa, câu chuyện này mọi người tự xem. Vương tử sau khi sống cuộc đời thế tục, có quá nhiều cô gái bị lạm dụng, nên họ muốn báo thù. Họ liền đi tìm Quốc Vương và nói: “Bây giờ có hai con

đường để chọn, nếu Ngài muốn bảo toàn tính mạng thì phải giết Vương tử, còn nếu bảo toàn tính mạng của Vương tử thì chúng tôi sẽ giết Ngài”. Ở thời điểm chọn lựa đó, Quốc Vương nói: “Xả một quốc độ để thành tựu thân”.

“Xả một quốc độ để thành tựu thân” là nói ra trong lúc này, câu tiếp “xả bỏ thân mình để thành tựu chánh pháp”, không thấy có ở trong “Kinh Tăng Nhất A-hàm”. Nếu như chỉ coi một câu “xả một quốc độ để thành tựu thân”, đứng ở góc độ phàm phu, thì cuối cùng vẫn tiếc nuối sanh mạng của mình. Người ngoài trích dẫn đoạn này, muốn thành lập riêng chủ trương: “khi muốn lợi ích cho người khác, không nên xả bỏ lợi của mình”. Họ đã trích dẫn một đoạn “như Phật nói: tuy vì lợi ích của nhiều người, không nên xả bỏ lợi ích của chính mình”. Cho rằng đoạn này là ý của Phật.

Song, xem xét kỹ “Kinh Tăng Nhất A-hàm” thật ra những lời này không phải Phật nói. Người ngoài muốn lợi dụng một đoạn như vậy ở trong Kinh để thành lập riêng chủ trương của mình: “muốn lợi ích người khác, có thể không cần xả bỏ lợi ích của mình”. Chủ yếu là họ muốn thành lập luận đề này, vậy thì người ngoài lại nói: “trước tiên làm lợi chính mình, sau đó mới làm lợi

người khác,” sau khi chúng ta lợi ích cho mình mới làm lợi ích cho người khác. Nếu như xả lợi ích của mình mà làm lợi ích cho người, “sau đó sinh hối hận” cuối cùng có thể mình hối hận. “Xả bỏ tự lợi lợi tha, tự cho mình là có trí huệ”, nếu như chúng ta tự cho là có trí huệ, vậy thì chúng ta ở trong thế giới này “là người ngu si nhất”. Đây là quan điểm của người ngoài, vậy chúng ta xem Bồ-tát Long Thọ trả lời như thế nào.

“Đáp: ở trong thế gian, mong cầu lợi ích vì tha nhân, được xưng tán là thiện, tâm kiên cố như vậy. Huống gì việc làm của Bồ-tát, vượt qua thế gian. Nếu lợi tha, tức là tự lợi”.

Ở đây Bồ-tát Long Thọ đứng ở một góc độ khác nhìn, nếu như chúng ta hành lợi tha, kỳ thật tự mình đã được lợi rồi. “Bồ-tát đối với việc của tha nhân, tâm ý không có sai khác”, câu nói này rất quan trọng, tức là Bồ-tát lúc tự lợi lợi tha, khi đối diện với sự chọn lựa, có rất nhiều người trước lo cho mình, lo cho mình xong rồi, sau đó còn sức lực của cải mới lo cho người khác. Nhưng chúng ta chú ý câu nói này của Bồ-tát Long Thọ: “Bồ-tát đối với việc của tha nhân, tâm ý không có sai khác”, tức là khiến bạn lúc đối diện thời điểm quan trọng, khi đối diện sự lựa chọn, việc lợi tha tuyệt đối không có bị giảm bớt.

“Phát tâm bồ-đề, lợi tha tức tự lợi. Ý nghĩa này trong phân Sơ phẩm đã nói rõ.”

Phần trên có nhắc đến tự lợi, cộng lợi gọi là thượng nhân, ở đây không nói cụ thể nữa. Có một vài câu văn trong “Đại Trí Độ Luận” nói về tự lợi lợi tha, chúng ta cùng nhau so sánh.

III. “Đại Trí Độ Luận” quyển 95³⁷

“Hỏi rằng: ngoài ra có nói Bồ-tát tự lợi ích, cũng lợi ích chúng sanh”, ở các chỗ khác có nói Bồ-tát tự lợi, vẫn có lợi ích chúng sanh, song tại sao ở đây “chỉ nói lợi ích chúng sanh, không nói tự lợi? Tự lợi lợi tha có gì sai lầm?” Chỉ nói thuần túy lợi ích chúng sanh, mà không nói tự lợi. Chúng tôi nói tự lợi lợi tha có gì sai lầm? Chúng ta xem Bồ-tát Long Thọ trả lời.

“Trả lời: Bồ-tát thực hành thiện đạo vì tất cả chúng sanh, đây là ý nghĩa chơn thật”; Bồ-tát thực hành thiện pháp, vì chúng sanh, không phải vì lợi ích của riêng mình. Vì vậy thành tựu Chánh giác, họ cũng vì chúng sanh; chứ không phải muốn tôi cao hơn người Nhị thừa, nên mới thành tựu Chánh giác, họ không có tâm so sánh cao thấp. “Có chỗ nói tự lợi, cũng lợi ích chúng sanh, là vì phạm phu mà nói, sau đó khuyến họ thực hành Bồ-tát

³⁷ Đại Chánh tập 25, trang 726b26~c23.

đạo”. “Đại Trí Độ Luận” nói rất rõ ràng, trong Kinh có chỗ nói tự lợi lại lợi ích chúng sanh, đây là phương tiện thiện xảo dẫn dắt người phàm phu. Vì sao phải như vậy? Vì một người khi mới bắt đầu, nếu như cố gắng rất nhiều, bản thân không có chút gặt hái gì, người bình thường không dễ gì làm được. Vì vậy khi mới bắt đầu, nếu nói tự lợi có thể lợi tha, đó là việc vui sao lại không thực hiện? Có dẫn dắt như vậy, sau mới có thể hành Bồ-tát đạo.

Dưới đây phân biệt cụ thể: “Người vào đạo có hạng người bậc thượng, trung, hạ. Hạng người bậc hạ chỉ vì tự độ mà thực hành thiện pháp; hạng người bậc trung vì mình và vì người; hạng người bậc thượng chỉ vì tha nhân mà thực hành thiện pháp”. Vì vậy theo lập trường của Bồ-tát Long Thọ, thuần túy lợi tha mới là chơn chánh thượng nhân; nếu như có một chút vì mình, cao nhất là “trung”.

Người ngoài đương nhiên không cho là như vậy, “hỏi rằng: việc đó không như vậy! Hạng người bậc hạ là chỉ vì chính mình”; điều này không có vấn đề gì. “Hạng người bậc trung là chỉ vì chúng sanh”; người ngoài cho là bạn chỉ vì lợi ích chúng sanh, đây là hạng người bậc trung; “hạng người bậc thượng là tự lợi cũng lợi tha nhân”. Nếu như chỉ là lợi tha, không thể tự lợi, thì sao là

hạng người bậc thượng? Phần đông người đều có cách nghĩ như vậy.

Bồ-tát Long Thọ trả lời: “Không phải như thế! Pháp thế gian cũng vậy, tự cúng dường cho chính mình không được phước báo đó”, chúng ta từ thế gian pháp lại xem, tự mình cúng dường bản thân không có gì phước báo, phước báo của chúng ta thật sự là làm lợi ích chúng sanh, mới là phước báo chân chính. Bạn thích ăn đều để dành lại cho mình ăn, thì có phước báo gì chứ? Đối với chúng sanh không có lợi ích nào, thì làm gì có phước báo. “Tự hại mình thì đâu có tội”; câu nói này phải tư duy thêm. Ví dụ nói: chúng ta thọ giới lấy nghiệp sát trong các giới sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu để nói, thật sự phạm giới sát, cần phải đầy đủ các điều kiện: thứ nhất, khởi lên tâm sát; thứ hai, đối phương là chúng sanh; thứ ba, nghĩ đó là chúng sanh. Có khi vốn là chúng sanh, nhưng bạn cho là khúc gỗ, không biết đó là chúng sanh, vậy chưa đủ; thứ tư, dùng phương pháp, như dao gậy, thuốc độc, đào hầm hố v.v...; thứ năm, đoạn đi tính mạng. Có khi chỉ là giết nhưng chưa thành mà thôi. Các điều kiện như vậy hội đủ, mới phạm giới sát.

Năm loại giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di v.v... đây là giới thọ suốt đời, giới thể này tồn tại theo thân mạng. Lấy

tự sát lại nói, đương nhiên trong Phật giáo không tán thành việc tự sát, nhưng A-la-hán (các việc làm đã xong thì ngoại lệ). Có người tự sát, sau khi đoạn mất mạng căn, thì giới thể cũng mất đi. Vì vậy từ giới pháp của người xuất gia để phán đoán, người tự sát, người cố ý giết những chúng sanh khác, đó là phạm Ba-la-di, nhưng tự giết không có phạm Ba-la-di, không phải hoàn toàn không phạm, là phạm tội ngu si. Từ ý nghĩa này, thì “tự hại mình thì đâu có tội”, tội không có nặng như Ba-la-di. Cũng vậy, chúng ta cúng dường Phật có công đức rất lớn, cúng dường tự mình thì không có công đức gì cả. “Vì vậy, vì tự thân mà hành đạo, gọi là hạng người bậc hạ. Tất cả người trong đời chỉ vì tự lợi cho mình, không vì lợi tha; nếu vì tự thân mà hành đạo, là bị giảm bớt, vì ái trước chính mình”; vì tự mình tham ái bản thân, thực hiện đến đây thì dừng, nên chỉ là hạng người bậc hạ.

Phần dưới này nói đến hạng người bậc thượng, “nếu tự mình xả bỏ lợi lạc, chỉ vì tất cả chúng sanh mà hành thiện pháp, thì họ là hạng người bậc thượng”, đó là thuần túy lợi tha, là vì khác với tất cả chúng sanh. “Nếu chỉ vì tất cả chúng sanh mà hành thiện pháp, chúng sanh chưa thành tựu xong, tự lợi đã được đầy đủ”, chúng ta thuần túy vì chúng sanh mà hành các thiện pháp, tức chúng sanh chưa có thành tựu, tự lợi của chúng ta kỳ thật đã đầy

đủ rồi; vì vậy chúng ta đang làm các việc thiện, người khéo léo kỳ thật lúc tu phước báo cũng có thể tu Không huệ. Ví dụ như ngày 17 tháng 09 năm 2001 có rất nhiều nơi xảy ra lụt lội, nhà mình đã ngập nước, song còn ra ngoài cứu những người khác, trong lúc khốn khổ làm lợi ích như vậy, bản thân không phân biệt giữa anh và tôi. Mà cũng không đợi họ cần tôi mới đến cứu, rồi biểu hiện rất kiêu ngạo. Nếu như cảnh giác tới điểm này mà phá trừ ngã tướng, tham sân v.v.. các thứ chấp trước, thì trong lúc tu phước báo có thể kiêm tu Không huệ, thì thật là phước huệ song tu. Vì vậy, khi lợi ích chúng sanh, mà có thể tu phước huệ, kỳ thật tự lợi đã đầy đủ, có phước lại có huệ.

Tiếp theo, “nếu tự lợi ích, lại vì chúng sanh, thì đó là tạp hành”. Tạp hành là hỗn tạp, không phải hoàn toàn lợi tha một cách thuần túy.

Cũng vậy, “có ba loại người cầu Phật đạo: Một là (hạng người bậc hạ) chỉ vì ái niệm Đức Phật, tự mong muốn bản thân thành Phật. Hai là (hạng người bậc trung) vì chính bản thân cũng vì chúng sanh. Ba là (hạng người bậc thượng), chỉ vì chúng sanh, là người thanh tịnh hành đạo, phá ngã diên đảo”.

Đoạn dưới này là hình dung bậc thượng nhân:

“Là khi Bồ-tát hành bát-nhã ba-la-mật, không có

chúng sanh cho đến không có tri giả, không có kiến giả”, chính là không có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả tướng, “an trụ trong đó, đưa tánh cam lộ cứu giúp chúng sanh” đây là lợi ích chúng sanh. “Tánh cam lộ là tất cả pháp trợ đạo. Tại sao vậy? Vì thực hành pháp ấy đạt được Niết-bàn, Niết-bàn có tên gọi là cam lộ”. Tất cả pháp trợ đạo bao quát rất nhiều, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát v.v... đều là pháp trợ đạo. “Đạo” nghĩa khác là “bồ-đề”, ba mươi bảy đạo phẩm dùng văn tiếng Phạn hoặc Pali là pháp ba mươi bảy bồ-đề phần, vì vậy chữ “đạo” của tiếng Trung tuy có nghĩa là con đường, nhưng cũng có nói “bồ-đề” có ý nghĩa là “chánh giác”, “pháp trợ đạo” tức là pháp trợ giúp bồ-đề. “An trụ trong tánh cam lộ, vọng tưởng về ngã v.v... không tái sanh khởi”. Chính là không có nhân ngã kiến. “Là Bồ-tát tự đạt được vô sở trước, cũng khiến chúng sanh đạt được vô sở trước, gọi là lợi ích chúng sanh đệ nhất”, đây là lấy ba loại tâm tương ưng, lấy chí cầu vô thượng bồ-đề là chí nguyện, đại bi đi đầu, và vô sở đắc làm phương tiện.

Chúng ta so sánh từ hai bộ luận này, “Đại Trí Độ Luận” toàn nhấn mạnh lợi tha là bậc thượng nhân, mà còn nhấn mạnh hơn khi lợi ích chúng sanh không có chấp trước, không có sự khác biệt giữa ngã và nhân. Nhưng chúng ta thấy “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” không đặc biệt

nhấn mạnh khi lợi ích chúng sanh không chấp trước, mà nhấn mạnh kết quả, bạn không tự hại mình, cũng không hại người khác, mà hai bên cùng có lợi, là từ chỗ lợi ích này mà xét. Vì vậy về mặt chữ nghĩa hình như không giống, trên sự thật hai bộ Luận nhấn mạnh điểm quan trọng không giống nhau, nhưng không có mâu thuẫn, điểm này hy vọng mọi người hiểu rõ.

VI. Pháp sư Ấn Thuận “Bảo Tích Kinh Giảng Ký” (trang.152)

“Bồ-tát tuy lấy lợi tha làm chính”, không phải nói hoàn toàn lợi ích chúng sanh, mà làm hại đến mình, một chút lợi ích cũng không có, hoặc tự mình thành nhân, không phải như vậy, trên thật tế “tự lợi lợi tha hỗ tương thành tựu. Như quảng tu đại chánh hạnh, đều có lợi ích với chúng sanh. Mà hiện tại muốn nói phương tiện giáo hóa, đều là tự mình tu tập đạt được”. Chúng ta đều hy vọng tự lợi như thế nào, thì cũng đi lợi tha như thế đó, “do đó Bồ-tát là trong nguyên tắc lợi tha làm đầu, để thực hiện tự lợi lợi tha, thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh”.

V. Pháp sư Ấn Thuận “Bảo Tích Kinh Giảng Ký” (trang 275)

“Bồ-tát tu học Phật pháp, là vì chúng sanh”. Khi

chúng ta muốn làm lợi ích chúng sanh, thì mình phải gương mẫu, như mình không làm tấm gương tốt, mà chỉ hy vọng người khác lo tu học Phật pháp, thì không dễ khiến cho mọi người sanh tín tâm. Vì vậy chúng ta “muốn lợi ích chúng sanh, thì cá nhân phải tu trì ngộ nhập”, tự đối trị phiền não của mình. Vì vậy “Bồ-tát là vì lợi tha mà tự lợi, từ trong lợi tha hoàn thành tự lợi”, nếu như chỉ chuyên lo cho mình, thì đó không phải phong cách của Bồ-tát mà là Thanh văn.

Vì vậy, Thanh văn và Bồ-tát, không phải nói tất cả Thanh văn đều không có lợi tha, mà khi bắt đầu, Thanh văn chủ yếu ở tự lợi, sau khi chứng ngộ, tùy duyên mới lợi tha, đây là phát tâm của Thanh văn. Nhưng Bồ-tát không cầu mình chứng ngộ trước, mà lợi ích chúng sanh trước. Từ trong lợi tha tự mình dần thể nghiệm lĩnh hội tánh Không, tu phước báo, trí huệ, từ trong lợi tha thành tựu mình. Trong tác phẩm “Học Phật Tam Yếu” và “Ngã Chi Tôn Giáo Quán” có đoạn giải thích rất hay, mọi người tự tham khảo trong “Ngã Chi Tôn Giáo Quán” từ trang 62 đến trang 65; trong “Học Phật Tam Yếu” bài ‘Tự Lợi Với Lợi Tha’ từ trang 141 đến trang 154.

VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA

I. Tam thừa đều nhập vô dư Niết-bàn, Bồ-tát sao phải cần khổ tu học Thập địa, không như Nhị thừa sớm chứng giải thoát?

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói Thanh văn, Duyên giác và Phật ba thừa Thánh giả này đều có thể đoạn tận phiền não, cũng đắc vô dư Niết-bàn; đã là không có khác nhau, vậy thì Bồ-tát hà tất phải trong hằng sa đại kiếp qua lại trong đường sanh tử tu học Đại thừa?

Như “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1 nói: *“Hỏi: Tam thừa tu học đều vì vô dư Niết-bàn, nếu vô dư Niết-bàn không có gì khác nhau, ta và mọi người tại sao phải mất số đại kiếp nhiều như cát sông Hằng qua lại trong đường sanh tử đầy đủ Thập địa, không như Thanh văn, Bích Chi Phật thừa sớm diệt các khổ?”*³⁸

Trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói “Tam thừa tu học đều vì vô dư Niết-bàn”, theo “Kinh Bát Nhã” cũng vậy: “Ba thừa đều nhập vô dư Niết-bàn”; nhưng cũng có Kinh Luận nói: “Bồ-tát không trụ ở Niết-bàn”; liên quan

³⁸ Đại Chánh tập 26, trang 20b15~19.

đến vấn đề này, các bộ Kinh Luận có những cách nói khác nhau. Ở “Kinh Bát Nhã” và Bồ-tát Long Thọ trên cơ bản là chủ trương “Ba thừa đều nhập vô dư Niết-bàn”.

Liên quan đến “nhập vô dư Niết-bàn”, trong Kinh Luận thường thấy ví dụ: nhập vô Niết-bàn, giống như nước ở các sông ngòi chảy vào biển lớn đều đồng một vị mặn.³⁹ Căn cứ vào ví dụ nhập Niết-bàn như thế, thì Niết-bàn là tâm ý hành động đều diệt, ngôn ngữ đều dứt, không còn có thể phân biệt ai Niết-bàn cao, ai Niết-bàn thấp nữa.

Từ Nguyên thủy Phật giáo đến nay, Kinh điển giải thích Niết-bàn, đại bộ phận đều dùng từ phủ định như: “không đến, không đi, không có, không vô, không sanh, không diệt” v.v., dùng phương thức vẽ áng mây hồng

³⁹ 1. Pháp sư Ấn Thuận “Học Phật Tam Yếu” bài ‘Phật giáo chi Niết-bàn quán’ trang 123: Đã đắc được Niết bàn, như cục đá lạnh nhỏ lớn bỏ vào biển lớn sao còn có thể phân biệt gì! Đến bờ Niết-bàn, tất đồng một vị, bình đẳng bình đẳng. Trong Kinh nói: “Diệt là không thể lường”. Niết-bàn (diệt) không có phân lường, không có thời gian và không gian để phân lường so sánh. Trong bình đẳng pháp tánh hải như thế, không thể phân biệt, không thể dùng các việc trong đời để so sánh: như phân biệt từng chủng loại, nặng nhẹ, dài ngắn.

2. Pháp sư Ấn Thuận “Ấn Độ Phật Giáo Tư Tưởng Sử” trang 96: Niết-bàn là siêu vượt bình thường, không có chủ thể và đối tượng, không có tướng trạng thời gian và không gian, không có số lượng hay đây kia (gần với kinh nghiệm siêu việt), không thể lấy tâm tư ngôn ngữ biểu thị. ... Từ Niết-bàn, chân như, pháp giới v.v tức là tất cả mà vượt qua tất cả, không có sự khác nhau để diễn đạt, do đó nói “pháp môn không hai”, “nhất chơn pháp giới”. ... Lấy ví dụ: “muôn ngàn sông suối, đều có tên riêng, cuối cùng chảy về biển lớn, đều cùng một vị mặn.” “Kinh Tu Chân Thiên Tử” quyển 4, Đại Chánh tập 15, trang 111a; “như thân có các loại màu sắc, nhưng khi đến bên núi chúa Tu di, đều đồng một màu.” Ma-ha Bát nhã ba la mật kinh” quyển 21, Đại Chánh tập 8, trang 369c.

trước mặt trắng để biểu đạt “Niết-bàn”, mà không trực tiếp nói Niết-bàn là như thế nào. Nếu tích cực biểu hiện, chúng sanh rất dễ sanh chấp trước, lại tưởng tượng Niết-bàn cuối cùng là cái gì. Vì vậy thường nói, Niết-bàn đã là không thể nghĩ, không thể bàn, thì tưởng tượng không ra, không thể dùng ngôn ngữ biểu đạt. Niết-bàn có đặc tính như vậy, nên không luận là Thanh văn, Duyên giác, Phật, đều nhập vô dư Niết-bàn, thì không có cách nào so sánh được, không có sự khác nhau cao thấp. Nếu nhất định muốn nói Thanh văn, Duyên giác, Phật có sự khác nhau, thông thường hay dẫn ngữ từ khác đến để biểu đạt, một là “Niết-bàn”, đây là từ chung của Tam thừa, ngoài ra “vô thượng bồ-đề”, là từ dùng riêng cho Đại thừa. Đã là vô dư Niết-bàn thì bản thân nó là không có sự khác nhau.

Vì vậy có người hỏi: Nếu như vô dư Niết-bàn không có sự khác nhau, chúng ta mất số đại kiếp nhiều như số cát sông Hằng để qua lại trong đường sanh tử? Một đại kiếp đã đủ dài rồi, nếu như đại kiếp nhiều như số cát sông Hằng, thì càng nhiều nữa! Nếu qua lại đường trong sanh tử nhiều như vậy, tu học Bồ-tát thập địa⁴⁰, thì quá cực khổ, quá khó rồi, không như Thanh văn, Bích chi

⁴⁰ “Kinh Hoa Nghiêm” Bồ tát thập địa: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiên huệ địa, Pháp vân địa.

Phật thừa mau diệt các khổ, sớm được giải thoát!

2. Tất cả Thanh văn, Bích chi Phật đều từ Phật mà có, nếu không có chư Phật thì từ đâu có?

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói tiếp:

“Đáp: là lời nói nhu nhược, chẳng phải lời có ích cho đại bi. Nếu như các vị Bồ-tát học theo đó, không có ý nguyện từ bi, không tinh cần tu Thập địa, thì hàng Thanh văn, Bích chi Phật từ đâu để được hóa độ, cũng không có được sự khác nhau của ba thừa. Tại vì sao vậy? Tất cả Thanh văn và Bích chi Phật đều từ Phật mà có, nếu không có Phật, thì họ từ đâu mà có? Nếu không tu Thập địa, làm sao có chư Phật? Nếu không có chư Phật, thì không có Pháp và Tăng. Vì thế lời nói đó, làm đoạn mất hạt giống Tam bảo, chẳng phải lời nói của người có trí tuệ, không cần nghe và suy nghĩ. Tại sao như vậy? Trong đời có bốn hạng người: Một là tự lợi, hai là lợi tha, ba là tự lợi lợi tha, bốn là không tự lợi lợi tha. Trong đó tự lợi lợi tha là thực hiện từ bi lợi ích cho tha nhân, gọi là hàng thượng nhân.... Như vậy giải thoát phiền não giữa Thanh văn, Bích chi Phật và Phật tuy không có gì khác nhau, song hóa độ vô lượng chúng sanh, trú trong sanh tử lâu dài, đạt được nhiều lợi ích, đầy đủ Bồ-tát Thập địa, thì điều này có khác nhau

lớn”.⁴¹

Bồ-tát Long Thọ trả lời rất nghiêm túc: “Là lời nói nhu nhược, chẳng phải lời có ích cho đại bi”. Nếu như chư Bồ-tát đều phát tâm Tiểu thừa giống như thế, không có ý chí từ bi, không thể tinh cần tu học Bồ-tát Thập địa, vậy thì Thanh văn, Bích chi Phật làm sao có thể được độ? Nếu như mọi người đều giống thế, chánh pháp từ đâu mà nghe? Mọi người chỉ cầu khai ngộ, thì ai hoằng pháp? Nếu như mọi người chỉ lo cho riêng mình, vậy thì Phật pháp làm sao có thể lâu dài?

Bồ-tát Long Thọ nói: “Tất cả Thanh văn và Bích chi Phật đều từ Phật mà có, nếu không có Phật, thì họ từ đâu mà có?”

Thanh văn là nghe âm thanh ngộ đạo; Bích chi Phật tuy nói khi không có Phật không thấy tự ngộ, nhưng thông thường: khi Phật ở đời họ đã trồng nhân duyên được độ, nhưng lúc đó chưa được giải thoát, cách mấy đời sau mới được giải thoát, khi Phật không có ra đời, thì họ là Bích chi Phật. Vì vậy trên căn bản Bích chi Phật cũng là từ nơi Bồ-tát trồng xuống nhân duyên mà được độ. Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ-đề không thấy tự ngộ, nói nghiêm túc thì đó là căn tánh Độc giác, nếu như

⁴¹ Đại Chánh tập 26, p.20b19~c23.

VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH
TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA

xem bốn sanh của Đức Thế tôn, như được Phật Nhiên Đăng thọ ký v.v... ít nhiều cũng có thể thấy Đức Thế tôn cũng từ Phật, Bồ-tát ở đời trước đã trồng xuống nhân duyên được độ.

Từ ý nghĩa này lại nói, là cần có người phát nguyện xả bỏ thân mình vì hoằng dương Phật pháp; nếu như mỗi người chỉ lo cho mình, không có ý nguyện từ bi độ chúng sanh, vậy mọi người làm sao có thể được độ? Giả sử không có cách nào nghe Phật pháp, không thể hiểu đạo giải thoát, đương nhiên là không có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, thì không có sự khác nhau của ba thừa.

Bồ-tát là phát tâm bồ-đề, từ từ tu học Thập địa thành Phật. Nếu như không có Bồ-tát tu học Thập địa, đương nhiên là không có Phật rồi! Nếu như không có “Phật”, đương nhiên cũng không có ai thể ngộ vô thượng diệu pháp, càng không có ai tổ chức “Tăng đoàn”! Vì vậy không có Phật, cũng là không có Pháp, không có Tăng, vậy là không có Tam bảo rồi. Nhân đây Bồ-tát Long Thọ nói: “Vì thế lời nói của ông, làm đoạn mất chủng tử Tam bảo, chẳng phải lời nói của người có trí tuệ, không cần nghe và suy nghĩ.” Câu nói này đầy sự nghiêm khắc. Ý nghĩa là: nếu như theo cách nói của ông, mọi người đều giống như thế không phát tâm bồ-đề, thì sự truyền thừa

Phật pháp đoạn tuyệt, phần đông chúng sanh trong luân hồi phải nên làm thế nào?

III. Từ trí huệ, từ bi nguyện lực, đoạn tập khí và công đức đầy đủ để xem sự khác nhau của Nhị thừa, Đại thừa

Thanh văn, Bích chi Phật và Phật, tuy “đoạn phiền não, đạt được giải thoát” không có gì khác, nhưng đứng ở những góc độ khác, thì vẫn có điểm không đồng.

1. Trí huệ: Tam thừa Thánh giả đều đoạn ngã chấp, chứng đắc “ngã không”, “bát nhã huệ” không khác bao nhiêu; song “phương tiện huệ” để độ hóa chúng sanh, đương nhiên là Bồ-tát thiện xảo hơn; vì Nhị thừa chú trọng ở giải thoát “cộng tướng”, mà Bồ-tát thâm nhập hiểu rõ “cộng tướng” ra, và nhân vì độ chúng sanh không đồng, tất phải đối với thiện xảo ứng dụng “biệt tướng” (tự tướng) phương tiện nhiều hơn.
2. Từ bi nguyện lực tuy A-la-hán sau khi chứng ngộ tùy duyên hóa độ chúng sanh, nhưng vì A-la-hán phiền não trong ba cõi đều đoạn tận, một khi nhập diệt thì không muốn trở lại đây thọ sanh nữa, dù họ rất tích cực độ chúng sanh, nhiều lắm cũng chỉ một đời. Còn Bồ-tát phát nguyện đối với vô lượng kiếp

VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH
TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA

ở trong sanh tử, lấy tâm đại bi độ vô lượng chúng sanh, thời gian đặc biệt dài, số lượng độ hóa chúng sanh cũng rất nhiều.

3. Đoạn phiền não, tập khí: Thanh văn, Duyên giác tu đoạn tận “phiền não”, nhưng tập khí chưa trừ 42; Phật không chỉ đoạn tận tất cả phiền não, mà còn đoạn tận tất cả tập khí.

4. Đầy đủ công đức: Phật đầy đủ công đức thập lực⁴³, tứ vô sở úy⁴⁴, thập bát bất cộng pháp⁴⁵, đại từ đại bi v.v..., đây là hàng Nhị thừa không có.

Tóm lại, rất nhiều người đề ra vấn đề này “cũng đồng là xuất tam giới đắc giải thoát, Bồ-tát hà tất phải cực khổ

⁴² “Đại Tỳ Bà Luận” quyển 16, Đại Chánh tập 27, trang 77a24~b4; “Đại Trí Độ Luận” quyển 27, Đại Chánh tập 25, trang 260c2~c25.

⁴³ Thập lực: 1. Xứ phi xứ trí lực, 2. Nghiệp dị thực trí lực, 3. Tịnh lực giải thoát đẳng trí đẳng chí trí lực, 4. Căn thắng liệt trí lực, 5. Chủng chủng thắng giải trí lực, 6. Chủng chủng giới trí lực, 7. Biến thú hành trí lực, 8. Túc trụ tùy niệm trí lực, 9. Sanh tử trí lực, 10. Lậu tận trí lực. Xem “Kinh Đại Bát Nhã” quyển 24 ‘Phẩm Tứ Nhiếp Thứ 78’ Đại Chánh tập 8, trang 395a10~18; “Đại Trí Độ Luận” quyển 24 Đại Chánh tập 25, trang 235c22~241b; “Đại Trí Độ Luận” quyển 25 Đại Chánh tập 25, trang 245c6~246a13; Pháp sư Ấn Thuận trước tác “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 421.

⁴⁴ Tứ vô sở úy: 1. Thuyết nhất thiết trí vô sở úy, 2. Thuyết lậu tận vô sở úy, 3. Thuyết tặc khổ đạo vô sở úy, 4. Thuyết chương đạo vô sở úy.

⁴⁵ Thập bát bất cộng pháp: 1. Thân vô thất, 2. Ngữ vô thất, 3. Niệm vô thất, 4. Vô dị tưởng, 5. Vô bất định tâm, 6. Vô bất trí dĩ trí, 7. Dục vô diệt, 8. Tinh tấn vô diệt, 9. Niệm vô diệt, 10. Huệ vô diệt, 11. Giải thoát vô diệt, 12. Giải thoát trí kiến vô diệt, 13. Trí trí quá khứ vô trước vô ngại, 14. Trí trí vị lai vô trước vô ngại, 15. Trí trí hiện tại vô trước vô ngại, 16. Thân nghiệp tùy trí huệ hành, 17. Ngữ nghiệp tùy trí huệ hành, 18. Ý nghiệp tùy trí huệ hành. Xem “Đại Trí Độ Luận” quyển 26, Đại Chánh tập 25, trang 247b~255b25; Pháp sư Ấn Thuận trước tác “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 422.

vô lượng kiếp lại tu học pháp Đại thừa”, chúng ta từ trong lời đáp án của Bồ-tát Long Thọ, có thể hiểu được tâm từ bi của Ngài, đã vì “không đành nhìn Thánh giáo suy, không nỡ thấy chúng sanh khổ”, mọi người cùng phát đại tâm!

THANH VĂN VÀ BÍCH CHI PHẬT CÓ KHÁC PHẬT KHÔNG?

Thông thường nói “Thanh văn và Bích chi Phật” là Nhị thừa, “Bồ-tát và Phật” là Đại thừa, thế thì cứu cánh A-la-hán và Bích chi Phật có khác Phật không?

1. Chỉ có chư Phật đoạn hết ba thứ chướng ngại: phiền não chướng, thiên định chướng, nhất thiết pháp chướng, gọi là vô ngại giải thoát

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1 nói:

“Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật đều đến bờ bên kia, ở trong sự giải thoát đó có khác nhau gì không?”

Đáp: vấn đề này cần nên phân tích, trong sự đoạn phiền não đạt giải thoát thì không có gì khác; vì giải thoát nhập vào vô dư Niết-bàn, trong đó cũng không có gì khác, đều là vô tướng. Song chư Phật giải thoát được thiên định chướng thâm sâu và nhất thiết pháp chướng, thì vấn đề này hàng Thanh văn và Bích chi Phật có khác, khó nói hết được, cũng chẳng thể dùng thí dụ để hiểu”.⁴⁶

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” đáp rằng: Nếu như hỏi đến sự giải thoát của Thanh văn, Duyên giác và Phật có

⁴⁶ Đại Chánh tập 26, trang 20b9~15.

khác nhau không, ở đây nên phân biệt trình bày: Nếu từ “phiền não chướng”, thì nhân vì Thanh văn A-la-hán, Bích chi Phật, Phật đoạn tận phiền não; đã nhập vô dư Niết-bàn đều là vô tướng, vì vậy cả ba không có gì khác nhau.

Nhưng ngoài “phiền não chướng” ra, còn có “thiền định chướng” và “nhất thiết pháp chướng”. Từ điểm này thì Thanh văn, Duyên giác và Phật so ra có khác. Chư Phật đạt được thiền định thâm sâu, không có chướng ngại thiền định; cũng triệt để chứng ngộ chúng sanh Không pháp Không, đối với chấp trước ngã, đối với chướng ngại nhất thiết pháp, Phật đều triệt để giải thoát, điều này hàng Nhị thừa không thể so sánh được.

Liên quan đến “phiền não chướng, thiền định chướng, nhất thiết pháp chướng”, trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 11 có dẫn đoạn văn rất tường tận:

“Vô ngại giải thoát là giải thoát có ba loại: Một là giải thoát phiền não chướng ngại. Hai là giải thoát định chướng ngại. Ba là giải thoát nhất thiết pháp chướng ngại. Trong đó Huệ giải thoát A-la-hán, đạt được giải thoát lìa phiền não chướng ngại. Cộng giải thoát A-la-hán và Bích chi Phật, đạt được giải thoát phiền não chướng ngại và giải thoát khỏi thiền định chướng ngại.

*Chỉ có chư Phật mới đạt được ba loại giải thoát phiền não chướng ngại, thiên định chướng ngại, nhất thiết pháp chướng ngại, tóm lại là tất cả ba loại giải thoát, nên chư Phật gọi là đạt được vô ngại giải thoát”.*⁴⁷

A-la-hán có hai loại: Một là huệ giải thoát A-la-hán, hai là cụ giải thoát A-la-hán. Huệ giải thoát A-la-hán có thể lìa phiền não chướng; cộng giải thoát A-la-hán là cụ giải thoát A-la-hán. Nếu định nghĩa nghiêm túc, thì cụ giải thoát A-la-hán là đầy đủ A-la-hán diệt tận định, họ đã đạt đến định tối cao rồi, không còn chướng ngại của thiên định nữa. Huệ giải thoát A-la-hán, như chỉ có đạt được Vị đáo định, họ đối với sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên vẫn còn có điều chướng ngại.

Cụ giải thoát A-la-hán và Bích chi Phật giải thoát “phiền não chướng” và “thiên định chướng”; chỉ có Đức Phật đầy đủ ba loại giải thoát. Từ phương diện “giải thoát phiền não chướng” không còn trở lại thế gian luân hồi, không tái sinh, ba bậc Thanh văn, Bích chi Phật và Phật là bình đẳng; nhưng từ phương diện “giải thoát nhất thiết pháp chướng” và các công đức độ chúng sanh v.v..., Thanh văn, Bích chi Phật và Phật đương nhiên là vẫn có khác.

⁴⁷ Đại Chánh tập 26, trang 83a24~b3.

Sự khác nhau của Thanh văn và Phật, thường dùng hai từ “Niết-bàn” và “vô thượng bồ-đề” để phân biệt. Vô thượng bồ-đề cũng chính là A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề, “Tâm Kinh Bát Nhã” cũng có câu nói này: “Bồ-đề tát-đỏa, y Bát nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn”. “Tam thế chư Phật, y Bát nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề”. Từ “Niết-bàn” thì ba thừa đều sử dụng chung, còn “vô thượng bồ-đề” là điểm đặc biệt của Đại thừa, đây là chỗ không đồng.

2. Đạo trí của Bồ-tát, bi nguyện độ vô lượng chúng sanh, các công đức của Phật, đều hơn Nhị thừa

Ngoài ra, “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” cũng có nói đến sự khác nhau của Thanh văn, Bích chi Phật và Phật. Như “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” quyển 1 “Tập ứng phẩm thứ 3” nói:

Xá-lợi-phất thưa Đức Phật: “Thế Tôn! Tất cả trí huệ của Thanh văn, như trí huệ của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích chi Phật, trí huệ Phật, là ở trong các loại trí tuệ đó không có gì khác nhau, đều không có trái ngược với tánh Không vô sanh. Nếu pháp mà không có trái ngược với tánh Không vô sanh, là pháp

đó không có khác nhau; tại sao Thế Tôn nói Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí huệ, vượt hơn Thanh văn và Bích chi Phật?”⁴⁸

Trí huệ đệ nhất Xá-lợi-phất thừa Thế Tôn, các vị đó đã chứng được giải thoát, đều thể nghiệm chúng sanh Không (ngã Không), thì không còn có gì khác nhau nữa! Nhưng sao Thế Tôn lại nói “Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí huệ, vượt hơn Thanh văn và Bích chi Phật?” Ngài rất nhạy cảm về việc trí huệ của Nhị thừa và Phật như nhau, tại sao Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật một ngày, lại hơn hàng Nhị thừa? Đức Phật trả lời:

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ý thầy nghĩ sao? Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí huệ, tâm niệm: ta hành đạo huệ lợi ích tất cả chúng sanh, nên đem nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, độ tất cả chúng sanh. Trí huệ của Thanh văn và Bích chi Phật, có việc như thế hay không?”

Xá-lợi-phất thưa: “Không có vậy! Thế Tôn!”⁴⁹

Những gì nói về “đạo huệ” ở đây là trí huệ Bồ-tát, đó là đạo trí, hoặc gọi là đạo chủng trí. Trong “Kinh Đại

⁴⁸ Đại Chánh tập 8, trang 222a10~15.

⁴⁹ Đại Chánh tập 8, trang 222a15~20.

Phẩm Bát Nhã, phẩm Tam Huệ” nói đến: Trí huệ Thanh văn là “nhất thiết trí”; trí huệ Bồ-tát là “đạo trí” hoặc là “đạo chủng trí”, ở đây gọi là “đạo huệ”; trí huệ của Phật là “nhất thiết chủng trí”.

Trí huệ của Thanh văn, thông thường chú trọng ở “cộng tướng” - cộng tướng của các pháp, như: vô thường, Không, vô ngã. Đạo trí của Bồ-tát, nhân vì hóa độ vô lượng chúng sanh, vì vậy biết các loại thiện xảo không giống nhau, đối với “biệt tướng”, cũng phải hiểu rõ, phải cần có các thứ thiện xảo phương tiện khác nhau.

Vì vậy Phật mới hỏi: “khi Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, muốn lấy đạo huệ làm lợi ích tất cả chúng sanh, tương lai còn phải đạt được nhất thiết chủng trí của Phật, biết tất cả pháp, độ tất cả chúng sanh. Thử hỏi Thanh văn, Bích chi Phật các ông có đạo huệ này không? Có phát nguyện muốn hóa độ tất cả chúng sanh không? Có muốn biết tất cả pháp tánh Không hay chẳng?” Xá-Lợi-Phất thành thật trả lời: “Thưa không! Thế Tôn!”

“Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” lại nói:

“Xá-lợi-phất! Ý thầy như thế nào? Các Thanh văn, Bích chi Phật có nghĩ như thế này: Ta khi chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, độ tất cả chúng sanh, khiến họ được vô dư Niết-bàn không?”

Xá-lợi-phất trả lời: “Thưa không! Thế Tôn!”⁵⁰

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Vi nhân duyên như thế, nên biết trí huệ của Thanh văn và Bích chi Phật, muốn so với trí huệ của Bồ-tát ma-ha-tát, không bằng một phần trăm, cho đến không thể nào dùng toán số để ví dụ được”.

“Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” nói:

“Xá-lợi-phất! Ý thầy như thế nào? Các Thanh văn, Bích chi Phật có nghĩ như thế này: Ta hành lục độ ba-la-mật thành tựu chúng sanh, trang nghiêm thế giới, viên mãn thập lực của chư Phật, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, độ thoát vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh, khiến họ đạt được Niết-bàn không?”

“Xá-lợi-phất trả lời: “Thưa không! Thế Tôn!”⁵¹

Phật lại hỏi: “Các hàng Nhị thừa có phát nguyện muốn thành tựu chúng sanh, muốn trang nghiêm cõi Phật không?”

Phật giáo nguyên thủy chú trọng giải thoát hữu tình, hóa độ chúng sanh; còn đối với thành tựu cõi Phật, kiến thiết thế giới Phật trang nghiêm, ít nói đến, Đại thừa nhắc đến nhiều hơn.

⁵⁰ Đại Chánh tập 8, trang 222a20~26.

⁵¹ Đại Chánh tập 8, trang 222a26~b2.

Phật lại hỏi: “Các ông có phát nguyện muốn đầy đủ các công đức của Phật không? Có muốn độ thoát vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh khiến đạt được Niết-bàn?” Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bát cọng pháp, đây đều là công đức của Phật. Phát nguyện muốn độ thoát vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh, mà không chỉ là độ một hai người. Nhân vì đạo trí của Bồ-tát, bi nguyện độ vô lượng chúng sanh, các công đức của Phật, bậc Nhị thừa đều không có các công đức đó, vì vậy chỉ có lặng im chấp nhận, trí huệ của Nhị thừa không bằng Bồ-tát hành bát-nhã-ba-la-mật trong một ngày.

3. Thanh văn hiểu về Không như “khoảng không của lỗ chân lông, Đức Phật Bồ-tát hiểu Không như “thái hư không”

Liên quan đến sự so sánh trí huệ của Nhị thừa và Phật, trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 35 đối với vấn đề đó có một đoạn giải thích:

Hỏi rằng: Đức Phật đã nói Bồ-tát ma-ha-tát tu trí huệ, vượt qua Thanh văn và Bích chi Phật, nay Xá-lợi-phất tại sao hỏi lại?

Đáp: không hỏi trí huệ về khả năng thế lực độ chúng sanh, nay chỉ hỏi trí huệ của Phật và đệ tử, thể tánh của

*pháp đó không có khác nhau. Vì trí huệ của chư vị hiền thánh, đều là trí huệ thật tướng các pháp, đều là trí huệ của Tứ đế và ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đều là xuất ly tam giới, nhập vào ba môn giải thoát, thành tựu quả huệ ba thừa, vì vậy nên nói, không có khác nhau.*⁵²

Xá-lợi-phất chủ yếu là chú trọng trên thể tánh trí huệ, chú trọng đoạn phiền não, xuất ly tam giới, đạt được giải thoát, vì vậy chủ trương trí huệ của ba thừa không có khác nhau.

Tiếp theo “Đại Trí Độ Luận” quyển 35 lại nói:

*Xá-lợi-phất muốn đem sự giải thoát của Tu-đà-hoàn, chư Phật và Bồ-tát cho là bằng nhau, Đức Phật không đồng ý. Ví dụ như có người, muốn lấy khoảng không của lỗ chân lông cho là bằng với khoảng không của hư không; vì như thế, Đức Phật chú trọng ở tính chất sự việc. Lại nữa, tuy cùng là một việc, nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Trước nói trí huệ, vì tất cả chúng sanh; nên nói các thầy có từng nghĩ, ta khi thành tựu chánh đẳng chánh giác, khiến tất cả chúng sanh đạt được vô dư Niết-bàn.*⁵³

Tuy Xá-lợi-phất cho rằng sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả Thanh văn Thánh giả đều chứng đắc giải thoát giống

⁵² Đại Chánh tập 25, trang 320c26~321a4.

⁵³ Đại Chánh tập 25, trang 322a8~14.

nhau. Sự trả lời của Phật là chú trọng ở Thanh văn có bi nguyện muốn độ hóa chúng sanh, có muốn hiểu rõ tất cả pháp đều Không, có phát nguyện muốn viên mãn tất cả công đức Phật? Hay nói cách khác, chúng ta nếu như đem trí huệ lại xem, một là “bát nhã huệ”, một là “phương tiện huệ”. Xá-lợi-phất cho rằng Tam thừa giống nhau, Ngài chú trọng ở phương diện ngã Không, bát-nhã Không; nhưng Đức Phật nhấn mạnh phương tiện thiện xảo hóa độ chúng sanh, hiểu rõ các loại biệt tướng, đây đương nhiên là hơn Nhị thừa.

Ở đây “Đại Trí Độ Luận” nêu lên một ví dụ: “Ví dụ như có người, muốn lấy khoảng không của lỗ chân lông cho là bằng với khoảng không của hư không”; Thanh văn hiểu về Không như “khoảng không của lỗ chân lông, Đức Phật Bỏ-tất hiểu Không như “thái hư không”, hiểu đều là “Không”, tuy “chất” thì như nhau, nhưng “lượng” không đồng. “Khoảng không của lỗ chân lông” và “khoảng không của hư không”, trong các tác phẩm của đạo sư Ấn Thuận thường sử dụng.

KHI NÀO MỚI ĐƯỢC GIẢI THOÁT THÀNH PHẬT

Trong các luận diễn “Đại Tỳ Bà Sa Luận”, “Đại Trí Độ Luận” và “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận”, nhắc đến vấn đề “người hàng Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa phải trải qua thời gian bao lâu mới đắc cứu cánh giải thoát, người tu Phật thừa phải trải qua bao lâu mới thành Phật đạo”.

I. Người hành Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, khi nào được độ qua biển lớn sanh tử?

1. “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 101

Theo con đường nhỏ hẹp mà đạt được giải thoát, gọi là thời giải thoát. Người tu theo con đường nhỏ hẹp đó, nhanh nhất là một đời trồng thiện căn, trong đời thứ hai thành thực, trong đời thứ ba đạt được giải thoát; ngoài ra không quyết định.

Theo con đường rộng lớn mà đạt được giải thoát, gọi là bất thời giải thoát. Người tu theo con đường rộng lớn đó, Thanh văn thừa nếu chậm nhất, thì trải qua sáu mươi kiếp đạt được giải thoát, như Ngài Xá-lợi tử.

Độc giác thừa, trải qua trăm kiếp đạt được giải thoát, như Lâm giác dụ.⁵⁴

⁵⁴ Đại Chánh tập 27, trang 525b14~20.

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” là luận thư thuộc Thuyết Nhất Thiết hữu bộ, ở đây nói đến: “Theo con đường nhỏ hẹp mà đạt được giải thoát, gọi là thời giải thoát”. “Thời giải thoát” là đợi khi gặp được thiện tri thức, nhân duyên khế hợp đầy đủ, họ mới được giải thoát, A-la-hán này đốn căn hơn. Ngoài ra một loại gọi là “bất thời giải thoát”, là lợi căn A-la-hán, có khả năng tự lực, nhân duyên bên ngoài ít tác động đến, đây gọi là “bất thời giải thoát”. Người tu theo con đường nhỏ hẹp đó, nhanh nhất là một đời trông thiện căn, trong đời thứ hai khiến nó thành thực, trong đời thứ ba đạt được giải thoát; đây là điều mà trong tác phẩm “Con đường Thành Phật” của pháp sư Ấn Thuận nói đến “gieo trồng, thành thực, giải thoát”. Ngoài ra, “theo con đường rộng lớn mà đạt được giải thoát, gọi là bất thời giải thoát”, hoặc gọi là “phi thời giải thoát”. Thanh văn thừa tu theo con đường rộng lớn này, chậm nhất là trải qua sáu mươi kiếp đạt được giải thoát, nhân vật đại biểu là Ngài Xá-lợi-phát.

Bích chi Phật thừa cũng là Độc giác thừa, độc giác phân thành hai loại: một loại là “lân giác dụ độc giác”, còn loại kia là “bộ hành độc giác”. Lân giác dụ độc giác chính là một mình tự tới tự đi, còn bộ hành độc giác có khi còn bạn đồng hành. Lân giác dụ độc giác là trải qua trăm kiếp mới được giải thoát.

2. “Đại Trí Độ Luận” quyển 28

*Có Bích chi Phật, nhanh nhất là bốn đời, chậm cho đến một trăm kiếp; Thanh văn nhanh nhất ba đời, chậm nhất sáu mươi kiếp.*⁵⁵

“Đại Trí Độ Luận” chủ trương: người hành Thanh văn thừa, mau thì ba đời được giải thoát, chậm thì sáu mươi kiếp. Người hành Bích chi Phật thừa, mau nhất phải cần bốn đời, chậm nhất một trăm kiếp. Cách nói của “Đại Trí Độ Luận” và “Đại Tỳ Bà Sa Luận” giống nhau, cũng là Thanh văn tu theo con đường nhỏ hẹp, mau nhất là ba đời; nhưng trong Thanh văn cũng có tu theo con đường rộng lớn, như ngài Xá-lợi-phất, qua sáu mươi kiếp mới được giải thoát.

3. “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1

Hỏi: Người hành Thanh văn, Bích chi Phật thừa, khi nào mới vượt qua sanh tử đại hải?

*Đáp: Người hành Thanh văn, hoặc là một đời đạt được, hoặc là hai đời, hoặc là hơn thế nữa, tùy theo căn cơ lợi hay đốn. Và do nhân duyên tu hành đời trước. Người hành Bích chi Phật, hoặc là bảy đời đạt được, hoặc là tám đời.*⁵⁶

⁵⁵ Đại Chánh tập 25, trang 266c14~15.

⁵⁶ Đại Chánh tập 26, trang 20b1~6.

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói: Người hành Thanh văn thừa hoặc một đời, hoặc hai đời, hoặc nhiều hơn mới đạt được giải thoát, nhanh chậm không nhất định, đây là tùy theo căn cơ lợi đôn và nhân duyên tu hành đời trước mà có khác nhau. Nếu như đời quá khứ trồng nhân duyên rất sâu, thì giải thoát càng mau. Người hành Bích chi Phật thừa, cần bảy đời hay tám đời đắc độ, cách nói của “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” và “Đại Trí Độ Luận” có chút khác nhau.

II. Người hành Đại thừa khi nào đắc thành Phật đạo?

1. “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 101

*Phật thừa, trải qua ba vô số kiếp mới đạt được giải thoát.*⁵⁷

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” nói: người tu Phật thừa, trải qua vô số kiếp đạt được giải thoát. Nói nghiêm túc, theo cách của Nhất Thiết Hữu Bộ, là ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo, sau cùng mới ở dưới cội bồ-đề đoạn tận phiền não chứng thành Phật đạo.

2. “Đại Trí Độ Luận” quyển 4

Phật nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp làm công đức, vì

⁵⁷ Đại Chánh tập 27, trang 525b20~21.

*độ chúng sanh, sao lại chỉ nói ba A-tăng-kỳ kiếp? Ba A-tăng-kỳ kiếp có giới hạn có số lượng.*⁵⁸

3. “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1

*Nếu người hành Đại thừa: hoặc một Hằng hà sa đại kiếp, hoặc hai, ba, bốn cho đến mười, trăm, ngàn, vạn, ức, hoặc hơn số này, tu hành sau đó mới đạt được đầy đủ Thập địa thành tựu Phật đạo, cũng tùy theo căn cơ lợi鈍, và do nhân duyên tu hành đời trước.*⁵⁹

Theo cách nói của “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” Đại thừa Bồ-tát hoặc một, hoặc hai, ba, bốn, trăm, ngàn, vạn, ức “hằng hà sa đại kiếp”, hoặc hơn số đó mới thành Phật đạo. Câu nói “hoặc hơn số đó”, là con số không thể tính được, cũng có thể nói là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. “Đại Trí Độ Luận” nói đến: “Phật nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp làm công đức, vì độ chúng sanh,... Ba A-tăng-kỳ kiếp có giới hạn có số lượng”. Cũng là nói, Bồ-tát nên phát tâm độ chúng sanh vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” cũng có cách nói tương tự như vậy, như “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” quyển 4 , ‘phẩm Kim Cang (phẩm Ma-ha-tát) thứ 13’ nói:

Tu-bồ-đề thừa Đức Phật: “Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát

⁵⁸ Đại Chánh tập 25, trang 92b7-9.

⁵⁹ Đại Chánh tập 26, trang 20b6-9.

sanh khởi đại tâm như thế nào, mà không thể hư hoại như kim cang?”

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề: “Bồ-tát ma-ha-tát nên sanh khởi tâm như thế này: ta nên vì trong vô lượng sanh tử đại thế trang nghiêm; ta nên xả hết tất cả những gì có, tâm ta nên bình đẳng với tất cả chúng sanh; ta nên dùng ba thừa độ thoát tất cả chúng sanh, khiến nhập vào vô dư Niết-bàn. Ta độ tất cả chúng sanh xong, không có cho đến một người nhập vào vô dư Niết-bàn; ta nên hiểu tướng bất sanh của tất cả pháp; ta nên thuận đem tâm tát-bà-nhã hành lục ba-la-mật; ta nên học trí huệ hiểu rõ tất cả pháp, ta nên hiểu rõ nhất tướng trí môn các pháp; ta nên hiểu rõ cho đến vô lượng tướng trí môn”.

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát ma-ha-tát sanh khởi đại tâm, không hư hoại như kim cang. Bồ-tát ma-ha-tát trụ trong tâm như vậy, ở trong chúng sanh nhất định đứng đầu trong chúng sanh, là pháp dụng không có sở đắc.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên sanh khởi tâm như vậy: Ta nên thay vì tất cả chúng sanh trong mười phương, nếu có chúng sanh trong cõi địa ngục, chúng sanh trong cõi súc sanh, chúng sanh trong cõi ngạ quỷ chịu các loại khổ đau; ta thay thế mỗi một chúng sanh chịu khổ địa ngục trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, cho đến khi chúng

sanh nhập vào vô dư Niết-bàn. Thực hiện như vậy, vì các chúng sanh chịu sự cần lao khổ cực; khi chúng sanh nhập vào vô dư Niết-bàn, sau đó tự trồng thiện căn, vô lượng trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp chúng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đại tâm không thể hoại như kim cang. Trụ ở trong tâm đó nhất định đứng đầu trong chúng sanh”⁶⁰.

Ở đây “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” nói về Bồ-tát, đem tâm đại bi, đại trí huệ trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trước độ chúng sanh nhập vào vô dư Niết-bàn, sau đó tự mình mới thành Phật. “Đại Trí Độ Luận” đã nói “Phật nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp độ chúng sanh”, có thể là dẫn dụng từ “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”.

III. Vì sao người càng lợi căn lại càng chậm chứng đắc giải thoát?

Ở đây có hai vấn đề:

1. Xá-lợi-phất vì sao phải trải qua sáu mươi kiếp mới chứng đắc giải thoát?

Phần trên nói qua “người hành Thanh văn thừa, sớm là ba đời; chậm thì sáu mươi kiếp, như Xá-lợi tử”. Xá-lợi-phất là “trí huệ đệ nhất” trong hàng Thanh văn,

⁶⁰ Đại Chánh tập 8, trang 243b~c.

vì sao mà chậm giải thoát như vậy?

Liên quan đến Xá-lợi-phất, có một câu chuyện rất nổi tiếng, đó là sự tích móc tròng mắt. Như trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 12 kể⁶¹:

Như khi ngài Xá-lợi-phất, trong sáu mươi kiếp hành đạo Bồ-tát, muốn vượt qua sông bố thí, bấy giờ có kẻ ăn xin đến xin con mắt. Ngài nói: “Con mắt không dùng được chi, xin nó làm gì? Nếu cần thân tôi và tài vật, thời tôi sẽ đem cho!” Người kia đáp: “Không cần thân ông và tài vật, chỉ muốn được con mắt thôi. Nếu ông thực hành bố thí, hãy lấy con mắt cho tôi”. Bấy giờ, Ngài móc một con mắt cho, người ăn xin được mắt, liền ở trước mặt Ngài, người rồi chê thối, nhổ nước miếng xong quăng xuống đất; lại lấy chân chà đạp. Xá-lợi-phất suy nghĩ rằng: “Hạng người tệ như vậy, khó có thể độ được. Con mắt thật vô dụng, mà cố xin cho được, được rồi quăng đi, lại lấy chân chà đạp, sao tệ lắm thế. Hạng người như vậy, không thể độ được; chẳng bằng tự điều phục, sớm thoát vòng sanh tử”. Suy nghĩ thế xong, thôi lui đạo Bồ-tát đổi hướng về Tiểu thừa.

Xá-lợi-phất trước đó vốn phát tâm tu hành Đại thừa quảng đại hạnh, sau đó thôi tâm chứng quả Thanh văn,

⁶¹ Đại Chánh tập 25, trang 145a18~29.

do đó Ngài chúng đắc giải thoát chậm hơn, cần phải sáu mươi kiếp.

2. Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, Phật thừa ai lợi căn nhất?

Mọi người đều biết, Phật thừa là lợi căn nhất, trung căn là Bích chi Phật, hạ căn là Thanh văn. Nhưng vì sao Đại thừa Bồ-tát càng lợi căn, càng thượng căn, ngược lại chậm đắc giải thoát như vậy? Thật ra “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 101 đã cho chúng ta lời giải đắp:

Người tu theo con đường nhỏ hẹp đố, nhanh nhất là một đời trông thiện căn, trong đời thứ hai khiến nó thành thực, trong đời thứ ba đắp đượ giải thoát; ngoài ra không quyết định...

Người tu theo con đường rộng lớn đố, Thanh văn thừa nếu chậm nhất, thì trải qua sáu mươi kiếp đắp đượ giải thoát, như Ngài Xá-lợi tử.

Độc giác thừa, trải qua trăm kiếp đắp đượ giải thoát, như Lâm giác dụ. Phật thừa, trải qua ba vô số kiếp mới đắp đượ giải thoát.⁶²

Lại như “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 83 nói:

Đắp đượ đại gia hành nên gọi là đại bi, chẳng phải

⁶² Đại Chánh tập 27, trang 525b15~21.

*như Thanh văn Bồ-đề chỉ trải qua sáu mươi kiếp tu gia hành đạt được, Độc giác Bồ-đề chỉ trải qua trăm kiếp tu gia hành đạt được. Như Lai đại bi ba vô số kiếp, tu tập trăm ngàn nan hành khổ hạnh mới đạt được, nên gọi là đại bi.*⁶³

Cũng là nói hàng Thanh văn tu theo con đường nhỏ hẹp, chỉ chú trọng giải thoát của mình, vì vậy mau chóng đắc giải thoát; mà Đại thừa Bồ-tát tu theo con đường rộng lớn, họ không chỉ tự mình chứng đắc giải thoát mà còn lấy tâm đại bi hóa độ chúng sanh. Tuy nhiên hàng Thanh văn cũng có tu theo con đường rộng lớn như Xá-lợi-phất, trong sáu mươi kiếp tu gia hành, có “bi” tâm, nhưng không thể so với Như Lai trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu tập trăm ngàn nan hành khổ hạnh mà đạt được “đại bi”. Tuy nhiên cuối cùng đều là đắc giải thoát, nhưng “bi” và “đại bi” không đồng, thời kiếp tu hành cũng có những chỗ khác nhau.

Chúng ta nêu một ví dụ, một căn phòng, phía trong có rất nhiều người, đột nhiên căn phòng bị cháy, có người rất nhanh chạy ra ngoài, sau khi chạy ra ngoài rồi không còn trở lại nữa. Có người sau khi căn phòng bị cháy, họ dẫn theo hai người cùng chạy. Có người chỉ dẫn mọi

⁶³ Đại Chánh tập 27, trang 428b26~29.

người thoát thân, sau khi dẫn người thoát thân xong rồi lại quay trở lại, ra lại vào, vào lại ra, cho đến cuối cùng, khi bất đắc dĩ mới từ bỏ. Ví dụ này, tôi nghĩ mọi người có thể hiểu, tuy cuối cùng mọi người đều có thể ra ngoài, đều được giải thoát, nhưng Bồ-tát vì làm nhiều lợi ích cho chúng sanh, họ bỏ thời gian ra rất dài, họ để mình ở sau cùng. Sẽ có người nói, cuối cùng đều được giải thoát, vì sao họ phải bỏ ra thời gian dài như vậy? Trên sự thật họ không phải lo bản thân mà vì chúng sanh.

IV. Có phải nhất định trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật đạo?

Phần trên nói đến: “Đại Tỳ Bà Sa Luận” chủ trương người tu Phật thừa, trải ba vô số kiếp mới được giải thoát; “Đại Trí Độ Luận” thì nói Bồ-tát phải trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Nhưng “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”, “Đại Trí Độ Luận” cũng nhắc đến chúng sanh lợi căn, như Bồ-tát thừa thần thông hành, họ rất mau đạt thành tựu.

1. “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”: Bồ-tát lợi căn có ba loại

“Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” quyển 2 ‘Vãng Sanh phẩm thứ 4’ (Đại Chánh tập 8, trang 226a6~15) nói:

Xá-lợi-phất! Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát ý, hành

lục ba-la-mật, đạt được Bồ-tát vị, chứng đắc Bát thối địa.

Xá-lợi-phất! Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, liền được vô thượng chánh đẳng chánh giác, chuyển pháp luân, với vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh làm lợi ích sâu dày xong, nhập vào vô dư Niết-bàn; là Phật sau khi nhập Niết-bàn, giáo pháp còn lại trụ một kiếp, hoặc gần một kiếp.

Xá-lợi-phất! Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát ý, tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật, với vô số trăm ngàn ức Bồ-tát từ quốc độ Phật này đến quốc độ Phật kia, vì tịnh Phật quốc độ.⁶⁴

“Vãng Sanh phẩm” trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” nói đến hơn bốn mươi loại Bồ-tát, trong đó có ba loại Bồ-tát này rất lợi căn.

A. Loại Bồ-tát lợi căn thứ nhất

“Bồ-tát ma-ha-tát” đó là Bồ-tát đại sĩ. Có một loại Bồ-tát “khi mới phát ý”, thì có thể “hành lục ba-la-mật, đạt được Bồ-tát vị”. “Bồ-tát vị” và “Bồ-tát địa” ở đây không giống nhau, chỗ này ngài Cưu-ma-la-thập dịch “Bồ-tát vị” là “Bồ-tát chánh tánh ly sanh”, “Đại Trí Độ Luận” đối với “Bồ-tát vị” có nhiều cách giải thích, trong

⁶⁴ “Đại Trí Độ Luận” quyển 38, Đại Chánh tập 25, trang 342b20-27.

đó một loại tương đương với kiến đạo vị của Đại thừa, giai đoạn chứng đắc vô sanh pháp nhẫn. Bồ-tát chánh tánh ly sanh, “chứng đắc bất thối địa”. Vì vậy loại Bồ-tát này rất lợi căn, họ không phát tâm thì thôi, một khi phát tâm thì có thể hành lục ba-la-mật, chứng đắc đến Bất thối chuyển địa, họ cũng không lo sợ thối chuyển xuống Nhị thừa.

B. Loại Bồ-tát lợi căn thứ hai

“Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, liền được vô thượng chánh đẳng chánh giác”, Bồ-tát này rất lợi căn, một khi phát tâm liền đắc vô thượng bồ-đề, “chuyển pháp luân, với vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh làm lợi ích sâu dày xong, nhập vào vô dư Niết-bàn”; khi họ còn ở đời chuyển pháp luân, sau mới nhập vô dư Niết-bàn. Mà sau khi nhập vô dư Niết-bàn, “giáo pháp còn lại trụ một kiếp, hoặc gần một kiếp”. Bản Tôn sau khi nhập diệt, còn lưu lại hóa Phật độ hóa chúng sanh khoảng một kiếp. Đây trong Kinh Luận thường nói như vậy.

C. Loại Bồ-tát lợi căn thứ ba

“Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát ý, tương ưng với Bát nhã ba-la-mật, với vô số trăm ngàn ức Bồ-tát từ quốc độ Phật này đến quốc độ Phật kia, vì tịnh Phật quốc độ”. Những vị Bồ-tát này là có thần thông, từ một Phật quốc

này đến từ một Phật quốc khác, họ dùng thần thông bay tới lui, không phải bên đây ăn, bên kia uống lo du ngoạn thôi, mà vì cúng dường chư Phật, tịnh thể giới Phật, đi học hỏi các tướng tốt đẹp ở các nơi, lựa chọn các thú tịnh diệu trang nghiêm thể giới khác, trang nghiêm quốc độ của mình.

2. Năm loại Bồ-tát trong “Đại Trí Độ Luận”

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38 đối với lợi căn Bồ-tát trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, phẩm Vãng Sanh” giải thích như sau:

Có ba loại Bồ-tát, lợi căn tâm kiên cố, trước khi chưa phát tâm, từ lâu đã tích tập vô lượng phước đức trí huệ; người này gặp Phật, nghe pháp Đại thừa, phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức thời hành lục độ ba-la-mật, nhập vào Bồ-tát vị, chứng đắc Bất thối địa. Tại vì sao vậy? Trước tích tập vô lượng phước đức, lợi căn tâm kiên cố, từ Phật nghe giáo Pháp. Ví như đi xa, 1. Hoặc cỡi dê để đi, 2. Hoặc cỡi ngựa để đi, 3. Hoặc dùng thần thông đi.

Người cỡi dê đi lâu mới đến; người cỡi ngựa đến nhanh hơn; người dùng thần thông, trong thời gian một ý niệm đã đến nơi. Như vậy không thể nói trong thời gian một ý niệm đã đến nơi? Vì sử dụng thần thông,

*không nên sanh tâm nghi ngờ! Bồ-tát cũng như vậy, khi phát vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức nhập vào Bồ-tát địa.*⁶⁵

“Đại Trí Độ Luận” nói: Bồ-tát có lợi căn tâm kiên cố, trước khi chưa phát tâm có thể chưa nghe đến pháp Đại thừa, chưa có chân chánh phát tâm đại bồ-đề, nhưng những việc làm của họ, đã tích lũy phước đức trí huệ tu lương. Lúc trước khi gặp Phật, họ còn không biết pháp Đại thừa chân chánh là gì, nhưng sau khi gặp Phật, lắng nghe pháp Đại thừa, lập tức liền phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, hành lục ba-la-mật, còn rất nhanh nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh, chứng đắc đến bất thối chuyển. Giống như có người trước khi bước vào cửa Phật, ở thế gian họ đã làm các việc thiện, phục vụ nhân quần, những người này đã tích lũy rất nhiều phước đức trí huệ, sau khi bước vào cửa Phật liền tiến bộ rất nhanh.

Có người cảm thấy kỳ lạ, vì sao Bồ-tát mau chứng đắc bất thối chuyển? “Đại Trí Độ Luận” đã dẫn một bộ Kinh, đời Nguyên Ngụy Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi đã dịch “Kinh Nhập Định Bất Định Ấn”⁶⁶, phù hợp cùng với đây, bộ Kinh nói về “bất tất định nhập” và “định nhập”. Ý

⁶⁵ Đại Chánh tập 25, trang 342b28~c9.

⁶⁶ Đại Chánh tập 15, trang 699c.

nghĩa của “định nhập” là nhất định thành Phật, “bất tất định nhập” là không nhất định thành Phật, khi nào thành Phật còn chưa biết rõ.

Dưới đây “Đại Trí Độ Luận” nói về đi xe dê, đi xe ngựa, dùng thần thông đi, dẫn dụng từ bộ kinh này. Ở đây nói: người đi xe dê rất lâu mới tới, người đi xe ngựa nhanh hơn một chút, người đi bằng thần thông một khi khởi tâm động niệm rất nhanh là tới rồi. Lợi căn Bồ-tát cũng giống như thần thông, một khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức nhập vào Bồ-tát vị. Tiếp theo thuận theo đó nói đến đi xe dê và đi xe ngựa.

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38⁶⁷ nói:

A. Có Bồ-tát khi mới phát ý, ban đầu tâm tốt, sau đó lẫn tạp các điều không tốt, lúc nào cũng nghĩ, ta cầu Phật đạo, đem công đức này hồi hướng về vô thượng chánh đẳng chánh giác; người này trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp rất lâu, hoặc đến hoặc không đến. Đòi trước phước đức nhân duyên ít, mà lại đôn căn, tâm không kiên cố, như người đi bằng xe dê.

B. Có người đòi trước, có chút phước đức lợi căn, phát tâm từ từ hành lục ba-la-mật, trải qua hoặc ba, hoặc mười, hoặc trăm A-tăng-kỳ kiếp, chứng đắc vô thượng

⁶⁷ Đại Chánh tập 25, trang 342c9~18.

chánh đấng chánh giác; như đi bằng xe ngựa nhất định đến nơi.

C. Có người dùng thần thông để đi, như trên đã nói qua.

Là ba loại phát tâm: một là tội nhiều phước ít, hai là phước nhiều tội ít, ba là chỉ hành thanh tịnh phước đức.

1. Loại Bồ-tát thứ nhất: như Bồ-tát đi bằng xe dê

Loại Bồ-tát này, lúc mới phát tâm đương nhiên là tốt, nhưng không phải niệm niệm đều thuần là thiện, có khi thiện, có khi không tốt, vì vậy nói “sau đó lẫn tạp các điều không tốt”. Loại Bồ-tát này, nhân vì đời trước phước đức nhân duyên mỏng, căn tánh lại chậm lụt, tâm không kiên cố, trải qua rất lâu vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu hành, có thể đạt được vô thượng chánh đấng chánh giác, có thể không được, trong kinh ví dụ là “như người đi bằng xe dê”. Bồ-tát đi xe dê này là “bất tất định nhập”, cũng không nhất định là thành Phật.

2. Loại Bồ-tát thứ hai: như Bồ-tát đi bằng xe ngựa

Loại Bồ-tát này căn tánh lanh lợi hơn, phước đức cũng tốt hơn, “phát tâm từ từ hành lục ba-la-mật, trải qua hoặc ba, hoặc mười, hoặc trăm A-tăng-kỳ kiếp, chứng đắc vô thượng chánh đấng chánh giác; như đi bằng xe ngựa nhất định đến nơi”. Bồ-tát đi bằng xe ngựa này là

“định nhập”, tuy nhiên là chậm một chút, nhưng họ nhất định sẽ thành Phật.

3. Loại Bò-tát thứ ba: Bò-tát lợi căn nhập nguyệt thần thông hành (hạ phẩm)

Bò-tát đi bằng thần thông, đã hành phước đức thanh tịnh, một khi phát đại bò-đề tâm, rất nhanh chóng đắc bất thối chuyển. Cũng là thần thông hành, lại có phân hạ, trung, thượng không đồng, “Kinh Nhập Định Bất Định Ấn” phân biệt đặt thêm tên gọi: Nhật nguyệt thần thông hành, Thanh văn thần thông hành, Như lai thần thông hành. Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 38 nói:

“Thanh tịnh có hai loại: một là khi sơ phát tâm, tức chứng đắc Bò-tát đạo, hai là Tiểu trụ; cúng dường mười phương chư Phật, thông đạt Bò-tát đạo, nhập vào Bò-tát vị, tức là Bất thối địa. Ý nghĩa Bò-tát Bất thối địa, phần trên đã nói qua”.⁶⁸

Bò-tát này tương đương với lợi căn Bò-tát thứ nhất trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”, “Đại Trí Độ Luận” lại phân thành hai loại: một loại là khi phát tâm lập tức liền chứng đắc Bất thối chuyển, loại thứ hai là chậm hơn một chút. Vì vậy gọi là “Tiểu trụ”, phải cúng dường mười phương Phật, sau khi thông đạt Bò-tát đạo, mới nhập vào

⁶⁸ Đại Chánh tập 25, trang 342c18~21.

Bồ-tát vị.

4. Loại Bồ-tát thứ tư: Lợi căn Bồ-tát Thanh văn thần thông hành (trung phẩm)

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38 nói:

Có Bồ-tát, rất chán thế gian, đời đời đến nay, thường thích chơn thật, ghét sự giả dối. Bồ-tát này cũng lợi căn, tâm kiên cố, tích tập lâu dài phước đức trí huệ, khi sơ phát tâm, liền chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức thời chuyển pháp luân, độ vô lượng chúng sanh, nhập vô dư Niết-bàn; pháp trụ một kiếp, hoặc gần một kiếp, lưu lại hóa thân Phật để độ chúng sanh. Phật có hai loại thần thông lực: một là khi còn ở đời; hai là sau khi nhập diệt. Ý nghĩa của kiếp, phần trên đã nói qua. Trong thời gian kiếp đó, hóa độ chúng sanh rất nhiều.⁶⁹

Loại Bồ-tát này cũng là lợi căn tâm kiên cố, tích tập rất lâu vô lượng phước đức trí huệ, khi ban đầu mới phát tâm, liền chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức chuyển pháp luân độ chúng sanh; sau khi nhập vào vô dư Niết-bàn, thần thông lực vẫn còn lưu lại hóa thân Phật để độ chúng sanh, khiến cho Phật pháp còn trụ thế một kiếp, hoặc gần một kiếp. “Kiếp” là đơn vị tính

⁶⁹ Đại Chánh tập 25, trang 342 c21~28.

toán thời gian của Phật giáo, một đơn vị thời gian rất dài.

5. Loại Bồ-tát thứ năm: Lợi căn Bồ-tát Như lai thần thông hành (thượng phẩm)

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38 nói:

Có Bồ-tát lợi căn tâm kiên cố, tích tập phước đức lâu dài, phát tâm liền tương ưng với Bát nhã ba-la-mật, đạt được sáu loại thần thông; với vô lượng chúng sanh, cùng xem mười phương thế giới thanh tịnh, để trang nghiêm quốc độ mình. Như Đức Phật A Di Đà, đời trước là Tỳ-kheo Pháp Tạng, đi đến khắp mười phương, xem quốc độ thanh tịnh, chọn lựa quốc độ thanh tịnh vi diệu, để trang nghiêm quốc độ mình.⁷⁰

“Đại Trí Độ Luận” nêu lên một ví dụ thực tế, “Như Đức Phật A Di Đà” là thuộc về Bồ-tát lợi căn này. “Đời trước là Tỳ-kheo Pháp Tạng, đi đến khắp mười phương, xem quốc độ thanh tịnh, chọn lựa quốc độ thanh tịnh vi diệu, để trang nghiêm quốc độ mình”. Bồ-tát khi phát tâm, liền cùng với rất nhiều vị Bồ-tát từ Phật độ này đến Phật độ khác, không phải vì du ngoạn, trên thực tế là họ đến các nơi Phật quốc thanh tịnh, tuyển chọn các thứ tịnh diệu đến trang nghiêm thế giới cực lạc, đây không phải là

⁷⁰ Đại Chánh tập 25, trang 342 c28~343a4.

trang sức thôi, trên thực tế muốn cho chúng sanh có một hoàn cảnh tu học tốt đẹp.

Chúng ta từ “Đại Trí Độ Luận” đã nêu đi bằng xe dê, đi bằng xe ngựa và loại thứ ba là đi bằng thần thông, tất cả có năm loại Bồ-tát, trong đó loại Bồ-tát thứ ba Nhật nguyệt thần thông hành, loại Bồ-tát thứ tư Thanh văn thần thông hành, loại Bồ-tát thứ năm Như lai thần thông hành, tức là “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” đã nói ba loại lợi căn Bồ-tát. Liên quan đến ba loại lợi căn Bồ-tát này, Ngài Ấn Thuận trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” từ trang thứ 414 đến 415 giải thích cụ thể. Ngài đem Nhật nguyệt thần thông hành xếp ở “Bồ-tát Đảnh vị”, đem Thanh văn thần thông hành xếp ở “Bồ-tát Sơ địa”, đem Như lai thần thông hành xếp ở “Bồ-tát Sơ địa trở lên”, các vị có thể tham khảo.

V. Cách nhìn của “Đại thừa Khởi Tín Luận” đối với thời gian kiếp số để thành Phật

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” của Nhất thiết hữu bộ chủ trương ba A-tăng-kỳ kiếp thành Phật; “Đại Trí Độ Luận” tuy nói đến vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thành Phật đạo, cũng có nói tới lợi căn Bồ-tát có thể mau chóng thành Phật; Chân Đế dịch “Nhiếp Đại Thừa Luận”, cũng nói là ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng cũng có người chủ trương bảy

A-tăng-kỳ kiếp hoặc ba mươi ba A-tăng-kỳ kiếp.⁷¹ “Đại Thừa Khởi Tín luận” quyển 11 nêu lên cách nói khác:

Vị Bồ-tát ấy trong khoảng một niệm, có thể đến khắp thập phương thế giới không có thiếu sót, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ vì để khai thị dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không nương với văn tự. Hoặc khi vì các chúng sanh khiếm nhược, thị hiện siêu việt tất cả địa mà sớm thành chánh giác. Hoặc khi vì những chúng sanh giải đãi, ngã mạn, mà nói rằng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp về sau, mới thành Phật đạo. Lại có thể thị hiện vô số phương tiện, như thế không thể nghĩ bàn. Nhưng sự thật thì các vị Bồ-tát chủng tánh và căn cơ đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chứng được cũng bình đẳng, không có cái pháp vượt bậc. Do tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, chỉ do tùy thuận chúng sanh thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn dục tánh khác nhau, nên Bồ-tát thị hiện việc làm cũng có khác nhau.⁷²

“Đại Thừa Khởi Tín Luận” nói: “Vị Bồ-tát ấy trong khoảng một niệm, có thể đến khắp thập phương thế giới không có thiếu sót, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển

⁷¹ Chân Đế dịch “Nhiếp Đại Thừa Luận Thích” quyển 11, Đại Chánh tập 31, trang 229b14~19; Đại Chánh tập 31, trang 230a25~28; Đại Chánh tập 31, trang 231b23~27.

⁷² Đại Chánh tập 32, trang 581a29~b9.

pháp luân, chỉ vì để khai thị dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không nương với văn tự. Hoặc khi vì các chúng sanh khiếp nhược, thị hiện siêu việt tất cả địa mà sớm thành chánh giác”. Đây là vì có chúng sanh khiếp nhược, một khi nghe đến tu hành phải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, họ liền thối chí nản lòng, nói không có hy vọng gì! Để vì chỉ dạy chúng sanh này, nói rất nhanh là có thể thành chánh giác, để cho họ có một chút tín tâm.

Ngoài ra, có một loại chúng sanh giải đãi, kiêu ngạo một chút, họ thấy có Bồ-tát mau thành Phật, vậy thì ta cũng nhất định rất mau, nên giải đãi. Họ nghĩ thành Phật đã nhanh như vậy, ta làm biếng một chút, đợi khi nào muốn thành Phật, ta cũng rất mau có thể thành tựu. Nhưng trên sự thật làm gì mà dễ dàng như vậy, nếu như hiện tại chúng ta không cất bước, đợi mười năm, hai mươi năm sau, tức khiến trăm, kiếp ngàn kiếp sau đều không thấy đến thành tích! Vì vậy đối với loại chúng sanh giải đãi, kiêu ngạo này, Phật mới nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật đạo.

Đây là đứng trên lập trường của chúng sanh mà hiển thị những cách không đồng, có khi hiển thị mau thành Phật, có khi hiển thị chậm một chút, nên nói “có thể thị hiện vô số phương tiện, như thế không thể nghĩ bàn”. Sự

hiện thị đối với chúng sanh như thế.

Dưới đây là nói đến bản thân Bồ-tát tu hành.

“Nhưng sự thật thì các vị Bồ-tát chủng tánh và căn cơ đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chứng được cũng bình đẳng”, căn là thiện căn, chủng tánh và thiện căn bình đẳng, mà phát tâm cũng giống nhau, chứng đắc cũng giống nhau. “Không có cái pháp vượt bậc”, là nói mỗi người phiền não nhiều, phải trải qua lộ trình dài, cần phải tích lũy phước đức trí huệ tư lương đều giống nhau, không có nói người nào đó có thể tu ít hơn chút, không có chuyện đó! Mọi người đều giống nhau, vì vậy không có pháp nào vượt bậc.

Do tất cả Bồ-tát đều trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, chỉ do tùy thuận chúng sanh thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn dục tánh khác nhau, nên Bồ-tát thị hiện việc làm cũng có khác nhau.

Tóm lại, “Đại thừa Khởi Tín Luận” có một cách nhìn đặc biệt: không quản là cách thuyết pháp của Kinh Luận có nhiều bất đồng, thì thật mà nói, nhất định là ba A-tăng-kỳ kiếp thành Phật đạo; nhưng tùy theo căn tánh của chúng sanh, các sự ham thích không đồng, sự thị hiện về thời gian thành Phật đạo cũng dài ngắn không giống nhau, có khi chậm một chút, có khi nhanh một chút.

Lời giải thích trích ở trang 334 trong “Đại Thừa Khởi Tín Luận Giảng Ký” của đạo sư Ấn Thuận, để cho đại chúng tham khảo.

Bởi vì “tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp” mới thành Phật, đây là điều mà tất cả Bồ-tát đều như thế. Từ Sơ trụ cho đến viên mãn Thập hồi hướng, là A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất; từ Sơ địa cho đến Thất địa mãn tâm, là A-tăng-kỳ kiếp thứ hai; từ Bát địa cho đến Thập địa viên mãn, là A-tăng-kỳ kiếp thứ ba. Chủng tánh, thiện căn, phát tâm, chứng ngộ, đều là giống nhau; đến khi viên mãn thành Phật, thì chư Phật bình đẳng với chư Phật. “Chỉ do tùy thuận chúng sanh thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn dục tánh khác nhau, nên Bồ-tát thị hiện việc làm cũng có khác nhau”. Căn khác nhau, là căn cơ lợi鈍 (thượng, trung và hạ) có khác; dục khác nhau, tức sự yêu thích và đam mê có khác; tánh khác nhau, tức tập quán huân nhiễm có khác. Trong mười năng lực giám sát căn cơ của Như Lai, thì có Căn thắng liệt trí lực (căn), Chủng chủng thắng giải trí lực (dục), Chủng chủng giới trí lực (tánh). Nhân vì chúng sanh ở các thế giới khác nhau, do đó thấy nghe không đồng, căn, dục và tánh cũng bất nhất, nên chẳng thể không thị hiện các loại hành khác nhau; nhưng trên thực tế thì hành trình của Bồ-tát là giống nhau.

Đạo sư Ấn Thuận trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 413 cũng nói đến: “Đại thừa Khởi Tín Luận” phần quyết trạch: Kinh nói không nhất định, là cách nói phương tiện; từ thành tựu tín tâm cho đến thành Phật, thì thực chất phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp”. Đây là quan điểm của “Đại thừa Khởi Tín Luận”.

VI. Hai cách giải thích về từ A-tăng-kỳ kiếp

Đạo sư Ấn Thuận trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 413~414 đưa ra một quan niệm, tôi (tác giả) cho rằng quan niệm này rất tốt, hai cách giải thích về từ A-tăng-kỳ kiếp, một là “Thời gian kiếp”, hai là “Đức hạnh kiếp”.

“Thời gian kiếp” là tiêu chuẩn khách quan được đặt ra của mọi người, ví dụ nói, chúng ta bảy giờ tối bắt đầu học, đây là thời gian mọi người cùng đồng ý. Nhưng trên sự thật, đối với thời gian mỗi người đều có cảm giác không giống nhau, có khi cảm giác thời gian trôi qua rất nhanh, có khi thời gian trôi đi rất chậm! Thời gian theo “Trung Luận” nó là tánh Không. Thời gian kiếp là thời gian mọi người cùng chấp nhận, từ lúc nào bắt đầu, trải qua bao lâu thời gian, thì đạt đến mục đích.

Ngoài ra “Đức hạnh kiếp” là từ đức hạnh, tính bằng

công đức.

Ví dụ muốn hoàn thành một công việc, tốn bao nhiêu thời gian hoàn thành và hiệu suất cao thấp có quan hệ rất lớn. Giả thiết cần xây một ngôi nhà phải cần sáu tháng, nhưng nếu hiệu suất cao, kỹ thuật khéo, có khi xây xong nhanh hơn. Nhưng, nếu thiếu vật liệu lại lười biếng, thời tiết xấu v.v.. các nhân tố ảnh hưởng, ngày công tất kéo dài, khi nào hoàn thành công việc cũng không quyết định được. Vì vậy nếu nói hiệu suất cao, chuyên tâm thật lòng, phương tiện thiện xảo các phương diện đều đầy đủ, tu hành đương nhiên sẽ rất nhanh.

Phần trên có nhắc đến các bộ Kinh Luận cách giảng giải không giống nhau, có khi nói ba A-tăng-kỳ kiếp, hoặc nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thành Phật đạo v.v..., nhưng trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1 nói: “*Cũng tùy căn tánh lợi đốn, và nhân duyên tu hành đời trước*”⁷³, vì vậy tu hành nhanh chậm trừ căn tánh lợi độn ra, trong đời quá khứ có quảng tích phước đức trí huệ tu lương, còn phải xem cá nhân có dụng tâm, thời gian chỉ là một đại khái, Đạo sư Ấn Thuận đưa ra Thời gian kiếp, Đức hạnh kiếp, có thể lấy đó làm tham khảo.

⁷³ Đại Chánh tập 26 trang 20b9.